

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 120 phút**

(Theo cấu trúc đề minh họa của Bộ năm 2025)

I. Hình thức: Tự luận

II. Thời gian: 120 phút

III. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng %
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Thơ Đường luật (ngoài SGK)	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn NL văn học	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí	1	7.5%		10%		22.5%		40%
Tỉ lệ				22.5%		35%		42.5%		100%
Tổng			7	100%						

IV. Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá

T T	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	
1	1.Đọc hiểu	Thơ Đường luật (ngoài SGK)	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản/đoạn trích thơ Đường/thơ Đường luật Trung đại Việt Nam. Xác định được đề tài; chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc của văn bản/đoạn trích. Chỉ ra được thông tin trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn 	2 câu	2 câu	1 câu	

			<p>trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tu từ... - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường/thơ Đường luật Trung đại Việt Nam. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của văn bản/đoạn trích. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản, hoặc vấn đề rút ra từ văn bản. 				
2	Viết	Viết đoạn văn NL văn học	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. 	1*	1*	1*	1

			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận. - Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình đối với thông điệp được gợi ra từ vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được đặc sắc của vấn đề nghị luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 				
		Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, 	1*	1*	1*	1

			<p>những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. 				
--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Phần viết có 02 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

ĐỀ LUYỆN

ĐỀ SỐ 1

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

QUÊ CÁT

(Nguyễn Trọng Tạo)

Quê cát dựng một trời gió cát
 Bãi lau thưa nhón hoắt nắng hè
 Nhà bạn nhỏ bên kia con đường đất
 Mà muốn sang, tìm trước bóng cây che.

Quê cát những thân tre thấp lửa
 Mỗi trưa hè đẩy cửa nhìn ra
 Cây rom nắng vàng hươm sắc lúa
 Một vùng trưa chan chứa tiếng gà.

Quê cát những thân dừa cặm cụi
 Như mẹ hiền sớm tối nuôi con
 Chịu cát bỏng một đời thân mẹ
 Vẫn quanh năm ngọt nước cho buồng non

Quê cát nắng từng cơn bỏng rát
Mà quân thù hồng cướp giọt nước trong
Chúng đâu hiểu từ trong lòng cát
Đạn bất ngờ thiêu chúng giữa tầng không.

Xác máy bay cùng hố bom tội lỗi
Cát cứ vui như cát có bàn tay
Lớp trẻ chúng tôi lớn lên làm chiến sĩ
Cát quê hương thành chuyện kể đường dài...

Diễn Châu, 1969

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra những hình ảnh gợi về miền quê cát bình dị, thân thương của tác giả được nhắc đến trong hai khổ thơ đầu.

Câu 3. Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

*Quê cát nắng từng cơn bỏng rát
Mà quân thù hồng cướp giọt nước trong*

Câu 4. Phân tích tác dụng của việc lặp lại từ “quê cát” trong các khổ thơ.

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo thể hiện trong tác phẩm “Quê cát”.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình trạng nghiện thuốc lá điện tử ở một bộ phận học sinh hiện nay.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Thể thơ: Tự do Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.	0,5
	2	Những hình ảnh gợi về miền quê cát bình dị, thân thương của tác giả: - bãi lau nhón hoắt - đường đất - thân tre thấp lửa - cây rom	0,5

		<ul style="list-style-type: none"> - nắng vàng - lúa vàng hươm <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời từ 04 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 02 chi tiết: 0,25 điểm 	
	3	<p>Hiếu về hai câu thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Quê cát nắng từng cơn bỏng rát</i> <i>Mà quân thù hồng cướp giọt nước trong</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng quê cát nắng cháy bỏng rát, người dân nơi đây vừa gánh chịu sự khắc nghiệt của thời tiết, vừa chịu sự đàn áp của giặc ngoại xâm. - Hai câu thơ khắc hoạ những khó khăn, khổ cực của người dân quê cát, khơi gợi niềm cảm thông xót xa cho người đọc. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Học sinh chỉ nêu được chủ đề về lòng hiếu thảo của anh Hết: 0,5 điểm. 	1,0
	4	<p>Phân tích tác dụng của việc lặp lại từ “quê cát” trong các khổ thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp điệp cấu trúc : “<i>Quê cát những...</i>” - Tác dụng <p>+ Nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng về một miền quê nhiều nắng gió, cồn cỗi mà bền bỉ kiên cường.</p> <p>+ Tạo nhịp điệu cho bài thơ.</p> <p>+ Qua đó thể hiện tình yêu quê hương sâu nặng, tha thiết của tác giả.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm. - Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm 	0,25 0,75
	5	<p>Suy nghĩ về vai trò của quê hương đối với mỗi con người:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Quê hương là nơi ta sinh ra, là nơi gắn liền với những năm tháng ấu thơ tươi đẹp, nơi bồi dưỡng tâm hồn và nhân cách của ta trong những thời khắc đầu đời. – Quê hương là nơi có gia đình, có hàng xóm láng giềng, có hơi ấm của sự chở che, tình yêu thương. – Quê hương là bến đỗ của con người sau những giông bão của cuộc đời. <p>Hướng dẫn chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm. - Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm. - Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm. 	
II		LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ cảm nhận về đẹp tâm hồn	2.0

		nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo thể hiện trong tác phẩm “Quê cát”.	
		a) <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> <i>Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> (khoảng 200 chữ). Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo thể hiện trong tác phẩm “Quê cát”.	0,5
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> * <i>Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận.</i> Sau đây là một số gợi ý: - <i>Tác giả là người có tình yêu quê sâu nặng:</i> + <i>Nhớ về miền quê với không gian khoáng đạt, mênh mông, gần gũi...</i> + <i>Thấu hiểu những vất vả, khổ cực của người dân quê cùng những đau thương mất mát do chiến tranh tàn phá.</i> + <i>Yêu thương, trân trọng và luôn khắc ghi trong lòng hình bóng quê hương.</i> - <i>Lời thơ, giọng thơ giản dị, chân thành, giàu cảm xúc.</i> Hướng dẫn chấm - <i>Trình bày được tương tự như đáp án: 1,0 điểm.</i> - <i>Trình bày được 1-2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương tự: 0,5 điểm</i> - <i>Trình bày lan man, không rõ ý: 0,25 điểm.</i>	0,5
		đ. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - <i>Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề.</i> - <i>Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý.</i> - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</i>	0,25
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e) <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình trạng nghiện thuốc lá điện tử ở một bộ phận học sinh hiện nay.	5.0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> nghị luận xã hội	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> tình trạng nghiện thuốc lá điện tử	0,5

	<p>ở một bộ phận học sinh hiện nay.</p> <p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết.</p> <p>* Nêu vấn đề: tình trạng nghiện hút thuốc lá điện tử ở một bộ phận học sinh; Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề</p> <p>1. Giải thích</p> <p>+ Thuốc lá điện tử là một loại mô phỏng điều thuốc lá truyền thống. Nhưng khác với thuốc lá thường, thuốc lá điện tử không tạo khói mà tạo ra luồng hơi có mùi vị và cảm giác giống thuốc lá thật. Do không tạo khói khi hút, thuốc lá điện tử được các nhà sản xuất quảng cáo trên thị trường với khả năng loại bỏ các chất độc và mùi khó chịu chứa trong thuốc lá truyền thống.</p> <p>+ Nghiện thuốc lá điện tử là trạng thái cảm giác luôn thèm và bị lệ thuộc vào nó, hút nhiều, hút không kiểm soát được.</p> <p>2. Thực trạng của vấn đề:</p> <p>+ Nghiện thuốc lá điện tử ngày càng phổ biến trong xã hội: từ các đô thị lớn tràn về các miền quê</p> <p>+ Nghiện thuốc lá điện tử trẻ hoá ở độ tuổi: từ thanh niên xuống vị thành niên (Học sinh cấp ba, cấp hai...)</p> <p>+ Tình trạng nghiện ngày càng đáng lo ngại: những biểu hiện nghiện đa dạng và ngày càng nguy hiểm như vật vã, ngủ li bì, trầm cảm, ảo giác, loạn thần</p> <p>3. Hậu quả</p> <p>+ Thể chất giảm sút, trường hợp nặng bị tai biến, đột quỵ, đột tử do sốc thuốc.</p> <p>+ Tinh thần thiếu minh mẫn, hay bị kích động, rơi vào trạng thái lơ mơ, không làm chủ được cảm xúc...</p> <p>+ Thiệt hại về kinh tế: tốn kém tiền mua thuốc lá điện tử; tốn kém tiền chữa bệnh, khắc phục hậu quả của chứng nghiện thuốc lá điện tử.</p> <p>4. Nguyên nhân</p> <p>+ Khách quan: Sự du nhập luồng văn hoá ngoại lai, hiện tượng bán tràn lan, không kiểm soát của các loại thuốc lá điện tử; Sự hấp dẫn của các loại hương vị, hình thức của thuốc lá điện tử</p> <p>+ Chủ quan: Tâm lý tò mò, thích khám phá; đua đòi, a dua theo bạn bè; thiếu sự quản lý của gia đình, nhà trường, xã hội...</p> <p>5. Biện pháp khắc phục</p> <p>+ Đối với các cơ quan chức năng: cần thiết chặt quản lý việc mua bán thuốc lá điện tử, tăng cường tuyên truyền về tác hại của thuốc lá điện tử trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao mức phạt đối</p>	1.0
--	--	-----

	<p>với những trường hợp liên quan đến sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc lá điện tử.</p> <p>+ Đối với mỗi cá nhân: trang bị kiến thức, hiểu biết về tác hại của thuốc lá điện tử; tinh táo, sáng suốt, tránh bị dụ dỗ buôn bán, sử dụng thuốc lá điện tử; tham gia các hoạt động thể dục thể thao lành mạnh; khuyên nhủ bạn bè từ bỏ thuốc lá điện tử; ...</p> <p>+ Đối với bản thân: cần nhận thức rõ mối nguy hại của thuốc lá điện tử và nói không với thuốc lá điện tử; sống lành mạnh, có mục tiêu tốt đẹp...</p> <p>* Kết thúc vấn đề:</p> <p>- Khẳng định lại sự cần thiết phải quan tâm, giải quyết vấn đề</p> <p>- Nêu thông điệp, kêu gọi mọi người hưởng ứng việc thực hiện những biện pháp nêu trên.</p>	
	<p><i>đ. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân.</p> <p>- Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ SỐ 2

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MUÔN VÀN TÌNH THÂN YÊU TRÙM LÊN KHẮP QUÊ HƯƠNG

- Việt Phương -

Trời đổ mưa, đi viếng Bác, đồng bào chờ, bị ướt
Bác thương đồng bào, con biết Bác không vui

Ngừng đập trái tim tốt bậc con người
Cây cỏ đất trời không thật nữa
Mặt ta nhìn sắc màu cũng giả
Ôi ước gì không thật cả nỗi đau mồ côi

Con đóng cửa buồng, ở mình con với Bác
Chưa muốn cùng ai chia bớt nỗi đau này
Quanh người con và trong con tất cả đều bỗng khác
Bác qua đời rồi sao con vẫn ngồi đây
Con không thể nghĩ rằng Bác Hồ đã mất
Mà nắng vẫn chuyển như sóc giữa lùm cây.

Con chim đuôi dài được Bác chở che vẫn bay về trước cổng
Cây vú sữa đầu nhà đang xoè rộng tán sum suê
Bầy cá rô phi nhớ giờ Bác cho ăn lại ngoi lên đớp sóng
Con ra đường quen đứng ngóng Bác quay về

Hôm nay trên vườn ta trời uy nghi lồng lộng
Hàng bụi mọc trâm tư vút thẳng bên bờ ao
Gió heo may trong cảnh đa lao xao tìm gọi nắng
Lê-Nin trên bàn đang chờ đón Bác đi vào

Bác ơi lúa mùa này đồng thấp đồng cao lên đẹp lắm
Con bão vào đất liền đi chậm lại rồi tan
Mua bia đã bớt xếp hàng và anh em còn cố gắng
Đêm qua 140 bớt đồn thù bị ta đánh trong Nam
Con trừ các loại tin đứng chờ đây mong từ Bác một lời ánh sáng
Như từ lâu nay con thường vẫn hay làm
Bác lại về đi Bác ơi sau mấy ngày đi vắng
Khoẻ mạnh hồng hào trong nắng óng vườn cam

(Trích, Việt Phương, *Cửa mở*, NXB Văn học, 1970)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. Bài thơ gợi cảm hứng từ sự kiện nào của đất nước?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

Ngừng đập trái tim tốt bậc con người
Cây cỏ đất trời không thật nữa

Câu 4. Phân tích tác dụng của nghệ thuật đối sử dụng trong hai câu thơ dưới đây:

Con không thể nghĩ rằng Bác Hồ đã mất
Mà nắng vẫn chuyển như sóc giữa lùm cây.

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam ta?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ cảm nhận về hai câu thơ cuối trong bài thơ:

Bác lại về đi Bác ơi sau mấy ngày đi vắng
Khỏe mạnh hồng hào trong nắng óng vườn cam

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tùy tiện trong phát ngôn.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

[illegible]

		<p>giữa sự sống và cái chết. Bác không còn nữa nhưng vạn vật vẫn còn tươi nguyên và tràn đầy sức sống.</p> <p>+ Khiến diễm đạt trở nên cụ thể, sinh động, giàu sức gợi hình gợi cảm.</p> <p>+ Qua đó thể hiện tình cảm sâu nặng của tác giả dành cho Bác, một sự hệt hẫng, trống trải và không cam lòng trước sự ra đi của Bác.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm</p>	
	5	<p>Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ về vai trò của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam ta:</p> <p>- Hồ Chí Minh là người lãnh đạo tài ba sáng suốt của Đảng và nhà nước.</p> <p>- Là biểu tượng cho vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn con người Việt Nam, là tấm gương sáng cho các thế hệ học tập và noi theo.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <p>- Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm.</p>	
II		LÀM VĂN	
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ cảm nhận về hai câu thơ cuối trong bài thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>Bác lại về đi Bác ơi sau mấy ngày đi vắng</i> <i>Khoẻ mạnh hồng hào trong nắng óng vườn cam</i></p>	2.0
		<p>a) Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ).</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ).</p> <p>Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm nhận về hai câu thơ cuối trong bài thơ.</p>	0,5
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</p> <p>* Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:</p> <p>- Hai câu thơ thể hiện nỗi đau đớn xót xa của tác giả trước sự ra đi của Bác</p> <p>- Nỗi niềm khao khát được nhìn thấy Bác trở về khoẻ mạnh, bình thường giữa khu vườn đầy nắng.</p> <p>- Thể hiện tình yêu thương Bác chân thành sâu sắc, niềm kính trọng</p>	0,5

	<p>biết ơn của tác giả dành cho Bác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: điệp từ, sử dụng lời gọi đáp bộc lộ tình cảm thiết tha triu mến; nghệ thuật nói giảm nói tránh “mấy ngày đi vắng” thể hiện mong muốn những mất mát không phải là hiện thực; giọng thơ xót xa, da diết... <p>Hướng dẫn chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tương tự như đáp án: 1,0 điểm. - Trình bày được 1-2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương tự: 0,5 điểm - Trình bày lan man, không rõ ý: 0,25 điểm. 	
	<p>đ. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	0,25
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>e) Sáng tạo</p> <p>Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tùy tiện trong phát ngôn.</p>	5.0
	<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: thuyết phục một người bạn từ bỏ một thói quen tùy tiện trong phát ngôn.</p>	0,5
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết.</p> <p>* Nêu vấn đề: Nêu thói quen hay quan niệm mà người viết chuẩn bị thuyết phục người khác từ bỏ: thói quen tùy tiện trong phát ngôn?</p> <p>1. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người giao tiếp, gây dựng mối quan hệ chủ yếu qua phát ngôn (trực tiếp hoặc gián tiếp) - Tùy tiện trong phát ngôn là nói ra những điều chưa suy nghĩ kĩ, chưa xác thực làm tổn thương người khác. <p>2. Những biểu hiện của thói quen tùy tiện trong phát ngôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không quan tâm tới thái độ của người nghe + Không suy nghĩ đến hậu quả lời nói + Không chịu trách nhiệm về lời mình nói ra. <p>3. Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen/quan niệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác hại của việc giữ thói quen: 	1.0

	<ul style="list-style-type: none"> + Làm tổn hại danh dự bản thân + làm tổn thương người khác - Sự cần thiết của việc từ bỏ thói quen + Khiến bản thân trưởng thành hơn + Khiến bạn bè tôn trọng, yêu mến <p>4. Đề xuất cách từ bỏ thói quen</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyên người khác cân nhắc kĩ trước khi phát ngôn - Học cách diễn đạt tinh tế, tránh tổn thương người khác. - Cùng hỗ trợ bạn phấn đấu rèn luyện bản thân. <p>5. Dự đoán sự đồng tình ủng hộ của người xung quanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sẽ nhận được thiện cảm từ người xung quanh - Sẽ thấy được tôn trọng và yêu mến - Sẽ thấy bản thân trưởng thành hơn <p>* Kết thúc vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa và sự cần thiết của việc từ bỏ thói quen: tùy tiện trong phát ngôn - Khuyên bạn nên sớm từ bỏ thói quen. 	
	<p>đ. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ SỐ 3

Phần I. Đọc hiểu (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở bên dưới :

BÍ ẨN CỦA LÀN NƯỚC

(Bảo Ninh)

Các dòng sông trôi đi như thời gian, và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu là chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên làn nước của

dòng sông quê hương tôi lấp lánh hàng hà⁽¹⁾ những đóm sáng bí ẩn, có cả điều bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trúng đình lữ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ đằng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi âm âm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh⁽²⁾ tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê⁽³⁾. Bây giờ giờ đất sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đằng sau, con đại hồng thủy⁽⁴⁾ đuổi bén gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ leo lên mái. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lôi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ⁽⁵⁾ sắp rã tan ra thì ơn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng. Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp tôi đỡ vợ con trèo lên. Vợ tôi ôm khư khư đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bẻ đỡ.

- Con trai... con trai mà..., con trai... Để yên em ẵm, anh vụng...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỗi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây⁽⁶⁾. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quẫy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc với lên:

- Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy... người ơi...

Một bàn tay nhót và lạnh như tay ma rờ⁽⁷⁾ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước trượt đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thảng thốt, và "ùm", con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Con tôi ...! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hồng chập lầy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngàu bùn, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi ...

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đầy ắp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Úa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể cô ấy cũng bất lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước. Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phen chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ổn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải một cơn kinh

hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó tè dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chần chần đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, chết lặng.

- Con tôi ... - Tôi òa khóc, đỡ lấy bọc chần. - Con tôi!

Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã thành một thiếu nữ. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi nó cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

Có ngày nào mà tôi không ra đê ngắm làn nước trôi. Vợ tôi, con trai tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất thảy đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi vì ấy là một niềm đau không thể nói nên lời.

(*Những Truyện Ngắn Bảo Ninh*, NXB Trẻ, 2013, tr11-12)

Chú thích:

Nhà văn Bảo Ninh tên thật là Hoàng Ấu Phương, sinh năm 1952, tại Diên Châu, tỉnh Nghệ An. Quê ông ở Xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh (nay thuộc thành phố Đồng Hới), tỉnh Quảng Bình. Bảo Ninh được biết tới với những tác phẩm viết về đề tài chiến tranh và thời hậu chiến. Ông là nhà văn có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc đổi mới văn xuôi Việt Nam hiện đại giai đoạn từ sau 1975 tới nay.

(1) : Nhiều không đếm xuể

(2) : Nhà nhỏ làm nơi trồng giữ đê điều, hoa màu.

(3) : Bảo vệ đê để phòng lũ lụt

(4) : Trận lụt lớn.

(5) : Mái nhà lợp bằng phần thân còn lại của cây lúa sau khi gặt.

(6) : Chỗ cành cây rẽ thành nhiều nhánh.

(7) : Sờ.

Câu 1: Xác định ngôi kể của văn bản.

Câu 2: Lí do nào đã đẩy gia đình nhân vật tôi vào thảm cảnh đau lòng?

Câu 3: Theo lời kể của nhân vật tôi, điều bí mật mà chỉ dòng sông biết là gì?

Câu 4: Phân tích tác dụng của việc sử dụng điểm nhìn nhân vật tôi để kể chuyện.

Câu 5: Theo anh/chị, điều gì đã khiến nhân vật tôi mang một niềm đau không nói nên lời? Tại sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nhận xét về đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của văn bản.

Câu 2 (4 điểm). Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về một bài học mà em rút ra được từ văn bản phần đọc hiểu.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Ngôi thứ nhất, “tôi” Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: cho 0 điểm.	0,5
	2	Lí do đã đẩy gia đình nhân vật tôi vào thảm cảnh đau lòng: + Do một loạt bom Mỹ phá tan vệt canh giữ đê của ngôi làng, phá vỡ đê chắn nước khiến ngôi làng lụt lội. + Do thời điểm đỉnh lũ đêm rằm tháng Bảy nước dâng cao cuối trôi cả những nóc nhà. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: cho 0 điểm.	0,5
	3	Theo lời kể của nhân vật tôi, điều bí mật mà chỉ dòng sông biết là: - Bản thân anh đã nghe thấy tiếng kêu cứu của người phụ nữ dưới sông và đưa tay đỡ người phụ nữ xa lạ đó, khiến thân cây bị gãy và vợ, con anh bị ngã xuống dòng sông. - Thể hiện sự trăn trở, day dứt của nhân vật tôi trước hành động đó. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời 2 ý như đáp án : 1,0 điểm - HS trả lời được một nửa yêu cầu: 0, điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: cho 0 điểm.	1,0
	4	Phân tích tác dụng của việc sử dụng điểm nhìn nhân vật tôi để kể chuyện: - Điểm nhìn nghệ thuật từ bên trong, điểm nhìn nhân vật tôi - Tác dụng: + Bộc lộ tâm trạng đau đớn, xót xa, ân hận của nhân vật tôi về một sự cố đau lòng trong lần trú lụt. + Khiến câu chuyện chân thực, hấp dẫn và giàu cảm xúc hơn. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời được 2 ý: 1,0 điểm	1,0

		<p>- HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời sai hoặc không trả lời: cho 0 điểm.</p>	
	5	<p>Điều khiển nhân vật tôi mang một niềm đau không nói nên lời đó là chứng kiến vợ bị dòng nước cuốn đi mà bản thân nhân vật tôi không thể cứu được.</p> <p>Vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặc cảm bất lực trước sự an nguy của vợ con ở nhân vật tôi. - Anh là người sống trách nhiệm, luôn mong muốn mọi chuyện tốt đẹp. - Khuyên nhân vật tôi im lặng và giữ bí mật về sự việc suốt đời, vì <p>Hướng dẫn chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đưa ra phương án, lí giải hợp lí: 1,0 điểm - Học sinh đưa ra phương án nhưng không lí giải được: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: cho 0 điểm. 	1,0
		VIẾT	6,0
II	1.	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của văn bản.</p> <p>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của văn bản.</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của văn bản.</p> <p>Có thể theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật kể chuyện với cốt truyện đơn giản, chi tiết, tình huống độc đáo, ấn tượng và giàu ý nghĩa: - Cách sắp xếp trình tự sự việc trong truyện như một tác phẩm hồi kí: có hiện tại – quá khứ - hiện tại – tương lai. - Ngôn từ kể chuyện giản dị, dễ hiểu... <p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	2.	Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về hiện tượng đua đòi theo xu hướng, trào lưu trên mạng xã hội hiện nay.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lý	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hiện tượng đua đòi theo xu hướng, trào lưu trên mạng xã hội hiện nay.	0,25

	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>Các ý định hướng:</p> <p>1. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xu hướng, trào lưu trên mạng xã hội là hướng chuyển biến của một vấn đề, một sự vật, sự việc xuất hiện nổi bật trong đời sống xã hội thu hút nhiều người tham gia: trào lưu “đúng nhận sai cãi”, “chill”, + Đua đòi theo trào lưu, xu hướng là hiện tượng con người bất chấp sự phù hợp hay không phù hợp, hòa theo một cách ồ ạt, không kiểm soát được của những sự vật sự việc xuất hiện trên mạng xã hội. <p>2. Thực trạng của vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của việc đua theo trào lưu, xu hướng trên mạng xã hội: + Đắm chìm vào mạng xã hội với các hoạt động: đăng status, khoe ảnh, bình luận dạo,... + Lấy việc người khác like, bình luận, chia sẻ ảnh hay bài viết của mình làm thú vui. + Đăng tải, chia sẻ những nội dung nhạy cảm nhằm mục đích câu like, thu hút sự tò mò, hiếu kì của đám đông. - Tính chất, mức độ ảnh hưởng của hiện tượng: + Hiện tượng đua đòi theo trào lưu, xu hướng ngày càng phổ biến trong xã hội: từ các đô thị lớn tràn về các miền quê. + Hiện tượng đua đòi theo trào lưu, xu hướng từ thanh niên xuống thiếu niên (Học sinh cấp ba, cấp hai...) + Mức độ ảnh hưởng của các trào lưu, xu hướng ngày càng rộng vào thu hút đông đảo thanh thiếu niên. <i>Trào lưu hiện nay phát triển rất nhanh và lan tỏa rất rộng bởi công nghệ đã giải quyết được bài toán về tính cập nhật các xu thế mới, trong khi các thế hệ trước thì chỉ đa phần thông qua truyền miệng hoặc phương tiện truyền thông truyền thống”.</i> <p>3. Hậu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không kiểm soát được thời gian của bản thân, tiêu tốn vào những việc vô ích, vô nghĩa làm ảnh hưởng đến học tập và công việc. - Có thể dẫn đến những suy nghĩ, hành động tiêu cực: bắt chước, làm theo một cách mù quáng và thiếu hiểu biết dẫn đến hậu quả khôn 	2,75
--	--	------

lường.

VD: “*Có một thời gian, trào lưu múa quạt của một nhân vật khá tai tiếng được nhiều học sinh, sinh viên ở các trường trình diễn tại lễ hội văn nghệ tại trường và đăng tải lên Youtube. Một số trường do không để ý hoặc theo dõi cuộc sống mạng nên không phản đối gì. Hệ quả là học sinh, sinh viên tưởng rằng những điều trường không cấm đồng nghĩa rằng trường đồng ý hoặc thỏa hiệp với những điều tiêu cực. Vô tình để lọt những thần tượng xấu trong giới trẻ, làm lệch lạc tư tưởng, lối sống của học sinh, sinh viên.*

4. Nguyên nhân

- **Khách quan:** Sự phát triển mạnh mẽ và phổ biến của các trang mạng xã hội với những nội dung lôi cuốn, hấp dẫn; do môi trường sống và học tập ảnh hưởng...

+ *Chúng giúp chúng ta trở nên thú vị hơn trong mắt bạn bè đồng trang lứa, giúp những cuộc trò chuyện giữa mọi người đầy màu sắc, sinh động. Chẳng hạn như các clip hài, clip rap có lồng ghép kiến thức cuộc sống một cách khéo léo, trẻ trung. Nó khiến cho việc bổ sung kiến thức trở nên hài hước, thú vị chứ không như những bài giảng khô khan. Đây cũng là một “điểm sáng” nhưng chỉ tiếc là còn khá hiếm hoi”.*

- Chủ quan:

+ Do sự quản lý lỏng lẻo của gia đình, nhà trường; do sự hiếu kì, muốn thể hiện bản thân, muốn trở nên nổi tiếng...

+ Tâm lý muốn cổ xúy những điều “giật gân”, ngông để trở nên cá tính, sành điệu trong mắt người khác; bị cuốn theo ảnh hưởng của thuật toán và công nghệ thuyết phục

+ Do sự thay đổi về thị hiếu đọc, xem của giới trẻ: phần lớn không nhằm thu thập kiến thức mà đọc chỉ mang tính giải trí và “vô thưởng vô phạt”;

5. Biện pháp khắc phục

+ Đối với các cơ quan chức năng: cần quản lý chặt chẽ các trang mạng xã hội, phát huy tính tích cực và hạn chế những nội dung vô bổ trên các không gian mạng...*Nhà trường nên tạo thêm nhiều hoạt động mang tính tương tác đời thực, cung cấp những khóa học hướng dẫn các bạn làm sao để không bị thuật toán hay mạng xã hội dẫn dắt.*

+ *Những tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực văn hóa cũng cần nỗ lực tạo thêm nhiều tác phẩm có chiều sâu để giúp giới trẻ được hun đúc tinh thần, niềm tự hào dân tộc, đứng vững trước “con bão” thông tin,*

	<p><i>hình ảnh, các trào lưu “thượng vàng hạ cám” trên mạng lẫn đời sống thực như hiện nay”.</i></p> <p>+ Đối với mỗi cá nhân: trang bị kiến thức, hiểu biết về tác hại của của việc lạm dụng các trang mạng xã hội; tìm hiểu tính hữu ích của việc sử dụng hợp lý mạng xã hội; tham gia các hoạt động thể dục thể thao, các hoạt động xã hội lành mạnh; ...</p> <p>+ Đối với bản thân: mở rộng mối quan tâm đến những việc làm thiết thực, hữu ích như đọc sách, nghiên cứu khoa học, chơi thể thao...; sống lành mạnh; xây dựng kế hoạch, thời gian biểu khoa học, phù hợp; cẩn thận trọng khi tương tác mạng và luôn nâng cao hiểu biết xã hội để có chính kiến riêng của mình, tránh a dua, cổ xúy hùa theo tâm lý đám đông.</p>	
	<p><i>đ. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và bằng chứng. <p><i>Lưu ý:</i> Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25

ĐỀ SỐ 4

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau :

MIỀN THƯỜNG THẨM THẨM

Khách đến ngôi nhâm nhi ly café trên tầng hai nhà hàng mới mọc ở làng Chùa vẫn thường tò mò mỗi khi nhìn ra xa qua ruộng lúa nho nhỏ là con đường đất nhô cao như sống lưng con bò mùa hạn hán ngay trước mặt. Ở đó, họ luôn nhìn thấy một người đàn bà trạc ngoài 40, ngồi bệt bên vệ cỏ, như ngóng đợi điều gì. Đã từ nhiều năm trước, đó là chỗ của mẹ. Người ta nhìn thấy mẹ ngồi bên gốc cây xoan khi nó còn ngả lòa xòa những cành non vào mặt mẹ, giờ nó đã là chỗ tựa lưng vững chãi cho mẹ rồi.

Con đường đê, thực ra chỉ là một lần đất làm ranh giới giữa một bên là chiếc ao làng, còn một bên nhìn ra cánh đồng mênh mông lúa, giờ chỉ còn bước chân đều đặn của mụ lai vắng. Từ ngày thôn mở con đường mới ngang qua xóm Hạ, không ai còn muốn đi qua con đường heo hút ấy nữa.

Mụ cứ ngồi đó mỗi ngày từ bắt đầu chiều cho đến nhá nhem, có người đi lúi gọi mụ mới chịu về. Thời gian đầu không thấy mụ ở nhà thì hàng xóm tá hỏa đi tìm khắp nơi, sợ mụ nghĩ quẩn. Rồi họ tìm thấy mụ đang ngồi im như tượng gỗ bên cái cây xoan gầy ngả ẹo. Mụ cứ ngồi thế mà đăm chiêu, như không chớp mắt, đôi khi, người ta còn nghe thấy mụ nhảm hát bài gì tha thiết lắm. Gọi thế nào mụ cũng không về trừ khi trời tối không nhìn thấy gì nữa. Thành quen, giờ chẳng ai tìm vì không thấy mụ ở nhà thì đích thị là ở đó rồi. Ba sào ruộng ngay trước mặt là của hợp tác xã phân cho từ cả chục năm trước, giờ dân làng chia nhau ra cấy rồi góp gạo nuôi mụ, chả ai dám tơ hào lấy một hạt. Mụ ngồi đó mỗi chiều như bù nhìn canh ruộng và tưởng tượng ra những điều mà mụ thích, những ý nghĩ có thể níu kéo mụ ngồi suốt ngày này qua tháng khác mà không chán.

“Mẹ ơi, con đi học về rồi! Cho con xuống cấy mấy!” Tiếng cười giòn tan, tiếng í ới, Tiếng chiếc quần vải đen dày kêu xoạt xoạt khiến đôi tay thoăn thoắt chia mạt tách khóm của mụ phải ngừng lại. Mụ ngẩng lên nhìn về phía ấy. Nó đã xắn cao chiếc quần lũng thùng đến bẹn từ lúc nào. Thằng bé nhất quyết đòi xuống nghịch bùn, bắt ốc, hót con tép riu ...Nó thích thú lắm. Đôi mắt nó sáng lên, cái cười nịnh nọt, tinh nghịch. Mụ không nở quát, cũng chẳng kịp quát. Ngẩng lên, nó đã tụt cái cặp trên vai treo lên cái chạc cây xoan nhỏ rồi. Cái áo trắng rộng thùng thình mặc lại của anh con nhà bác cả, nó cởi phăng ra để tróc cái cặp. Giá tụt nốt được cái quần..., nó làm cu cậu lóng ngóng, cái ống xắn cao lắm rồi mà cứ chực tụt xuống làm chân nó riu lại. Đó là cái quần mụ mua cho nó mặc ngày tựu trường đầu tiên vào lớp vỡ lòng. Mụ tính mua rộng chút để nó lớn là vừa – mà nó như ngày càng còi đi vậy.

Thằng bé mon men bò rồi trượt dần từ cái bờ đê gầy guộc xuống tới chân ruộng. Nó nhồm dầy xuýt xoa cái móng rồi thò chân xuống. Dưới làn nước hâm hấp nóng là lớp bùn mát lạnh nhồn nhột gan bàn chân. Nó thích ra mặt. “Con ra chỗ mẹ mấy!” “Cho con cấy mấy!” Con biết cấy mà, dễ mà” ...Nó cứ lúi lo như thế. Cái chân nhỏ xíu của nó quần khắp một khoảng ruộng, cái lưng trần nhỏ xíu cũng cúi xuống, ngóng lên, khi thì vùi mạt xuống, lúc thì hất nước lên tung tóe, lúc lại khom khom lừa bắt chú cá cò bơi lạc... Có nó, mụ thấy như hết cả mệt nhọc. Thỉnh thoảng, mỗi lưng, mụ lại uốn người lên chống tay ngang hông ngẩng lên ngắm nhìn thằng bé đùa nghịch.

Có lúc mụ cũng vừa hát vừa làm trò họa theo mấy câu giạt cục: “Trời nắng, trời nắng, thỏ đi tắm nắng!” Thằng bé thích lắm, cười ngặt nghẽo, trơ ra cái lợi đang nhú hai chiếc răng cửa. Cái cười đáng yêu của nó sao giống bố nó thế! Cái lão đàn ông chân chất, hiền lành, quanh năm đi bỏ ống lươn, lội hết mé sông làng Chùa đến bờ ruộng làng Hạ mà về đến ao làng bị rắn cắn chết, để mụ dứt gánh giữa đường. Mụ cũng

cười mà nước mắt nhẹ nhàng. Thằng bé còn không nhớ nổi mặt bố! Mẹ yêu thương nó quá!

Liên miên nói theo những hàng mạ thẳng tắp trải đều khắp mặt ruộng, mẹ mới giật mình bởi không nghe thấy tiếng thằng nhỏ í ới. Nó lại chơi trò ú tim đây mà. Mẹ gọi “Cò ơi!”, mẹ gất lên “cò ơi”, rồi mẹ hốt hoảng gào “Cò ơi!” ! Chỉ nghe tiếng xạc xào của lá cây đan vào nhau bên bờ đê sầm sầm tới. Mẹ ào qua cả ruộng mạ vừa cấy, mẹ lội xuồm xuồm như muốn chồm lên cho nhanh để bắt lấy cái bờ đê, để nhìn nhanh sang bên cái ao làng tù đọng ấy. Mẹ thốc tới như điên như dại. Mẹ lao xuống mặt nước loang loáng những vệt sáng của ngày tàn sắp bị bóng đêm nuốt trọn. Mẹ quào cánh tay ôm chặt lấy thằng nhỏ. Nó còn ấm mà. “Mẹ đây con, mẹ đến đây rồi, con không sợ nữa!” Mẹ cứ lăm bắm mãi như tưởng rằng ngàn ấy câu nói của mẹ đã đổ dành cho đứa con ngủ ngon trong bầu ngực ướt sũng của mẹ. Mẹ truyền hơi ấm sang cho nó, hay nó đang truyền sang cho mẹ?

Mẹ ấm con về trong tiếng gào khóc của những người hàng xóm. Mẹ cứ tin nó vẫn ngủ ngon trong cái hòm xinh xắn dân làng đóng vội cho nó. Người ta mang thằng bé đi. Mẹ ở nhà hát: “Trời nắng, trời nắng, thả đi tám nắng”. Mẹ cười giòn tan, rồi mẹ nhìn ảnh chồng mà trò chuyện thằng bé yêu mẹ thế này, nhớ bố thế kia, rồi mẹ lại đi tìm nó, đi gọi nó về ăn cơm...

Cây xoan triền đê đã vừa người ôm, rễ của nó ăn xiên sang cả mé đê có chiếc ao làng oan nghiệt ấy. Mẹ vẫn ngồi hát cho con nghe, đợi chờ nó... Điều kì lạ là người ta nhìn thấy mẹ không tiêu tụy héo hon bao giờ. Cả trong ánh mắt chờ đợi cũng vẫn ánh lên niềm hi vọng rằng con mẹ sẽ trở về. Bóng dáng mẹ ngồi đợi con dần dà đã trở thành một phần của cái làng Chùa nhỏ bé. Người ta vẫn thấy cái hạnh phúc trên khuôn mặt mẹ, trong những câu hát giật cục mà hóm hỉnh như đang đùa vui với đứa trẻ nào. Họ thấy mẹ cười, họ thấy mẹ chờ đợi và hi vọng.

Dường như, trong mẹ là cả một thế giới riêng tuyệt đẹp, đầy đủ và hạnh phúc. Có lúc nào, khi vướng chuyện đời cơ cực ai đó chẳng lại muốn được trốn vào cái thế giới tâm hồn như thế giới riêng của mẹ? Mẹ tồn tại như một thực thể độc lập bất chấp mọi đổi thay của thời cuộc. Ruộng lúa người ta đã chia năm xẻ bảy, quán café sang trọng trước mặt mọc lên cũng chẳng ngăn cản mẹ sống niềm tin và tình yêu thương thăm thẳm. Những vị khách đơn độc từ đâu đến, họ ngồi hàng giờ nhâm nhi ly café và nhìn ra phía đối diện nơi mẹ ngồi mà băn khoăn: “Mẹ ngồi đó để làm gì?”

(Khánh Phượng Vũ – Tạp chí Văn học nghệ thuật Ninh Bình – 2021 – Tr. 46)

* Khánh Phượng Vũ tên thật là Vũ Nguyệt Khánh Phượng, sinh năm 1982 tại Tam Điệp, Ninh Bình. Chị là thạc sĩ Lí luận văn học, hội viên Hội văn học nghệ thuật tỉnh Ninh Bình.

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Xác định không gian và thời gian của câu chuyện.

Câu 3. Nêu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.

Câu 4. Hình ảnh cây xoan được khắc hoạ ở đầu và cuối tác phẩm có ý nghĩa gì?

Câu 5. Hình ảnh nhân vật người mẹ ngồi đợi con mỗi buổi chiều gọi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật mẹ trong tác phẩm.

Câu 2. (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về “hội chứng teen cuồng thần tượng” hiện nay.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Người kể chuyện trong truyện ngắn thuộc ngôi thứ ba/Tác giả. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Không gian và thời gian của câu chuyện: - Không gian: làng quê bình yên, gần gũi. - Thời gian: những buổi chiều Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời được 1 ý trong đáp án (không gian hoặc thời gian): 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	3	Ý nghĩa nhan đề: - Miền thương thăm thẳm: thể hiện không gian ngập tràn tình yêu thương và thăm sâu trong tâm hồn con người. - Nhan đề gọi ra tình cảm dạt dào, tha thiết và bền lâu vĩnh cửu của người mẹ dành cho đứa con tội nghiệp. Hướng dẫn chấm: - Hs trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: Không cho điểm.	1,0
	4	Hình ảnh cây xoan được khắc hoạ ở đầu và cuối tác phẩm	1,0

		<p>+ Ở đầu tác phẩm, cây xoan nhỏ bé, yếu ớt, gắn liền với tuổi thơ của đứa trẻ, gắn liền với những phút giây đầm ấm hạnh phúc bên con của người phụ nữ khốn khổ.</p> <p>+ Ở cuối tác phẩm, cây xoan cao lớn, là chỗ dựa vững chắc cho người đàn bà ngồi đợi con, hình ảnh của sự trường tồn, vĩnh cửu, biểu tượng cho tình yêu thương mãi đong đầy của người mẹ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	
	5	<p>Hình ảnh nhân vật người mẹ ngồi đợi con mỗi buổi chiều gợi suy nghĩ cho độc giả:</p> <p>- Nỗi khổ đau hoá điên dại của người mẹ yêu thương con mãnh liệt.</p> <p>- Sự bền bỉ, kiên cường trong chờ đợi và hi vọng của người phụ nữ.</p> <p>- Ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, đẹp đẽ của con người.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS nêu được 2/3 ý trong đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- HS nêu được 1 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm.</p> <p>- HS không trả lời/ trả lời sai: Không cho điểm</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật mẹ trong tác phẩm.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, song hành hoặc móc xích.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>trình bày cảm nhận về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật mẹ trong tác phẩm.</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>- Học sinh xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề</p>	0,5

		<p>nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người phụ nữ có số phận bất hạnh: chồng mất sớm, một mình nuôi con; đứa con duy nhất cũng qua đời. + Phẩm chất: yêu thương con tha thiết, luôn kiên trì bền bỉ trong nỗi đợi chờ vô vọng; ... + Nghệ thuật miêu tả tâm lí tỉ mỉ, chân thực góp phần tô đậm số phận bất hạnh và phẩm chất tốt đẹp của chị. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phân tích đủ ý, sâu sắc, lập luận chặt chẽ: 0,5 điểm - HS phân tích thiếu ý hoặc chưa sâu sắc: 0,25 điểm - HS phân tích chung chung, chưa rõ ý: 0,25 điểm 	
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Cảm nhận nhân vật người anh trai - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng 	0,5
		<p>đ. <i>Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
		<p>e. <i>Sáng tạo</i>:</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	<p>Lạm dụng mạng xã hội đang là một thói quen phổ biến trong giới trẻ hiện nay.</p> <p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về “hội chứng teen cuồng thần tượng” hiện nay.</p>	4,0
		<p>a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i></p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
		<p>b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>suy nghĩ về “hội chứng teen cuồng thần tượng” hiện nay</p>	0,5
		<p>c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p>*Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề.</p> <p>*Triển khai vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vấn đề nghị luận - Thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề cần nghị 	1,0

	<p>luận</p> <p>Có thể theo một số gợi ý sau:</p> <p>1. Giải thích</p> <p>- Thần tượng là nhân vật mang một tài năng, phẩm chất đặc biệt nào đó khiến con người yêu mến, say mê và có xu hướng noi theo.</p> <p>- “Hội chứng teen cuồng thần tượng”: là biểu hiện một bộ phận giới trẻ có ngưỡng mộ, say mê một cách thái quá, cực đoan, không kiểm soát được cảm xúc với các thần tượng, gây ra hình ảnh xấu cho bản thân, làm lệch lạc lối sống và nhân cách...</p> <p>2. Thực trạng của vấn đề:</p> <p>- Thần tượng của giới trẻ hiện nay thường là những ngôi sao giải trí được đào tạo bài bản, có tài năng nghệ thuật và có cả những phẩm chất đáng quý. Họ cũng phải học tập, họ cũng phải rèn luyện, thậm chí chịu vô vàn áp lực từ mọi phía. Và trong rất nhiều trường hợp, những phẩm chất đáng quý, những nét đẹp tâm hồn đó của họ lại chính là động lực, là tấm gương cho những người hâm mộ, thần tượng họ.</p> <p>- Những thể hiện:</p> <p>+ bắt chước phong cách (trang phục, kiểu tóc, quan điểm sống; cách phát ngôn; cử chỉ hành vi và nhái giọng/phong cách);</p> <p>+ Tôn thờ thần tượng (treo tranh ảnh; mua các vật có liên quan; tìm đọc thông tin trên mạng; kết nối với các fans khác; tìm các vật dụng cá nhân: chai nước uống dở, xăm tên lên người...)</p> <p>+ Tìm hiểu say mê kiến thức, tri thức về thần tượng đó (các sản phẩm nghệ thuật; tham gia các buổi biểu diễn; không bỏ lỡ các chương trình trên truyền thông, nhớ giai điệu, nhớ lời các bài hát...).</p> <p>+ Những cảm xúc cực đoan nảy sinh: Gào thét, khóc lóc, hò hào, ngất xỉu khi thấy thần tượng. Tự hành hạ bản thân mình vì thần tượng: khắc tay mình, cắt tay mình lấy máu để ghi tên thần tượng. Tự tử khi thần tượng qua đời, hoặc bị ngăn cấm đến với thần tượng. Sẵn sàng bỏ thời gian, công sức để đợi thần tượng ở bất kỳ đâu trong bất kỳ hoàn</p>	1,5
--	--	-----

	<p>cảnh thời tiết nào...</p> <p><i>VD: Tâm sự của một fan nữ nhóm nhạc Big Bang: “Tôi cũng từng đánh nhau với một nhóm 6 bạn trai, vì các bạn nói xấu Big Bang- thần tượng của tôi. Khi đó, tôi cầm kiếm để tuyên chiến với mấy bạn trai. Cuối cùng nhóm này bỏ chạy.”</i></p> <p>3. Hậu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm xấu hình ảnh bản thân trước mọi người, thậm chí trở nên kì quặc và bị xa lánh. Không biết kiểm soát cảm xúc của bản thân có thể mất đi tiền bạc, công việc, những mối quan hệ mà ta từng rất trân trọng hay thậm chí chính là tính mạng của bản thân và những người xung quanh. - Một người không biết kiểm soát được cảm xúc, dễ bốc đồng cũng rất khó có thể kiên trì, thành công trong một việc nào đó. - Gây tổn thương cho người khác. - Cuồng thần tượng có thể chỉ biểu hiện trong bối cảnh cá nhân nhưng cũng có thể xuất hiện cả trong bối cảnh tập thể. Không ít các trường hợp một số cá nhân đã vô tình hay cố ý kích động các cá nhân cuồng thần tượng và kết quả là những hành vi của họ đã trở thành những cuộc nổi loạn, gây mất trật tự an ninh làm thiệt hại về tài sản và tính mạng. <p>4. Nguyên nhân</p> <p>- Nguyên nhân khách quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Do cha mẹ quá nuông chiều, ít dành thời gian tìm hiểu, quan tâm đến con. + Do môi trường sống: Ở thành phố, các em có điều kiện, được giao lưu với văn hóa bên ngoài nhiều hơn, tham gia nhiều hoạt động, internet phát triển, có cơ hội tìm hiểu, theo đuổi đam mê thần tượng. Còn ở nông thôn, các em phải giúp đỡ gia đình nên ít có thời gian, điều kiện để nảy sinh hiện tượng lệch lạc thần tượng. + Do sức ép học tập từ phía gia đình, nhà trường lên học sinh rất lớn. Nhiều em thấy học là vì cha mẹ ép chứ không phải cho chính mình nên không hứng thú. Trong khi đó, thế giới giải trí lại có nhiều hấp dẫn, trẻ mong muốn được như thần tượng, theo đuổi sở thích cá nhân, thoải mái vui 	<p>0,25</p> <p>0,5</p>
--	--	------------------------

	<p>chơi, ăn mặc đẹp...</p> <p>+ Ngoài xã hội lại ít có những hình tượng mẫu mực trong các lĩnh vực để giới trẻ ngưỡng mộ, trong khi nhiều phương tiện truyền thông tập trung tung hô những ca sĩ, diễn viên nổi tiếng nên càng khiến giới trẻ bị lệch lạc.</p> <p>- Nguyên nhân chủ quan:</p> <p>Do đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi: muốn thể hiện bản thân và muốn tạo sự khác biệt, cần tìm những tâm hồn đồng cảm với mình. Luôn hứng thú với thứ gì đó mạnh mẽ khi không tìm được những điều trong cuộc sống của mình như gia đình, trường học, bạn bè, họ có thể phải bám vào cái gì đó khác, như một thần tượng hào nhoáng, game...</p> <p>- Do tâm lý đám đông, sính ngoại thái quá và méo mó trong nhận thức về cái được gọi là thần tượng.</p> <p>- Không được trang bị những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống, thiếu sự tự tin về bản thân, không xây dựng được hình ảnh của chính mình, dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố hấp dẫn bên ngoài, từ đó không biết phân biệt chọn lựa thần tượng cho chính mình.</p> <p>5. Biện pháp khắc phục</p> <p>- Sống lành mạnh, nhìn khác đi, mở rộng thêm những niềm vui và tập thói quen yêu thích lành mạnh</p> <p>- Bản thân trau dồi kiến thức, hiểu biết xã hội đa chiều để tránh cái nhìn phiến diện, bảo thủ.</p> <p>- Phát huy tính tự chủ, sáng tạo, xây dựng hình ảnh bản thân phù hợp với tính cách.</p> <p>* Khẳng định lại vấn đề: - Khẳng định lại sự cần thiết phải quan tâm, giải quyết vấn đề</p> <p>- Nêu thông điệp, kêu gọi mọi người hưởng ứng việc thực hiện những biện pháp nêu trên: cuồng thần tượng thì thực sự là một “thảm họa” văn hoá.</p> <p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Chỉ bắt buộc triển khai hai luận điểm: Lí do cần phải từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội và giải pháp khắc phục thói quen ấy</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận..</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p>	
--	---	--

		Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, dùng từ tiếng Việt, liên kết văn bản.	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm			10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nhân loại đang điên cuồng bóc lột trái đất: Chúng ta khoan vào trái đất trăm ngàn lỗ thủng, chúng ta làm ô nhiễm các dòng sông, đại dương và không khí, chúng ta tập trung lại một chỗ, dùng sắt thép và xi măng xây nên những công trình kiến trúc kỳ quái, đặt cho nó cái tên mỹ miều là “thành phố”, chúng ta ở trong những thành phố này thoải mái phóng túng những dục vọng của mình, tạo ra những thứ rác rưởi vĩnh viễn khó mà tiêu hủy được.

So với người ở nông thôn, người thành thị là có tội, so với người nghèo, người giàu là có tội, so với nhân dân, quan chức là có tội, theo một ý nghĩa nào đó mà nói, quan càng to, tội càng lớn, vì quan càng cao, phạm vi cai quản càng rộng, dục vọng càng lớn, hao phí tài nguyên càng nhiều.

So với các quốc gia chưa phát triển, quốc gia phát triển là có tội, vì dục vọng của các nước phát triển còn lớn hơn, nước phát triển không chỉ làm hại trên lãnh thổ của mình, mà còn ảnh hưởng đến các nước khác, đến Hải phận Quốc tế, đến Bắc cực, Nam cực, lên mặt trăng, đi lên vũ trụ làm những việc có hại một cách mù quáng.

Địa cầu bốn bề lửa khói, toàn thân run rẩy, biển cả kêu gào, cát bụi bay khắp nơi, hạn hán lũ lụt, bệnh tật lan tràn... đều liên quan đến sự phát triển bệnh hoạn của khoa học kỹ thuật dưới sự kích thích bởi dục vọng tham lam của các nước phát triển [...]

Khi con người ở trong sa mạc, sẽ hiểu được nước và thực phẩm quý giá hơn vàng, bạc và kim cương rất nhiều. Khi gặp động đất và sóng thần, người ta sẽ hiểu, cho dù có bao nhiêu biệt thự hào hoa, khách sạn sang trọng, thì trong bàn tay vĩ đại của tự nhiên cũng chỉ là một đống bùn đất. Khi con người huỷ hoại trái đất tới mức không còn phù hợp để sống được nữa, lúc đó, quốc gia nào, dân tộc nào, chính đảng hay cổ phiếu nào cũng trở nên vô nghĩa...

(Mạc Ngôn, Theo *Sound Of Hope*, Minh Tâm biên dịch)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Chỉ ra câu văn nói lên luận đề của văn bản?

Câu 2. Văn bản trên nói về đề tài gì?

Câu 3. Nhận xét của anh / chị về tính thuyết phục của văn bản?

Câu 4. Tác giả bộc lộ thái độ gì qua văn bản trên?

Câu 5. Bạn có đồng tình với quan điểm của tác giả: “Khi con người ở trong sa mạc, sẽ hiểu được nước và thực phẩm quý giá hơn vàng, bạc và kim cương rất nhiều” không? Lí giải?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Theo bạn, mỗi cá nhân cần làm gì để góp phần ngăn chặn vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay? Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ Ngôn chí – bài 10 (Nguyễn Trãi)

Ngôn chí – bài 10

(Nguyễn Trãi)

Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thầy.

Có thân chó phải lợi danh vầy.

Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén,

Ngày vắng xem hoa bọ (1) cây.

Cây rợp chồi cành chim kết tổ,

Ao quang máu ấu (2) cá nên bày.

Ít nhiều tiêu sái (3) lòng ngoài thế,

Năng một ông này đẹp thú này.

(Đào Duy Anh, Nguyễn Trãi toàn tập, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Chú thích:

(1) Bọ cây: chăm nom, săn sóc cây

(2) Máu ấu: mầm cây củ ấu.

(4) Tiêu sái: thanh thoi, thoát tục.

(5) Năng: có thể, hay.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Câu văn nói lên luận đề của văn bản: <i>Nhân loại đang điên cuồng bóc lột trái đất... tạo ra những thứ rác rưởi vĩnh viễn khó mà tiêu hủy được.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Văn bản trên nói về đề tài: Ô nhiễm môi trường Hướng dẫn chấm:	0,5

		<p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	
	3	<p>Nhận xét về tính thuyết phục của văn bản:</p> <p>- Tính thuyết phục của văn bản được thể hiện: Lập luận chặt chẽ; dẫn chứng cụ thể; lí lẽ sắc bén...</p> <p>=> Qua đó, thể hiện được mục đích của bài viết; quan điểm, thái độ của tác giả.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được ½ đáp án : 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	1,0
	4	<p>Tác giả bộc lộ thái độ qua văn bản trên:</p> <p>- Lo lắng trước thực trạng trái đất bị phá hủy, ô nhiễm trầm trọng.</p> <p>- Phẫn nộ trước những hành động tàn phá thiếu ý thức, hay đúng hơn, là trước những sự tham lam, dục vọng không dừng bước của con người.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được ½ đáp án : 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.</p>	1,0
	5	<p>- Học sinh nêu quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình.</p> <p>- Học sinh lí giải hợp lí, thuyết phục bảo vệ ý kiến của bản thân.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu được quan điểm của bản thân: 0,25 điểm</p> <p>- Lí giải hợp lý, thuyết phục bảo vệ ý kiến của bản thân: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời phần lý giải còn chung chung: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	1,0
II		VIẾT	
	1	<p>Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày giải pháp để góp phần ngăn chặn vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay.</p>	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân -hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25

		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Giải pháp góp phần ngăn chặn biến đổi khí hậu.	0,25
		<i>c. Triển khai hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> <i>Gợi ý:</i> - Con người đang có những hành động mang tính hủy hoại đối với trái đất – môi trường sống của chính mình, gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Một trong những hệ lụy đó là sự biến đổi khí hậu. - Biến đổi khí hậu là một vấn đề vô cùng cấp bách hiện nay, cần được suy ngẫm và bàn luận, từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời. - Nêu một số giải pháp: + Ngăn chặn nạn chặt phá rừng, có biện pháp xử lý với những đối tượng cố ý chặt phá rừng. + Hạn chế sử dụng những nguyên liệu từ hóa thạch trong sản xuất công nghiệp. + Tích cực trồng nhiều cây xanh, phủ xanh rừng. + Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng nhiều công nghệ mới bảo vệ môi trường như bể phốt nhựa của Sơn Hà xử lý các chất thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, khu dân cư an toàn ra ngoài môi trường... + Cải tạo và nâng cấp hạ tầng. + Tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng những thiết bị tiết kiệm năng lượng	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ các đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		<i>e. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>f. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ Ngôn chí – bài 10 (Nguyễn Trãi)	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận văn học.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Phân tích, đánh giá về	0,5

	<p>nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ Ngôn chí – bài 10 (Nguyễn Trãi)</p>	
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p><i>* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi, người anh hùng – người nghệ sĩ, nhà thơ lớn của dân tộc, để lại những sáng tác văn chương giá trị, đồng thời nói lên con người, nhân cách của ông. - Tác phẩm: Là bài thơ chữ Nôm, thuộc phần Vô đề của tập thơ Quốc âm thi tập. Là tập thơ thể hiện sự thành công, giá trị về mặt nội dung, nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Trãi. <p><i>* Về nội dung:</i></p> <p>Bài thơ là một bức tranh nơi thôn dã quen thuộc, yên bình và tình yêu thiên nhiên, gắn bó với cuộc sống điền viên của nhà thơ.</p> <p>Qua đó, người đọc thấy được bức chân dung tinh thần của Nguyễn Trãi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lòng người trong sạch như lòng thầy chùa chân tu, không vướng bận danh lợi. + Mở rộng tâm hồn giao hòa cùng cảnh vật thôn quê: uống rượu ngắm trăng, hoa; chăm cây cảnh; ngắm chim làm tổ trên cây, cá bơi từng đàn dưới nước ... <p><i>* Đặc sắc về nghệ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: bài thơ chữ Nôm, làm theo thể thơ Thất ngôn bát cú, xen lẫn sáu chữ: có sự phá cách. - Hình ảnh thơ giản dị, quen thuộc với cảnh điền viên, thôn quê - Nghệ thuật đối ở hai câu thực; hai câu luận: Thể hiện rõ hơn chân dung con người Nguyễn Trãi; đồng thời thể hiện tài năng của nhà thơ <p><i>* Đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ ngắn gọn, hàm súc, thể hiện được con người, nhân cách Nguyễn Trãi, đồng thời khẳng định được tài năng của nhà thơ. - Là một trong những bài thơ Nôm đánh dấu cho sự phát triển thơ Nôm của dân tộc. 	1,0
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt 	1,5

	phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	e. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	f. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....

ĐỀ SỐ 6

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Những ngọn gió đồng

(Bình Nguyên*)

Rời phố phường tôi gặp ngọn gió quê
 Gió thổi một thổi đôi thổi như dắt tôi đi giữa những bầy gió chạy
 Tôi đông cứng gió thổi tôi mềm lại
 Để như sông dào dạt phía ruộng đồng
 Tôi trở về gặp buổi chiều mẹ vục bóng vào sông
 Gió thổi áo nâu mềm lại ngày muối mặn
 Thổi buốt tháng năm thổi tràn kỷ ỨC
 Thổi mát những đau buồn còn nằm khuất đâu đây
 Những vạt cỏ vơi hương gió thổi lại đây
 Ôi mùi hương của cỏ gầy tinh khiết
 Đồi đất cát lên hương từ đất cát
 Nên mới thơm chân thật đến ngọt ngào
 Gió chẳng bao giờ thổi tới trăng sao
 Nhưng gió biết thổi cho nhau biết tự mình mở lối
 Ôi những ngọn gió quê muốn ghim tôi vào đồng nội
 Tôi bước ngược cánh đồng gió lại thổi ngược tôi

(Trích: Những ngọn gió đồng, Bình Nguyên, Tập thơ, 2016, NXB Hội nhà văn)

 *Bình Nguyên: Tên thật là Nguyễn Đăng Hào, sinh năm 1959. Quê: Phường Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình. Ông là hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Ninh Bình, chủ tịch hội Văn học nghệ thuật tỉnh Ninh Bình, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5:**Câu 1.** Xác định thể thơ của văn bản trên?**Câu 2.** Chỉ ra 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “Gió thổi một thổi đôi thổi như dất tôi đi giữa những bầy gió chạy?”**Câu 3.** Em hiểu gì về ý nghĩa câu thơ:*Gió chẳng bao giờ thổi tới trăng sao**Nhưng gió biết thổi cho nhau biết tự mình mở lối***Câu 4.** Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ, qua những ngọn gió đồng của.**Câu 5.** Thông điệp nào từ bài thơ có ý nghĩa nhất với anh chị? Vì sao?**PHẦN II – VIẾT (6,0 điểm)****Câu 1. (2,0 điểm).** Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ cảm nhận về đẹp tình yêu quê hương qua những ngọn gió đồng của tác giả qua đoạn thơ sau:*Tôi đông cứng gió thổi tôi mềm lại**Để như sông dào dạt phía ruộng đồng**Tôi trở về gặp buổi chiều mẹ vục bóng vào sông**Gió thổi áo nâu mềm lại ngày muối mặn**Thổi buốt tháng năm thổi tràn ký ức**Thổi mát những đau buồn còn nằm khuất đâu đây***Câu 2. (4,0 điểm).**

Hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về câu ngôn ngữ Hi Lạp: "Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào".

..... HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: tự do Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Hai biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: HS chỉ ra hai trong số các biện pháp tu từ dưới đây: - Biện pháp điệp từ “thổi” - Biện pháp nhân hoá: <i>gió thổi một, thổi đôi, gió chạy</i> - Biện pháp tu từ so sánh: <i>thổi như dất</i> . Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đúng hai biện pháp tu từ như đáp án : 0,5 điểm - HS chỉ trả lời được 1 biện pháp tu từ: 0,25 điểm	0,5

	<p>- HS chỉ trả lời các từ ngữ chứa biện pháp, không gọi tên chính xác biện pháp: 0,25 điểm</p> <p>- HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	
3	<p>Em hiểu về ý nghĩa câu thơ:</p> <p style="padding-left: 40px;">Gió chẳng bao giờ thổi tới trăng sao</p> <p style="padding-left: 40px;">Nhưng gió biết thổi cho nhau biết tự mình mở lối</p> <p>- Những ngọn gió không thổi tới được những vùng xa xôi, không vươn tới được những điều cao xa nhưng gió biết yêu thương, quan tâm, sẻ chia với nhau và biết cố gắng nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.</p> <p>- Câu thơ ngầm ý muốn nói đến những con người luôn sống biết đoàn kết, hỗ trợ nhau và biết vượt lên khó khăn thử thách. Họ đáng trân trọng và đáng noi gương.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS có giải thích nhưng chưa thật chính xác ý nghĩa nhan đề: 0,5 điểm</p> <p>- HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.</p>	1,0
4	<p>Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ.</p> <p>- Tác giả yêu mến, trân trọng và biết ơn miền quê thanh bình – nơi đã nuôi dưỡng tuổi thơ bao người.</p> <p>- Đó là những tình cảm chân thành, sâu sắc của người người con xa quê.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời đúng ý nghĩa khái quát của hai câu thơ, không giải thích từng câu: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	1,0
5	<p>Thông điệp nào từ bài thơ có ý nghĩa nhất với anh chị? Vì sao?</p> <p>- Hs chọn 1 thông điệp:</p> <p>+Hãy yêu thương, trân trọng những kỉ niệm thời thơ ấu.</p> <p>+Hãy trở về nguồn cội để tâm hồn dịu nhẹ, thánh thiện hơn.</p> <p>Bởi vì:</p> <p>- Quê hương là chốn đi về, là nơi dưỡng dục tâm hồn ta trở nên đẹp đẽ.</p> <p>- Mỗi người biết ơn nguồn cội sẽ khiến tâm hồn trở nên tươi đẹp. ...</p> <p>- Hướng dẫn chấm:</p>	1,0

		+ Trả lời hai ý như đáp án hoặc diễn đạt tương tự: 1,0 điểm + Diễn đạt hai ý chung chung, hoặc 1 ý như đáp án: 0,5 điểm.	
II		VIẾT	6.0
	1	Viết đoạn nghị luận 200 chữ trình bày suy nghĩ về cảm nhận tình yêu quê hương qua những ngọn gió đồng của tác giả qua đoạn thơ sau:	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn:</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. TS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch – qui nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định vấn đề nghị luận.</i> Xác định đúng vấn đề nghị luận: cảm nhận tình yêu quê hương qua những ngọn gió đồng của tác giả qua đoạn thơ sau:	0,25
		<i>c. Đề xuất hệ thống ý phù hợp.</i> Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ cảm nhận tình yêu quê hương qua những ngọn gió đồng của tác giả qua đoạn thơ sau: <i>Tôi đông cứng gió thổi tôi mềm lại Để như sông dào dạt phía ruộng đồng Tôi trở về gặp buổi chiều mẹ vực bóng vào sông Gió thổi áo nâu mềm lại ngày muối mặn Thổi buốt tháng năm thổi tràn ký ức Thổi mát những đau buồn còn nằm khuất đâu đây</i> - Vẻ đẹp tình yêu quê hương của tác giả thể hiện qua tình cảm yêu mến những ngọn gió đồng. - Tác giả cảm nhận sự tác động tích cực của những ngọn gió đồng: thổi tôi mềm lại, xua tan những áp lực cuộc sống; gió vỗ về hình bóng mẹ tần tảo lam lũ mỗi buổi chiều quê; gió đồng khơi gợi ký ức tuổi thơ ngọt ngào, sâu lắng, xua tan những phiền lo hiện tại. - Nghệ thuật điệp cấu trúc góp phần diễn đạt thành công cảm xúc mãnh liệt của nhà thơ.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thân thiện được thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng	0,5

	chúng.	
	<p><i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ ngữ pháp., liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Hãy viết bài luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về câu ngôn ngữ Hi Lạp: "Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào".	4,0
	<i>a. Xác định yêu cầu kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội.	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> "Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào".	0,5
	<p><i>c. Đề xuất hệ thống ý phù hợp:</i> - Giới thiệu vấn đề xã hội cần bàn luận: câu ngôn ngữ Hi Lạp: "Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào". + Xác định được các ý chính của bài viết. + Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: *Giới thiệu vấn đề nghị luận () *Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>1. Giải thích - “Rễ đắng” là hình ảnh ẩn dụ của những khó khăn, vất vả trong quá trình học tập. - “Quả” được nhắc đến ở đây chính là thành quả, kết quả cuối cùng mà quá trình học tập mang lại, quả ngọt là phần thưởng tất yếu, xứng đáng với những công sức mà người học đã bỏ ra. - Câu ngôn ngữ của Hi Lạp đã thể hiện nhận thức sâu sắc về quá trình học tập gian khổ nhưng thành tựu đạt được qua những gian khổ đó lại vô cùng xứng đáng, ý nghĩa với những công sức mà họ đã bỏ ra.</p> <p>2. Lí giải vấn đề /Trình bày biểu hiện đa dạng, phức tạp của vấn đề trong xã hội - Trong thực tiễn của việc học, chúng ta đã trải qua vô vàn những khó khăn, đó là sự chán nản, bất lực khi không thể lĩnh hội một đơn vị kiến thức khó, đó là khi ta trải qua cảm giác thất bại, nếm vị cay đắng: bị điểm kém, bị quở trách, thi hỏng...</p>	1,0

- Tuy nhiên, qua những thất bại nếu chúng ta biết nhìn nhận những hạn chế, tiếp tục cố gắng không ngừng thì chúng ta sẽ chiếm lĩnh được những tri thức, đạt được thành công như mong muốn.

3. Trình bày quan điểm của bản thân

- Câu nói mang ý nghĩa khích lệ, động viên con người luôn kiên trì, nỗ lực vươn lên trong học tập để đạt được thành quả tốt đẹp.

- Bởi vì:

+ học tập là quá trình lâu dài và liên tục. Nếu không có sự kiên trì, học nửa vơi, bỏ dở giữa chừng sẽ dẫn đến nhận thức sai và không thể đến đích thành công.

+ Học tập luôn đem lại cho con người những giá trị tốt đẹp, làm giàu trí tuệ, mở mang tầm nhìn và mở ra những con đường thành công.

(DC. Những tấm gương vượt khó vươn lên đổi đời nhờ học tập siêng năng, chăm chỉ như: Đoàn Phạm Khiêm - Người soạn từ điển cho trẻ câm điếc - Là một trong số ít những người khuyết tật theo đuổi việc học. Đoàn Phạm Khiêm đã đỗ đại học chính quy (thủ khoa ngành hội họa, Trường ĐH Mỹ thuật TP HCM năm 2009); Phạm Văn Linh, trường THPT Yên Khánh A đã xuất sắc trở thành thủ khoa toàn quốc Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và trở thành tấm gương sáng về tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập, là niềm tự hào của gia đình, thầy cô và bạn bè;

4. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Để việc học trở nên hiệu quả và đạt thành tích thì cần phải có kế hoạch học tập khoa học, có ý chí quyết tâm, kiên trì, bền bỉ cao.

- Việc học ngày nay không học bó hẹp ở môi trường nhà trường mà còn ở nhiều kênh học khác nhau như học online trên các trang mạng, học từ người đi trước, học từ bạn bè...

5. Liên hệ bản thân

- Cần phải ý thức được tầm quan trọng của sự tự giác trong học tập. - Phải biết tìm tòi nhiều nguồn kiến thức hơn để tích lũy, tìm được một phương pháp tối ưu nhất cho riêng mình.

- Phải học mọi lúc, mọi nơi, không chỉ từ sách vở mà còn từ những người xung quanh ta, bởi bất cứ người nào cũng có cái hay để ta học hỏi.

	- Rèn luyện tính kiên trì, không bao giờ được nản chí, hãy cố gắng phấn đấu trong mọi hoàn cảnh, chúng ta sẽ thấy khả năng của mình là vô hạn, không gì là không thể đạt được cả * Kết thúc vấn đề: khái quát lại vấn đề nghị luận, rút ra bài học.	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. - Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. 	1,5
	<p><i>d. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.</p>	0,5

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 7

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm): Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1). 76 tuổi đầu, mỗi bữa thất thểu ăn một lưng com, bà lão lòa ở nhờ một đứa cháu họ, thật đã lắm phen cực nhọc. Cháu bà, một bác đánh giậm, với vợ, một chị mò cua bắt ốc, khôn thay, dưới nách hai đứa con mọn, cũng đã lắm phen nhăn nhó vì chẳng đủ ăn. Hai mươi năm về trước, bà lão lòa này còn là người có của trong làng. Con trai bà nó chơi, nó phá, nó bán ruộng, cầm nhà rồi nó bỏ bà nó đi, chẳng biết đi đâu, lòng mẹ đối với con tuy có giận mà vẫn có thương, bà khóc lóc một mình đến nỗi lòa cả mắt. Trong thời bà còn giàu có, ngoài những việc cúng tiền tô tượng đúc chuông, bà còn năng giúp đỡ kẻ nghèo khó; trong họ ngoài làng, nhiều người đã được nhờ bà mà đến khi gặp bà bước khốn cùng thì chẳng ai thương cả. Cũng vì xưa kia đã nhiều phen ngửa tay nhận lấy đồng tiền cứu giúp của bà, bác đánh giậm đành cắn răng, vuốt bụng, nhắm mắt nuôi cô trong lúc hoạn nạn. Nhưng vốn bị ma nghèo ám ảnh, mới nuôi cô được độ ba năm, bác đánh giậm đã thấy nản lòng. Cái cảnh túng bấn nó thường đẩy người ta vào chốn bần nhơ, nó thường buộc người vào vòng tội lỗi, đối với bác đánh giậm, ác hơn, nó làm bác quên bỏ cả lương tâm. Quên hẳn cái ơn ngày trước, bác ta chỉ còn biết xót ruột khi bà lão lòa lò rò ngời vào mâm, cướp com của vợ, của con nhà bác. [...]

(2). Bà lão lòa, ăn hết một lưng, tay lấy bẫy chìa bát ra toan xin ít nữa, chưa kịp nói, bác gái đã quát:

- Hết rồi...! Còn đâu nữa mà chia mãi bát ra... Đến tôi đây quần quật suốt ngày, đã ốm cả xác mà cũng chỉ được có ba lưng thôi đấy... Bà không phải làm gì, ngồi nhà ăn ít cũng được.

Bà lão giật mình, dờ người ra một lúc rồi đứng lên đi vào trong nhà, ngồi xuống bậu cửa,...(Lược bớt đoạn bà lão lòa nhớ lại cảnh từng cho tiền giúp người nghèo khó). Bà lão lòa thốn thức, trên hai gò má răn reo lại thấy mấy giọt nước mắt chảy ròng ròng. Bà lão gục đầu xuống gối tí tê khóc không ra tiếng, chỉ thấy sùi sụt hậm hực...[...]

(3). Đã được nửa tháng nay, sáng nào cũng thấy thằng cu lớn dắt bà ra ngồi đầu đê rồi chiều đến lại dắt về. Trong bọn những người chợ búa qua lại con đường cái quan, tạt vào đường đê, thấy một bà lão lụ khụ, hồn hển thở, ngẩng đầu chìa nón kêu van, cũng đôi khi có người vớt cho một vài đồng kẽm. Chẳng may, nếu hôm nào về tay không thì vợ bác đánh giậm - cháu bà - lại nghiêng răng xía xói thậm tệ:

- Hôm nay chẳng ai thí cho bà đồng nào..! Bà có biết thế là bà lại ăn phần com của thằng cu lớn đấy không? Từ mai, bà liệu mà kêu to lên mới được... Hay tại bà ngồi dưới bóng cây mát mà ngủ thiếp đi...? Bà liệu đấy...!

Bát com ngô điểm quả cà thiu, bà lão lòa trước khi và vào môm đã chan đầy như canh bằng nước mắt...

(Trích “Bà lão lòa”, Vũ Trọng Phụng, Tuyển tập truyện ngắn Vũ Trọng Phụng” – tập 1, NXB Văn học)

Chú thích:

Vũ Trọng Phụng (1912-1939) quê quán ở làng Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, lớn lên ở phố Hàng Bạc, Hà Nội.

Ông sáng tác nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, kịch, ... Trong các sáng tác của Vũ Trọng Phụng thì Giông tố và Số đỏ là hai kiệt tác, mang dấu ấn thiên tài, đưa Vũ Trọng Phụng trở thành một trong những nhà văn lớn hàng đầu của văn học Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.

Câu 1. (0,75 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (0,75 điểm) Theo tác giả, bà lão lòa phản ứng như thế nào trước lời lẽ cay nghiệt của người cháu dâu khi bà chia bát ra định xin com?

Câu 3: (0,75 điểm) Tác giả viết “Cái cảnh túng bấn nó thường đẩy người ta vào chốn bần nhơ, nó thường buộc người vào vòng tội lỗi, đối với bác đánh giậm, ác hơn, nó làm bác quên bỏ cả lương tâm” nhằm mục đích gì?

Câu 4: (1,0 điểm) Mục đích của việc nhà văn nhắc lại những hành động giúp đỡ người nghèo của bà lão?

Câu 5. (0,75 điểm) Qua truyện ngắn trên, anh/chị rút ra một bài học có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hiện nay và giải thích lí do?

II. VIẾT (6,0 điểm).

Câu 1: (2,0 điểm) Từ truyện ngắn trên, anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của sự vô cảm trong cuộc sống hiện nay.

Câu 2: (4,0 điểm) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích và đánh giá nhân vật bà lão lòa trong truyện ngắn ở phần Đọc - hiểu.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án : 0,75 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	0,75
	2	<p>Bà lão: - giật mình, đờ người ra một lúc rồi đứng lên đi vào trong nhà, - ngồi xuống bậu cửa, lấy cái tăm gài trên mái tóc xuống xĩa răng, - nhớ lại quá khứ, - thổn thức khóc...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời được 4 ý trong đáp án : 0,75 điểm - HS trả lời được 2-3 ý trong đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời được 1 ý trong đáp án: 0,25 - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	0,75
	3	<p>Cảnh báo: nghèo khổ, túng quẫn sẽ bào mòn nhân cách con người.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trả lời đủ như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm - HS trả lời chạm 1 ý trong đáp án: 0,5 điểm - Hs không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm. 	0,75
	4	<ul style="list-style-type: none"> - Cho thấy bà lão vốn là người nhân hậu, biết yêu thương, giúp đỡ người nghèo khó - Thể hiện nỗi thống khổ của con người trước những biến động của cuộc đời. - Ngầm lên án sự thờ ơ của người đời trước tình cảnh cơ cực của bà lão già nua, mù lòa. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời đủ 2 - 3 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	0,75
	5	<p>Học sinh nêu một bài học có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống hiện nay và giải thích lí do. Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần sống yêu thương, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh - Luôn có ý thức đấu tranh loại trừ cái xấu, cái ác trong chính con người mình như sự vô cảm, ích kỉ ... <p>(Học sinh có thể nêu bài học khác nhưng phù hợp với nhân vật, tư tưởng trong tác phẩm)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu bài học phù hợp: 0,25 điểm - HS lí giải thuyết phục, hợp lí: 0,75 điểm - HS lí giải có cơ sở diễn đạt chưa mạch lạc: 0,5 điểm - HS lí giải chưa thuyết phục: 0,25 điểm 	
II	1	<p>VIẾT</p> <p>Từ truyện ngắn trên, anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của sự vô cảm trong cuộc sống hiện nay.</p> <p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội - Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn: khoảng 200 chữ, trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, móc xích, tổng – phân – hợp... <p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hậu quả của sự vô cảm trong cuộc sống hiện nay</i></p> <p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận; sau đây là một số gợi ý: + Vô cảm là một loại cảm xúc của con người được đặc trưng bởi sự thờ ơ, không quan tâm với các sự kiện và vấn đề xung quanh, đặc biệt là những vấn đề gây tổn hại về thể chất hoặc tinh thần cho con người. Tóm lại, người vô cảm là người không có cảm xúc trước nỗi đau của người khác, thiếu sự đồng cảm, chia sẻ, không oán hận trước những bất công xã hội. + Hậu quả của sự vô cảm trong cuộc sống hiện nay: tàn phá tâm hồn khiến bản thân mỗi người mất đi những cảm xúc vốn dĩ và trở nên chai sạn trước nỗi đau, mất mát của người khác, khiến người bị nạn không được cứu giúp kịp thời, khiến xã hội tụt hậu, suy đồi bởi những giá trị đạo đức không được coi trọng và nguy hại đến tính mạng con người, ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách... - Sắp xếp hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn <p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p> <p><i>e. Sáng tạo:</i></p>	<p>2,0</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
2			
		Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích và đánh giá nhân vật bà lão lừa trong truyện ngắn ở phần đọc hiểu.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> phân tích và đánh giá nhân vật bà lão lừa trong truyện ngắn ở phần đọc hiểu.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định các ý chính của bài viết - Sắp xếp các ý phù hợp theo bố cục ba phần để làm rõ vấn đề nghị luận; sau đây là một số gợi ý: + Giới thiệu khái quát về nhân vật sẽ phân tích + Phân tích nhân vật - Tóm tắt về cuộc đời của bà lão lừa - Phân tích nhân vật (hành động, lời nói, tâm trạng, tính cách...) qua các tình huống: khi xin cơm bị cháu dâu quát, khi đi ăn xin, ... - Nhận xét, đánh giá về nhân vật (bất hạnh, khốn khổ; có lòng tự trọng, thấm nỗi nhọc ăn nhờ ở đậu → kiếp người đáng thương, nhiều biến động, con người không lường hết được) và nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả (miêu tả tâm lí, đối thoại, độc thoại nội tâm, đan xen hiện thực và hồi ức, hình ảnh và chi tiết đặc sắc...) - Nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật: xót thương, ngậm ngùi, ... +Nêu khái quát thành công của tác giả qua việc xây dựng nhân vật. +Từ nhân vật, liên hệ và nêu cảm nghĩ của em về thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm.	1,0
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt	0,5

	mới mẻ.	
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,5 -4,0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lý lẽ, bằng chứng phù hợp; diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 2,25- 3,25 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 1,25- 2,0 điểm</p> <p>- Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,5- 1,0 điểm</p> <p>- Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm</p>	
Tổng điểm		10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 8

PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom, (1)

Oán hận trông ra khắp mọi chòm.

Mồ thảm không khua mà cũng cóc,

Chuông sầu chẳng đánh có sao om?

Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ, (2)

Sau giận vì duyên để mồm mòm.

Tài tử văn nhân ai đó tá?

Thân này đâu đã chịu già tom! (3)

(Tự tình – bài 1, Hồ Xuân Hương, NXB Thanh niên, tr.19)

*Chú thích:

- Bài thơ “Tự tình” (Bài 1) nằm trong chùm thơ “Tự tình” ba bài của Hồ Xuân Hương.

(1) Bom: Phía sau một con thuyền, nơi người dân chài thường nuôi gà (nhốt trong lồng gà).

(2) Có bản ghi: rền rĩ

(3) *Già tom*: rất già, già hẳn. Cách nói này thể hiện một thái độ “bướng bỉnh”, một bản lĩnh cứng cỏi trước ngang trái cuộc đời.

Trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3. Chỉ ra một số yếu tố thơ Đường luật có trong văn bản trên.

Câu 4. Hãy nêu tác dụng của nghệ thuật đối trong hai câu thơ:

Mồ thảm không khua mà cũng cốc,

Chuông sâu chẳng đánh có sao om?

Câu 5. Nêu cảm nhận tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những yếu tố nghệ thuật “phá cách” trong bài thơ *Ngôn chí* (bài 3) của Nguyễn Trãi

Ngôn chí * (bài 3)

Nguyễn Trãi

Am trúc hiên mai⁽¹⁾ ngày tháng qua.

Thị phi⁽²⁾ nào đến cõi yên hà⁽³⁾.

Cơm ăn dầu có dưa muối;

Áo mặc nài chi gấm là⁽⁴⁾.

Nước dưỡng⁽⁵⁾ cho thanh, trì⁽⁶⁾ thưởng nguyệt;

Đất cày ngô ải, lạnh ương hoa.

Trong khi hứng động⁽⁷⁾ vừa đêm tuyết,

Ngâm được câu thần dặng dặng⁽⁸⁾ ca.

(Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd, tr.396)

(*) *Ngôn chí*: chùm thơ 21 bài trong Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi.

⁽¹⁾ *Hiên mai*: chỉ nơi ở yên tĩnh của người ẩn dật.

⁽²⁾ *Thị phi*: điều phải và điều trái, ý nói dư luận của người đời.

⁽³⁾ *Yên hà*: chỉ khói và ráng chiều, ở đây để chỉ chốn thiên nhiên thanh tĩnh, cách xa cuộc sống xô bồ.

⁽⁴⁾ *Là*: một loại vải the mỏng

⁽⁵⁾ *Dưỡng*: nuôi dưỡng, giữ gìn

⁽⁶⁾ *Trì*: ao

⁽⁷⁾ *Hứng động*: cảm hứng, thi hứng được khơi dậy.

⁽⁸⁾ *Dặng dặng*: cất tiếng mà ngâm, ca.

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan niệm của anh/chị về hạnh phúc.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật/Thất ngôn bát	0,5

		<p>cú.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời như đáp án: 0.5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm 	
	2	<p>Nhân vật trữ tình trong bài thơ: người phụ nữ trong xã hội phong kiến/Tác giả Hồ Xuân Hương.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	0,5
	3	<p>Một số yếu tố thơ Đường luật có trong văn bản trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ 8 câu, mỗi câu 7 tiếng (thể thơ Thất ngôn bát cú). - gieo vần “om” (ở cuối các câu: 1, 2, 4, 6, 8). - Nghệ thuật đối ở hai câu thực và hai câu luận. - Luật bằng (tiếng thứ 2 ở câu 1 – “gà” – thanh bằng) <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời từ 2 yếu tố: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời 1 yếu tố: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	4	<p>Tác dụng nghệ thuật đối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự cân xứng nhịp nhàng cho lời thơ. - Nhấn mạnh những âm thanh sâu thẳm vang vọng giữa không gian tĩnh mịch, vắng vẻ; thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi của nhân vật trữ tình. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án (hoặc có cách diễn đạt tương tự): 0.75 điểm. - Học sinh trả lời ý 1: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời ý 2: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời được một nửa ý 2: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm. 	1,0
	5	<p>Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô đơn, lẻ loi, buồn sầu trước không gian tĩnh mịch, vắng vẻ. - Oán hận, u uất vì chuyện tình duyên lỡ làng, không trọn vẹn. - Thách thức trước bi kịch, khao khát hạnh phúc lứa đôi. 	1,0

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án (hoặc có cách diễn đạt tương tự): 1.0 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời 2 ý: 0.75 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm	
II		LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ những yếu tố nghệ thuật “phá cách” trong bài thơ <i>Ngôn chí</i> (bài 3) của Nguyễn Trãi	
		<i>a. Đảm bảo hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Làm rõ một yếu tố “phá cách” trong bài thơ <i>Ngôn chí</i> (bài 3) của Nguyễn Trãi	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Bài thơ có một số yếu tố nghệ thuật “phá cách” như: ++ Tác giả sử dụng những thi liệu gắn với cuộc sống đời thường chốn thôn quê: <i>dưa muối, đất cày ngô ải, ...</i> ++ Hai câu thơ lục ngôn (câu 3 và 4) tạo “điểm nhấn” nêu bật được quan niệm sống của tác giả. + Ý nghĩa của những “phá cách” trong nghệ thuật của bài thơ <i>Ngôn chí</i> (bài 3): ++ Góp phần nhấn mạnh cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, giản dị mà thanh cao của Nguyễn Trãi. ++ Thể hiện tài năng và ý thức sáng tạo một thể thơ riêng của Nguyễn Trãi khi sử dụng câu thơ lục ngôn trong bài thơ thất ngôn; thể hiện tính dân tộc đậm đà trong thơ Nguyễn Trãi. ++ Làm giàu có và phong phú hơn cho văn học dân tộc. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức	0,5

		<p>biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	
		<p><i>đ. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh, yếu tố biểu cảm,...)</p>	0,25
	2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan niệm của em về hạnh phúc.</p>	4.0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Nêu quan niệm của bản thân về hạnh phúc.</p>	0,5
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. <p>*Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề.</p> <p>* <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giải thích vấn đề nghị luận: Hạnh phúc là gì?</i> <ul style="list-style-type: none"> + Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc tích cực của con người, có được khi họ có được niềm vui, thỏa mãn từ một việc gì đó. -<i>Khẳng định:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Hạnh phúc là điều ai cũng mong muốn có được trong cuộc sống. + Không có một định nghĩa duy nhất nào cho hạnh phúc. Với mỗi giai đoạn lịch sử, với mỗi cá nhân lại có những định nghĩa hạnh phúc của riêng mình. - <i>Thể hiện quan điểm của người viết về hạnh phúc, có thể triển khai theo một số gợi ý sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Hạnh phúc có thể bắt nguồn từ những điều lớn lao: giải phóng dân tộc, xây dựng tổ quốc, đưa đất nước sánh vai với bạn bè năm châu,... Nhưng đôi khi hạnh phúc có thể đến từ những điều nhỏ bé, giản dị: được thấy nụ cười của mẹ, được điểm cao 	1,0

		<p>trong môn học, được thấy nụ hoa hồng xinh xắn nở rộ trước hiên nhà,...</p> <p>+ Ý nghĩa của hạnh phúc: là trạng thái tinh thần khiến con người thêm yêu đời, yêu cuộc sống; tạo động lực để vượt qua những thách thức, mệt mỏi khó khăn và đạt được những niềm hạnh phúc mà bản thân khao khát; khiến con người nhìn cuộc sống một cách tích cực.</p> <p>+ Mở rộng, trao đổi với ý kiến trái chiều: Phê phán những người mãi đi tìm kiếm những hạnh phúc xa vời mà quên đi những niềm hạnh phúc giản dị ngay bên cạnh mình.</p> <p><i>*Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày, rút ra bài học cho bản thân:</i></p> <p>+ Luôn mở rộng cửa trái tim để đón nhận những điều tốt đẹp.</p> <p>+ Xác lập được cho bản thân mục tiêu hạnh phúc của bản thân.</p> <p>+ Không ngừng cố gắng, nỗ lực để đạt được mục tiêu hạnh phúc.</p>	
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
		<p><i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,5
		<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ SỐ 9

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Văn hóa ứng xử trong quan hệ gia đình của người Việt

Văn hóa ứng xử của người Việt đã được hình thành trong quá trình giao tiếp qua 4000 năm dựng nước và giữ nước. Cái đẹp trong văn hóa ứng xử được cha ông ta lưu giữ, truyền lại từ đời này sang đời khác. Ngày nay mặc dù xã hội đã có nhiều thay đổi nhưng giao tiếp ứng xử vẫn có tầm quan trọng đặc biệt. Nó tạo nên các mối quan hệ đẹp có văn hóa, có đạo đức trong cộng đồng dân cư.

Từ xa xưa, văn hoá ứng xử trong gia đình đã được ông cha ta đặc biệt coi trọng: Gia đình phải có gia giáo; gia lễ; gia pháp; gia phong mà mỗi người trong gia đình phải tuân thủ theo hết sức nghiêm ngặt.

Văn hóa ứng xử trong gia đình được người Việt đề cao và rất coi trọng. Trong kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam cho thấy có rất nhiều câu thể hiện điều này. Từ lúc mới sinh ra, con người đã được đặt trong sự gắn bó thiêng liêng của tình mẫu tử, phụ tử: “Phụ tử tình thâm”, “Xương cha, da mẹ”, “Cá chuối đằm đuôi vì con”. Khi khôn lớn mỗi người không thể quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ:

*Công cha ba năm tình thâm lai lảng
Nghĩa mẹ đậm đà chín tháng cưu mang
Bên uớt mẹ nằm, bên ráo con lăn
Biết lấy chi đền nghĩa khó khăn
Hai đứa mình lên non lấy đá xây lăng phụng thờ*

Chữ “hiếu” luôn được đề cao trong quan hệ ứng xử với cha mẹ và được thể hiện bằng tục báo hiếu. Mối quan hệ giữa cha mẹ với con cái, con cái đối với cha mẹ đã được ông cha ta nâng lên thành đạo làm cha mẹ, đạo làm con. Từ mối quan hệ chủ đạo này đã hình thành nên đạo thờ ông bà tổ tiên, đạo thờ cha mẹ, góp phần nuôi dưỡng cho con người tình cảm “Uống nước nhớ nguồn”.

Đối với quan hệ vợ chồng, sự hoà thuận và tình nghĩa thuỷ chung luôn mang ý nghĩa thiêng liêng, sâu nặng, là mối ràng buộc trách nhiệm cao suốt đời người:

*Áo vá vai vợ ai không biết
Áo vá quần chỉ biết vợ anh*

Những nét đẹp ứng xử trong gia đình đã hình thành nên nhiều giá trị văn hoá mang tính truyền thống của người Việt như: Sự hoà thuận, chung thuỷ, tình nghĩa, lòng yêu thương và hy sinh cho con cái, tôn trọng và hiếu đễ với cha mẹ, anh em. Nhiều gia đình Việt Nam xưa nhờ biết duy trì lối ứng xử có văn hoá đã tạo ra nền nếp, kỷ cương để mọi người cùng noi theo. Chính gia lễ, gia phong ấy là cái gốc của gia đình, giữ cho con người Việt Nam, gia đình và xã hội Việt Nam một sức sống mãnh liệt và sự trong sáng với cội nguồn. Thời nay, trong gia đình, dù văn hóa ứng xử có thay đổi rất nhiều so với ngày xưa, nhưng những khuôn phép của mỗi gia đình vẫn không thể thiếu được.

(...)

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường, các mối quan hệ gia đình ở Việt Nam đang có những biến đổi sâu sắc. Bên cạnh sự phân giải của những giá trị văn hóa gia đình truyền thống, sự du nhập của những quan niệm và nhận thức về gia đình từ bên ngoài, chúng ta cũng chưa hình thành được một cách vững chắc những giá trị và chuẩn mực mới trong các mối quan hệ gia đình tạo ra “những nhiễu loạn giá trị”. Những nhiễu loạn giá trị trong quan hệ gia đình sẽ được khắc phục dần khi chúng ta chính thức bước

vào xã hội công nghiệp cùng với những quy chuẩn về kinh tế - xã hội của xã hội ngày nay.

Chúng ta sẽ còn phải tiếp tục chung sống với những hiện tượng “nhiều loạn giá trị gia đình” nhưng không có nghĩa là chúng ta sẽ quy phục nó như là những kẻ bị động. Cần phải dựa trên những chuẩn mực cao nhất về tính nhân đạo trong việc định hướng sự phát triển của gia đình và các mối quan hệ gia đình. Chỉ như vậy chúng ta mới có thể không chỉ phát huy được vị trí và vai trò của gia đình đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước mà còn chủ động xây dựng những chuẩn mực và giá trị gia đình mới phù hợp với xã hội hiện đại, làm cho văn hóa ứng xử trong gia đình mãi là một nét đẹp của người dân đất Việt, góp phần cho văn hóa dân tộc thăng hoa.

(Chiều Lê, <https://vhntcantho.edu.vn>, ngày 14/01/2020)

Câu 1. Theo tác giả, văn hóa ứng xử của người Việt được hình thành trong quá trình nào?

Câu 2. Những giá trị văn hoá nào được hình thành từ nét đẹp ứng xử trong gia đình?

Câu 3. Câu văn “*Từ xa xưa, văn hoá ứng xử trong gia đình đã được ông cha ta đặc biệt coi trọng: Gia đình phải có gia giáo; gia lễ; gia pháp; gia phong mà mỗi người trong gia đình phải tuân thủ theo hết sức nghiêm ngặt.*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

Câu 4. Văn hóa ứng xử trong gia đình thể hiện ở những mối quan hệ nào?

Câu 5. Theo em, chúng ta cần làm gì để văn hóa ứng xử trong gia đình mãi là một nét đẹp của người dân đất Việt? (trả lời khoảng 4 - 5 câu)

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về thực trạng văn hóa ứng xử của giới trẻ trong cộng đồng.

Câu 2. (4.0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “*Tự tình – bài 1*” của Hồ Xuân Hương.

Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom, (1)

Oán hận trông ra khắp mọi chòm.

Mồ thảm không khua mà cũng cốc,

Chuông sậu chẳng đánh có sao om?

Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ, (2)

Sau giận vì duyên để mồm mòm.

Tài tử văn nhân ai đó tá?

Thân này đâu đã chịu già tom! (3)

(*Tự tình – bài 1*, Hồ Xuân Hương, NXB Thanh niên, tr.19)

**Chú thích:*

- Bài thơ “*Tự tình*” (Bài 1) nằm trong chùm thơ “*Tự tình*” ba bài của Hồ Xuân Hương.

(1) *Bom*: Phía sau một con thuyền, nơi người dân chài thường nuôi gà (nhốt trong lồng gà).

(2) Có bản ghi: *rền rĩ*

(3) *Già tom*: rất già, già hẳn. Cách nói này thể hiện một thái độ “bướng bỉnh”, một bản lĩnh cứng cỏi trước ngang trái cuộc đời.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Theo tác giả, văn hóa ứng xử của người Việt được hình thành trong quá trình giao tiếp qua 4000 năm dựng nước và giữ nước Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0.5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Những giá trị văn hoá được hình thành từ nét đẹp ứng xử trong gia đình: Sự hoà thuận, chung thuỷ, tình nghĩa, lòng yêu thương, hiếu đễ Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	3	Câu văn “ <i>Từ xa xưa, văn hoá ứng xử trong gia đình đã được ông cha ta đặc biệt coi trọng: Gia đình phải có gia giáo; gia lễ; gia pháp; gia phong mà mỗi người trong gia đình phải tuân thủ theo hết sức nghiêm ngặt.</i> ” sử dụng biện pháp tu từ : Liệt kê (gia giáo, gia lễ, gia pháp, gia phong) Hiệu quả nghệ thuật: Nhấn mạnh về giá trị văn hóa ứng xử từ ngàn đời của ông cha ta Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời từ 3 yếu tố: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời 1 yếu tố: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	4	Văn hóa ứng xử trong gia đình thể hiện ở những mối quan hệ: Mối quan hệ vợ chồng; mối quan hệ anh em; mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án (hoặc có cách diễn đạt tương tự): 0.75 điểm. - Học sinh trả lời ý 1: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời ý 2: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời được một nửa ý 2: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Học sinh nêu được từ 3 việc làm 1 cách hợp lí; diễn đạt rõ	1,0

		<p>ràng không mắc lỗi được 1,0 điểm</p> <p>Hs nêu được 2 việc làm 1 cách hợp lí; diễn đạt rõ ràng không mắc lỗi được 0,75 điểm</p> <p>Hs nêu được 1 việc làm 1 cách hợp lí, diễn đạt rõ ràng được 0,5 điểm</p> <p>Hs nêu được 1 việc làm 1 cách hợp lí, diễn đạt chưa thật rõ ràng, còn mắc lỗi được 0,25 điểm</p> <p>HS không làm hoặc làm sai không cho điểm</p>	
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về thực trạng văn hóa ứng xử của giới trẻ trong cộng đồng.	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p> <p>Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>thực trạng văn hóa ứng xử của giới trẻ trong cộng đồng.</i></p>	0,25
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <p>+ “Văn hóa ứng xử” là cách mỗi con người hành động, đối đãi, cư xử với người khác. Thông qua những hành động đó, người khác có thể hiểu, phán đoán và đánh giá được chúng ta là người như thế nào.</p> <p>+ Hiện nay có nhiều bạn trẻ có những suy nghĩ, lời nói và hành động, cư xử với người khác chưa đúng với chuẩn mực đạo đức ở cộng đồng khiến cho dư luận lên án, tạo ra chiều hướng tiêu cực không đáng có ảnh hưởng đến nhân cách cũng như tác động xấu đến môi trường.</p> <p>+ Cũng có nhiều bạn trẻ ứng xử chuẩn mực, đạo đức, lịch sự ở cộng đồng, biết nói lời hay, làm việc tốt, những bạn này xứng đáng được biểu dương cũng như là tấm gương để mọi người noi theo.</p> <p>- Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</p>	0,5
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p>	0,5

		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh, yếu tố biểu cảm,...)	0,25
	2	Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Tự tình – bài 1” của Hồ Xuân Hương.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận văn học	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Tự tình – bài 1” của Hồ Xuân Hương.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p>- Khái quát tác giả, tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hồ Xuân Hương là người phóng túng, tài hoa, sắc sảo nhưng tình duyên lận đận, éo le; bà là nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ → Bà được mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm” + Bài thơ “Tự tình” (bài 1) nằm trong chùm thơ “Tự tình” gồm 3 bài. <p>- Đề tài, chủ đề, nhân vật trữ tình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đề tài: Người phụ nữ trong xã hội xưa + Chủ đề: Tâm trạng cô đơn, lẻ loi, buồn sầu trước không gian tĩnh mịch, vắng vẻ; Nỗi oán hận, u uất vì chuyện tình duyên lỡ làng, không trọn vẹn; Thách thức trước bi kịch, khao khát hạnh phúc lứa đôi. + Nhân vật trữ tình: người phụ nữ (cũng chính là nhà thơ). <p>- Bố cục: 4 phần: Đề - Thực – Luận – Kết.</p> <p>- Phân tích, đánh giá nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hai câu đề: Thời gian là đêm khuya; không gian mênh mông, tĩnh vắng; âm thanh “tiếng gà văng vẳng” (nghệ thuật: lấy động tả tĩnh) → Làm nổi bật tâm trạng buồn, cô 	1,0

	<p>đơn “oán hận” của nhân vật trữ tình.</p> <p>+ Hai câu thực: Hình ảnh “mỡ thấm”, “chuông sâu”: đối nhau, hô ứng → cực tả nỗi đau khổ, sâu tủi của nhà thơ; Câu hỏi tu từ → giọng thơ thảm thiết, xoáy sâu vào lòng người như một tiếng thở dài tự thương mình.</p> <p>+ Hai câu luận: Nghệ thuật đối: “trước nghe”, “sau giận”.... → vừa than thân trách phận, vừa buồn tủi về con đường tình duyên không trọn vẹn.</p> <p>+ Hai câu kết: Vừa nghi vấn, vừa cảm thán → Sự thách đố với số phận, thể hiện một bản lĩnh cứng cỏi trước ngang trái cuộc đời → Nỗi khát khao hạnh phúc cháy bỏng.</p> <p>→ Bài thơ là nỗi buồn, cơn đơn, phần uất trước duyên phận éo le; nhưng cũng là niềm khao khát hạnh phúc của người phụ nữ.</p> <p>- Phân tích, đánh giá nghệ thuật:</p> <p>+ Thể thơ: thất ngôn bát cú, bố cục 4 phần, thơ Nôm → khắc họa chân thực, rõ nét tâm trạng của nhân vật trữ tình; đồng thời mang đến sự mới mẻ cho thể thơ cổ, vừa khiến bài thơ gần gũi, quen thuộc với người Việt.</p> <p>+ Ngôn ngữ: giản dị, tự nhiên, mộc mạc; dùng nhiều từ thuần Việt nhưng rất đặc sắc.</p> <p>+ Hình ảnh: giàu sức gợi (<i>mỡ thấm, chuông sâu...</i>) để diễn tả các cung bậc cảm xúc của người phụ nữ khi nghĩ đến thân phận của mình.</p> <p>+ Gieo vần: “om” → rất độc đáo, hiểm hóc → giọng điệu buồn, phần uất.</p> <p>+ Nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình → góp phần bộc lộ tâm trạng của nhà thơ.</p> <p>+ Sử dụng hiệu quả các biện pháp nghệ thuật: đối, câu hỏi tu từ...</p>	
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	1,5
	<p><i>đ. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
Tổng điểm		10,0

ĐỀ SỐ 10

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau :

GA TÀU TUỔI THƠ

(Lược đoạn đầu: *Tôi rất sợ những buổi chiều thu im ắng, bàng bạc trôi qua cuộc đời mình. Nó gợi nhớ cho tôi về những tháng năm tuổi thơ chiều nào cũng ra ngõ ngóng những chuyến tàu ngược chở nặng niềm mong mỏi [...] Khi ấy mẹ tôi bị bệnh nặng, bố gói ghém tất cả gia tài và tình yêu đưa mẹ lên chuyến tàu xuôi xuống Hà Nội chữa bệnh, nhà chỉ còn ba anh em chăm nhau)*

Ở ngõ nhà tôi có một cây bạch đàn to, mỗi hôm ra ngóng bố mẹ tôi lại lấy mảnh trai cửa lên thân cây một vạch. Cho đến buổi chiều hôm ấy anh tôi đếm trên thân cây thấy vừa tròn mười lăm vạch. Chiều ấy khi trời đã tối hẳn, anh tôi đã dắt thằng út em vào nhà, tôi vẫn còn đứng nán lại nhìn một lần nữa phía con đường mòn. Tôi bỗng hét lên sung sướng vì đã nhìn thấy bóng dáng thân quen của bố mẹ đang đi về phía chúng tôi. Buổi chiều muộn ấy là một buổi chiều tràn ngập niềm vui, thằng út em sà vào vòng tay, dụi dụi vào ngực mẹ như nó vẫn còn nhớ mùi hương của sữa. Anh cả vừa hát, vừa nhảy chân sáo đi đằng sau. Bố công kênh tôi trên đôi vai đã gầy sọp đi vì vất vả. Tối ấy cả nhà trải chiếu ra giữa sân ngập tràn ánh trăng, mẹ lại hát ru em ngủ, bố kể nốt câu chuyện cổ tích “Cây khế” còn dang dở 15 ngày trước...

Rồi khi em út tôi bị ung nhọt mọc đầy người, bố mẹ lại một lần nữa gồng gánh niềm tin xuôi tàu về Hà Nội. Nhà chỉ còn hai anh em chăm nhau nhưng vẫn không quên chiều chiều lại ra ngõ ngóng. Mấy đứa trẻ con trong xóm chơi bắn bi với tôi bị thua nên ghét tôi lắm, cứ chiều thấy anh em tôi ra ngõ là chúng lại xúm vào trêu rất ác: “Đồ mồ côi! Anh em nhà mồ côi bị bố mẹ bỏ rơi. Ê ồ! Ê ồ!” Tôi vừa gào khóc vừa nhặt đất đá ném lũ trẻ. Anh cả cõng tôi trên lưng đi về phía con đường mòn, chúng tôi cứ đi từ khi mặt trời bắt đầu xuống núi đến khi tôi mỏi mắt cũng không nhìn rõ hướng đi. Lúc ấy tôi khóc khàn cả cổ còn anh trai thì luôn miệng dỗ dành:

- Em gái ngoan nào, để anh cõng em đi tìm bố mẹ đi tìm em út nhé. Rồi mai anh đi hái quả chùm chùm chín mọng đỏ cho ăn nhé.

Đấy là lần đầu tiên chúng tôi nhìn thấy ga tàu, hai đứa trẻ con cõng nhau đứng lọt thỏm giữa sân ga im ắng, khách xuống tàu đã về hết tự lúc nào. Anh tôi đứng lặng rất lâu, tôi thấy có vài giọt nước ấm rơi xuống đôi bàn tay đang bá vào cổ anh. Tôi biết là anh đang khóc, nhưng sau đó anh lại xốc tôi lên và cõng quay trở lại con đường mòn khi này.

Tôi không thể nhớ nổi có biết bao buổi chiều đã đi qua cuộc đời chúng tôi buồn bàng bạc như thế. Bởi em tôi bệnh rất nặng, phải mấy năm sau em mới thật sự khỏi bệnh. Trong lúc bố mẹ tôi gồng gánh trên đôi vai mình những gian nan, vất vả chạy chữa khắp nơi để cứu lấy sinh mạng em tôi, thì anh trai đã phải lớn lên trước tuổi để che

chờ, bao bọc thứ niềm tin nhỏ bé trong tôi. Từ tình yêu thương đó tôi lớn lên từng ngày một, tôi hiểu ra rằng những chuyến đi của bố mẹ có ý nghĩa lớn lao như thế nào, tôi cũng hiểu rằng anh cả là một người anh thật tuyệt vời. Lúc bố mẹ vắng nhà anh đã đứng vững, đã làm cái “nóc nhà” để che chở vỗ về và cả tha thứ cho bầy em bé nhỏ của mình.

Cho đến mãi sau này tôi cũng không bao giờ quên những buổi chiều anh trai tôi dắt tôi ra ngõ ngóng người thân trở về. Cây bạch đàn ở ngõ đã bao lần thay vỏ, những vết khắc năm xưa đã không còn nữa nhưng vết khắc tuổi thơ thì vẫn luôn hằn trong tâm trí chúng tôi. Để sau này khi dòng xoáy cuộc đời có cuốn chúng tôi về đâu đi nữa thì những buổi chiều ngang qua cuộc đời sẽ giúp tôi tìm về nguồn cội để biết yêu thương và được yêu thương thật nhiều trong vòng tay ấm áp của gia đình.

(Theo tác giả Vũ Thị Huyền Trang, *Ga tàu tuổi thơ*, báo *Tài hoa trẻ*, số 750 ngày 15.02.2012)

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Xác định không gian và thời gian của câu chuyện.

Câu 3. Theo anh/chị, hành động “*lấy mảnh trai cửa lên thân cây*” thể hiện tâm trạng gì của nhân vật *tôi*?

Câu 4. Nêu chủ đề của truyện ngắn.

Câu 5. Từ tình cảm của người anh dành cho em gái, anh/chị rút ra thông điệp gì có ý nghĩa nhất cho bản thân? Hãy lí giải

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về nhân vật người anh trong văn bản trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

Lạm dụng mạng xã hội đang là một thói quen phổ biến trong giới trẻ hiện nay. Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục họ từ bỏ thói quen này.

-----Hết----- ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Người kể chuyện trong truyện ngắn thuộc ngôi thứ nhất Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Không gian và thời gian của câu chuyện: - Không gian: ngõ nhỏ, đường mòn, sân ga - Thời gian: những buổi chiều	0,5

		Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời được 1 ý trong đáp án (không gian hoặc thời gian): 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	
	3	Tâm trạng của nhân vật tôi: - Cô đơn, trống vắng - Nhớ thương và trông ngóng và khao khát gặp cha mẹ Hướng dẫn chấm: - Hs trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: Không cho điểm.	1,0
	4	Chủ đề của truyện ngắn: - Cảm thông, thấu hiểu với nỗi cô đơn, vất vả của những đứa trẻ khi cha mẹ vắng nhà - Ngợi ca tình yêu thương, đoàn kết trong tình anh em của những đứa trẻ Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	5	- Thông điệp: 0,5 điểm + Hãy yêu thương những người thân trong gia đình + Cần trân trọng tình cảm gia đình ... - Lí giải: 0,5 điểm HS có thể lí giải theo nhiều cách, tuy nhiên cần hợp lí và thuyết phục Hướng dẫn chấm: - HS nêu được thông điệp và lí giải thuyết phục, hợp lí: 1,0 điểm - HS chỉ nêu được thông điệp/ lí giải: 0,5 điểm - HS nêu được thông điệp và lí giải nhưng chung chung, chưa rõ ràng: 0,5 điểm - HS không trả lời/ trả lời sai: Không cho điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về nhân vật người anh trong văn bản ở phần Đọc hiểu	2,0

	<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, song hành hoặc móc xích.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Cảm nhận nhân vật người anh trong đoạn trích văn bản “Ga tàu tuổi thơ”</p>	0,25
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <p>- Học sinh xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: + Người anh trai là nhân vật chính thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, người thân đau ốm phải đi chữa bệnh, dù còn nhỏ, người anh trai đã thay cha mẹ chăm sóc em gái mình + Người anh trai trưởng thành trước tuổi, yêu thương, động viên, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cô em gái nhỏ;... - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn. Hướng dẫn chấm: - HS phân tích đủ ý, sâu sắc, lập luận chặt chẽ: 0,5 điểm - HS phân tích thiếu ý hoặc chưa sâu sắc: 0,25 điểm - HS phân tích chung chung, chưa rõ ý: 0,25 điểm</p>	0,5
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Cảm nhận nhân vật người anh trai - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng</p>	0,5
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Lạm dụng mạng xã hội đang là một thói quen phổ biến trong giới trẻ hiện nay.</p> <p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục họ từ</p>	4,0

	bỏ thói quen này.	
	<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Thuyết phục giới trẻ từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội</p>	0,5 1,0
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: *Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. *Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích vấn đề nghị luận - Thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề cần nghị luận <p>Có thể theo một số gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng xã hội là hệ thống cung cấp cho con người ở khắp mọi nơi các dịch vụ chia sẻ thông tin, trò chuyện trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh... - Biểu hiện của tình trạng lạm dụng mạng xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Người trẻ dùng mạng xã hội một cách thường xuyên, liên tục cả ngày và đêm + Ít quan tâm đến những vấn đề xung quanh trong cuộc sống thực - Lí do cần phải từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Tác hại đối với sức khỏe: <ul style="list-style-type: none"> . Não bộ không được nghỉ ngơi . Thiếu ngủ, mất ngủ, sức khỏe suy kiệt, tâm trí mất tinh tảo + Tác hại đối với học tập và công việc: <ul style="list-style-type: none"> . Mất tập trung gây ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập . Lơ là mục tiêu, hạn chế khả năng sáng tạo, công việc kém hiệu quả + Tác hại đối với nhận thức và giao tiếp xã hội: <ul style="list-style-type: none"> . Dễ có những suy nghĩ tiêu cực . Dễ gây mâu thuẫn trên không gian mạng lẫn ngoài đời sống . Mất đi sự kết nối với mọi người xung quanh <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội: <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo sức khỏe 	

	<p>+ Học tập, công tác đạt hiệu quả cao</p> <p>+ Tập trung vào cuộc sống thực, nâng cao chất lượng cuộc sống</p> <p>...</p> <p>- Giải pháp khắc phục thói quen lạm dụng mạng xã hội:</p> <p>+ Giới hạn thời gian sử dụng mạng xã hội</p> <p>+ Đối với những công việc không cần mạng xã hội cần tránh để điện thoại bên mình</p> <p>+ Gắn kết bản thân với cuộc sống thực</p> <p>...</p> <p>* Khẳng định lại vấn đề:</p>	1,5
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Chỉ bắt buộc triển khai hai luận điểm: Lí do cần phải từ bỏ thói quen lạm dụng mạng xã hội và giải pháp khắc phục thói quen ấy</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận..</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25 0,5
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, dùng từ tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
Tổng điểm		10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 11

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

GIÁO ĐẦU : Từ Lương¹ giang quê ngụ,
Thiếp mỹ hiệu Bửu Tiên.
Thung đường² đã sớm cách suối vàng.

Nguyên thất³ hãy nấu nướng nhà bạc.
 (Ai đi) Đoái gia đạo tự cơ hàn khiếm khuyết,
 (Còn) Nhìn từ thân⁴ lụy nhỏ chứa chan.
 (Như tôi là) Buồn riêng than hổ phận nữ nhi.
 (Tôi biết) Lấy chi trả mười ơn cốt nhục?
 (Vây thôi thời) Kịp vào nơi thảo thất⁵
 Trình từ thân tỏ nỗi thủy chung,
 Phận cơ hàn phải chịu gian nan.

MẸ BỮU: (Ồ con ôi!) Con vào phòng mẹ,
 Tôi tắm là vậy

TIÊN BỮU: Có chuyện chi hay không (vây a con?)

TIÊN BỮU: (Dạ dám thưa mẹ) Cúi bày lời ầu nữ⁶,
 Cho tỏ dạ mẫu thân
 Xin cho con xuống chốn Giang Tân⁷,
 (Đặng mà) Con lập thuyền chiếc đưa đồ đồ bữa (a mẹ).

MẸ BỮU: (Con ôi !)
 Thời con đà quyết dạ
 Mẹ dễ phiền lòng
 (Bớ con ôi !)
 Nay mà con xuống chốn Giang Tân,
 (Thôi thôi nghe lời mẹ dặn nghe con).
 Phải nhớ câu trịnh nữ chi ca⁸,
 (Con đừng học thói)
 Dâm khuê⁹ chi vịnh¹⁰
 (Cho nhớ đừng có quên nghe không con!)

TIÊN BỮU: (Dạ dám thưa mẹ)
 Khẩn khẩn vâng lời vàng đá,
 Khăng khăng tạc dạ sắt đĩnh.
 Lạy mẫu từ ở lại lều tranh
 Cho ầu nữ Giang Tân đưa khách.

Hát nam:

Ấu nữ Giang Tân đưa khách,
 Cúi đầu từ huyền thất dời chân.

MẸ BỮU: (Con ôi ! Con có đi thì nghe mẹ dặn)
 Thời sách có chữ rằng:
 Gia bần tri hiếu tử¹¹
 Quốc loạn thức trung thân¹²
 (Con còn nhớ không con?)

Hát nam:

Thương vì con trẻ thơ ngây,
 Dầm sương trải gió nào nguôi lòng già¹³.

TIÊN BỮU:
 (Dám thưa mẹ như con nay là)

MẸ BỮU: Nghiêng mình lạy tạ mẫu thân,
 Giang Tân con tới thảo trang¹⁴ mẹ hồi¹⁵.
 (Con có đi thời nhớ lời mẹ dặn, chẳng can chi mà
 Con phòng sợ, thời sách có chữ rằng):
 Tử sanh hữu mạng¹⁶
 (Còn) Phú quý tại thiên¹⁷ (đó con!)

Hát nam:

Dứt tình phân rẽ đôi phương,
 Giang Tân con tới thảo trang mẹ hồi
 (Thôi con tới)
TIÊN BỮU: (Mẫu thân à)

Mẫu thân đà trở lại thảo trang.
 Âu ta kíp trông chừng Giang quận¹⁸,
Hát nam : Giang quận âu ta mau kíp,
 Quyết một lòng giữ đạo thảo ngay.
 Riêng thân phận gái nữ nhi,
 Ba năm¹⁹

chưa trả mười ơn lăm đền,
 Mảng còn than thở sự tình
 Phút đâu ló thấy Giang Tân hầu gần.

(Trích tuồng *Tiên Bửu*, Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)

Chú giải:

1. *Từ Lương giang* hoặc *Lương giang*: không rõ địa hạt nào. Đây phiếm chỉ một địa điểm làm quê quán nhân vật.
2. *Thung đường*: tức xuân đường chỉ ông bố.
3. *Nguyên thất*: (phiên làm chữ, *huyền thất*, chỉ bà mẹ. Người ta thường gọi cha mẹ là *xuân huyền*. “Xuân huyền hai khóm tốt tươi”. “Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang”. “Nhà huyền chột tỉnh, hỏi con có gì?”...Truyện Kiều).
4. *Từ thân*: mẹ hiền.
5. *Thảo thất*: nhà cỏ, nhà tranh.
6. *Âu nữ*: con gái còn nhỏ tuổi.
7. *Giang Tân*: bên sông.
8. *Trình nữ chi ca*: lời ca người con gái đứng đắn.
9. Nguyên bản: khê
10. *Dâm khuê chi vịnh*: lời về người con gái lẳng lơ. *Dâm khuê*: Buồng hư hỏng của một cô gái nào đó.
11. *Gia bản chi hiếu tử*: nhà nghèo mới biết con hiếu thảo.
12. *Quốc loạn thức trung thân*: nước loạn mới biết tôi trung thành.
13. Nguyên bản: dâm sường trái gió lòng già nào nguôi.
14. *Thảo trang*: cũng như thảo thất, thảo lư, thảo xá...đều là nói nhà tranh, nhà cỏ.
15. Nguyên bản: Giang Tân con tới thảo lư mẹ hồi.

Câu 1: Văn bản trên thuộc loại hình nghệ thuật nào?

Câu 2: Dựa vào phần giáo đầu hãy nêu hoàn cảnh của nhân vật Bửu Tiên

Câu 3: Theo em, tại sao người mẹ lại phiền lòng khi nghe quyết định của Bửu Tiên?

Câu 4: Em hiểu thế nào về câu người mẹ nói với Bửu Tiên:

(Con ôi ! Con có đi thì nghe mẹ dặn)

Thời sách có chữ rằng:

Gia bản tri hiếu tử¹¹

Quốc loạn thức trung thân¹²

(Con còn nhớ không con?)

Câu 5: Bài học mà anh/ chị rút ra được từ cách ứng xử của Bửu Tiên đối với cha mẹ trong đoạn văn bản trên?

PHẦN II. VIẾT VĂN (4,0 điểm)

Câu 1: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nhận xét về lời dặn của người mẹ với Bửu Tiên trong câu thơ:

Phải nhớ câu trình nữ chi ca,

(Con đừng học thói)

Dâm khuê chi vịnh.

Câu 2: Em hãy viết bài luận về bản thân để tham gia câu lạc bộ tình nguyện ở địa phương nơi em sinh sống.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Văn bản trên thuộc loại hình nghệ thuật: Sân khấu dân gian. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5
	2	Hoàn cảnh của nhân vật Bửu Tiên: - Nhà nghèo - Cha mất sớm. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5
	3	Người mẹ lại phiền lòng khi nghe quyết định của Bửu Tiên vì: - Bửu Tiên một thân một mình quyết định đi chèo đò ở Giang	1,0

		<p>Tân để kiếm tiền nuôi mẹ.</p> <p>- Công việc chèo đò rất vất vả, người mẹ rất quan tâm, lo lắng cho Bửu Tiên.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý bất kì: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm</p>	
	4	<p>(Con ôi ! Con có đi thi nghe mẹ dặn)</p> <p>Thờ sách có chữ rằng:</p> <p>Gia bần tri hiếu tử</p> <p>Quốc loạn thức trung thân</p> <p>(Con còn nhớ không con?)</p> <p>Câu người mẹ nói với Bửu Tiên được hiểu là:</p> <p>- Người mẹ muốn Bửu Tiên nhớ lời trong sách nói: nhà nghèo mới biết con hiếu thảo, nước loạn mới biết bề tôi trung thành.</p> <p>- Bà hiểu tấm lòng hiếu thảo, lo lắng cho cha mẹ của Bửu Tiên.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được nhưng diễn đạt chung chung: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm</p>	1,0
	5	<p>Bài học mà anh/ chị rút ra được từ cách ứng xử của Bửu Tiên đối với cha mẹ trong đoạn văn bản trên?</p> <p>- Tấm lòng của Bửu Tiên với cha mẹ rất đáng được ngợi ca và học tập.</p> <p>- Bản thân mỗi người cần biết trân trọng, hiếu thảo với cha mẹ...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được ý đầu hoặc ý sau: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 1 ý nhưng trình bày lủng củng: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm</p>	1,0
II	LÀM VĂN		6,0
		Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nhận xét về lời dặn của người mẹ với Bửu Tiên trong câu thơ:	2.0
	1	<p>Phải nhớ câu trình nữ chi ca,</p> <p>(Con đừng học thói)</p> <p>Dâm khuê chi vịnh.</p>	
		a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nhận xét về lời dặn của người mẹ với Bửu Tiên trong câu thơ:</p> <p>Phải nhớ câu trình nữ chi ca,</p> <p>(Con đừng học thói)</p>	0,25

2		<i>Dâm khuê chi vịnh.</i>	
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>-Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận sau đây là một số gợi ý:</p> <p>Lời dẫn này của người mẹ đối với con trong câu thơ trên có ý nghĩa sâu sắc. Nó thể hiện quan niệm tiến bộ của người xưa về người phụ nữ đó là:</p> <p>- Nhân dân ta thời xưa rất đề cao phẩm hạnh của người phụ nữ. Vì thế người xưa quan niệm người phụ nữ phải luôn biết giữ gìn trinh tiết, đức hạnh của mình, không học thói lăng lơ, hư hỏng.</p> <p>- Đây là một quan niệm đẹp của người xưa về người phụ nữ mà cho đến ngày nay nó vẫn giữ được giá trị.</p>	0,75
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>-Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lý lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu...</p>	0,5
		<i>đ. Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, chính tả</i>	0,25
		<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu đầy đủ các ý, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục: 2,0 điểm</p> <p>- Học sinh nêu đầy đủ các ý, có lập luận nhưng minh chứng chưa tiêu biểu, chưa thuyết phục: 1,25 điểm – 1,75 điểm</p> <p>- Học sinh nêu đầy đủ các ý, lập luận chưa chặt chẽ, không có minh chứng: 0,75 điểm – 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh nêu chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh làm sai/ lạc đề: không cho điểm</p> <p>*Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
		Em hãy viết bài luận về bản thân để tham gia câu lạc bộ tình nguyện ở địa phương nơi em sinh sống.	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,5
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Bài luận về bản thân để tham gia câu lạc bộ tình nguyện ở địa phương nơi em sinh sống.</p>	0.5
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	2,0

	<p>* Mở bài: Giới thiệu khái quát đặc điểm của bản thân sẽ triển khai trong bài viết. Dẫn dắt nêu lí do viết bài luận thể hiện mong muốn gia nhập Câu lạc bộ tình nguyện và khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu của một tình nguyện viên.</p> <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về bản thân (tên, lớp, hiểu biết, mục đích tham gia Câu lạc bộ, ...). - Nêu những hiểu biết, tìm hiểu của bản thân về câu lạc bộ có nguyện vọng tham gia. - Niềm yêu thích, sự sẵn sàng dành thời gian, tâm huyết,... của bản thân cho các hoạt động tình nguyện vì sự phát triển của cộng đồng. - Khả năng tham gia hỗ trợ (hoặc tổ chức). - Cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của Câu lạc bộ <p>* Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định nguyện vọng, cam đoan về năng lực và trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia Câu lạc bộ tình nguyện - Cảm ơn Ban Chủ nhiệm về sự quan tâm đọc và xét duyệt. <p>*Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	d) Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,75 điểm - 4,0 điểm. - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lý lẽ, bằng chứng phù hợp; diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 3,0 điểm - 3,5 điểm - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ chưa chặt chẽ, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt vụng về: 2,25 điểm - 3,0 điểm - Xác định đúng vấn đề nghị luận; chưa thể hiện được quan điểm 	

		<i>của người viết, ý lộn xộn; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 1,25 điểm - 2,0 điểm</i> - Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,5 điểm- 1,0 điểm - Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm	
		Tổng điểm	10,0

ĐỀ SỐ 12

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NHÀ MẸ LÊ

(Trích)

Giới thiệu: *Nhà mẹ Lê* là một truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam, viết về cuộc sống cơ cực, nghèo khổ của người dân lao động trước Cách mạng. Truyện được in trong tập *Gió đầu mùa* (1937).

Đoàn Thôn là một phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai dãy nhà lụp xụp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái giai nửa đã mục nát. Gần đây là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bùng bít như là cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra đầy để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu, mà người dân trong huyện vẫn gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở những đâu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đói kém, làm những nghề lật vật: người thì kéo xe, người thì đánh dấm, hay làm thuê, ở mướn cho những người giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đói, nhà mẹ Lê. Những gia đình này đều giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả.

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chờng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chờng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn.

Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó....

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ qua, ngày no rồi lại ngày đói. Tuy vậy, cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà. Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng. Bác Lê đem thằng Hi, con Phún ra gọt tóc cho chúng nó bằng một cái mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lò, còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong ngày hè nóng nực, con bác Lê đưa nào cũng lở đầu - bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại - nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại giống mẹ con đàn gà, mà những con gà con người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẫn. Người phố chợ vẫn thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đới, kéo xe, người vui tính nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hi hơn cả, nó là con thứ chín, và ốm yếu xanh xao nhất nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc. Rồi bác ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

(Trích Nhà mẹ Lê, Thạch Lam, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, tr 28-29)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2. Tìm một vài chi tiết nghệ thuật miêu tả gia cảnh nhà bác Lê được nói đến trong văn bản.

Câu 3. Việc tác giả kể về những ngày vui vẻ của gia đình bác Lê giữa bối cảnh tăm tối, đói khát có ý nghĩa như thế nào?

Câu 4. Nhận xét của anh/chị về một vẻ đẹp nổi bật của nhân vật bác Lê trong văn bản trên.

Câu 5. Thông điệp nào trong văn bản để lại ấn tượng sâu sắc nhất đối với anh/chị? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày những đặc sắc về nghệ thuật thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi trong văn bản sau:

Trần trần mưa cây những ta lành,
Phúc họa tình cờ xảy chữa đành.
Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn,
Lòng người quanh nũa nước non quanh.
Chẳng ngừa nhỏ âu nên lớn,
Nếu có sâu thì bỏ canh.

*Ở thế an nhàn chẳng có sự,
Ngàn muôn tổn nhượng chớ đua tranh.*
(Bảo kính cảnh giới bài 9, Nguyễn Trãi toàn tập, NXB Khoa học xã hội, 1976.)

Chú thích:

Trần trần: Tự nhiên, chất phác, chỉ lối sống có sao là vậy.

Mưa cây: Đùng ỷ vào, cây vào.

Tổn: từ tổn, khiến nhường.

Ngàn muôn tổn nhượng: Muôn đời sống từ tổn, khiêm nhường.

Câu 2 (4,0 điểm)

Thời đại công nghệ số đã và đang khiến con người đứng trước nguy cơ sống ảo. Hãy viết một bài luận (khoảng 600 chữ) thể hiện suy nghĩ của anh/chị về nguy cơ nói trên đối với thế hệ trẻ.

----- HẾT -----
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Xác định ngôi kể: người kể chuyện ngôi thứ 3 Hướng dẫn chấm - Thí sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Thí sinh trả lời không đúng hoặc không làm bài: không cho điểm	0,5
	2	Một vài chi tiết nghệ thuật miêu tả gia cảnh nhà bác Lê: - Là một gia đình một người mẹ với mười một người con; đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay. - Ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chùng ầy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Hướng dẫn chấm - Thí sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Thí sinh trả lời không đúng hoặc không làm bài: không cho điểm	0,5
	3	Việc tác giả kể về những ngày vui vẻ của gia đình bác Lê giữa bối cảnh tăm tối, đói khát có ý nghĩa: - Giúp phần nào xua đi cái cơ cực, vất vả của mẹ con bác Lê được tác giả nói ở đoạn trước đó. - Đem đến cho tác phẩm chất thơ toát lên từ cuộc sống đời thường giản dị. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm	1,0

		<p>- HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm</p> <p>- HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.</p>	
	4	<p>Nhận xét về một vẻ đẹp nổi bật của nhân vật bác Lê trong văn bản:</p> <p>- Chỉ ra vẻ đẹp nổi bật của nhân vật bác Lê: một người phụ nữ khỏe mạnh, chất phác; một người mẹ với tình mẫu tử thiêng liêng...</p> <p>- Nhận xét về vẻ đẹp nổi bật đã chỉ ra.</p> <p>(Gợi ý: vẻ đẹp của nhân vật trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm; tác động đến suy nghĩ, tình cảm của học sinh;...)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm</p> <p>- HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.</p>	1,0
	5	<p>Trình bày suy nghĩ về thông điệp ý nghĩa nhất rút ra qua văn bản trên.</p> <p>- Có thể rút ra thông điệp:</p> <p>+ Có thái độ đồng cảm, yêu thương đối với những con người có hoàn cảnh cơ cực, tăm tối, đói khát.</p> <p>+ Biết đề xuất những giải pháp thiết thực giúp cải thiện cuộc sống cho con người.</p> <p>...</p> <p>- Thí sinh trình bày quan điểm cá nhân, đảm bảo hợp lí, thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <p>- Trình bày được ý nghĩa của thông điệp, có tính thuyết phục: 1,0 điểm</p> <p>- Trình bày chung chung, chưa rõ ràng, thuyết phục: 0,5 điểm</p> <p>- Thí sinh trả lời không đúng vấn đề hoặc không làm bài: không cho điểm</p>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày những đặc sắc về nghệ thuật thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi trong văn bản <i>Bảo kính cảnh giới (Bài 9)</i></p>	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc</p>	0,25

	song hành.	
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i></p> <p>- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: những đặc sắc về nghệ thuật thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi trong văn bản <i>Bảo kính cảnh giới (Bài 9)</i>.</p>	0,25
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <p>Thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi được đánh giá là đỉnh cao của dòng thơ quốc âm (tiếng Việt) thời trung đại. Trong bài thơ <i>Bảo kính cảnh giới (Bài 9)</i>, nhà thơ sáng tạo thể thơ riêng khi đưa câu thơ lục ngôn xen vào bài thơ thất ngôn. Đồng thời Việt hóa đề tài, thi liệu mượn từ văn học Trung Quốc. Ngôn ngữ thơ giản dị, đậm đà tính dân tộc, sử dụng nhiều từ láy, thành ngữ, tục ngữ và lời ăn tiếng nói của dân chúng;...</p> <p>- Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</p>	0,5
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: những đặc sắc về nghệ thuật thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi trong văn bản <i>Bảo kính cảnh giới (Bài 9)</i>.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng</p>	0,5
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Thời đại công nghệ số đã và đang khiến con người đứng trước nguy cơ sống ảo. Hãy viết một bài luận (khoảng 600 chữ) thể hiện suy nghĩ của anh/chị về nguy cơ nói trên đối với thế hệ trẻ.</p>	4,0
	<p><i>a. Xác định được yêu cầu kiểu bài</i></p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định được vấn đề nghị luận:</i> Nguy cơ sống ảo của thế hệ trẻ</p>	0,5
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <p>*Xác định được ý chính của bài viết</p> <p>* Sắp xếp các ý mạch lạc, hợp lí</p>	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát được quan điểm cá nhân - Triển khai vấn đề nghị luận + Giải thích vấn đề: Là hành động, việc làm xa rời với thực tế, tự tạo ra niềm vui cho riêng mình qua những lượt tương tác trên mạng xã hội như câu like, thả tim, lượt theo dõi... + Sống ảo trở thành trào lưu của xã hội đặc biệt là giới trẻ, nó trở thành nguy cơ bởi vì nó tiềm ẩn nhiều hậu quả khôn lường: <ul style="list-style-type: none"> ++ Sống ảo khiến các bạn trẻ lười giao tiếp, thụ động, trầm cảm, tự ti. ++ Sống ảo sản sinh ra những mối quan hệ ảo mà đôi khi có thể làm tổn thương cho con người. ++ Sống ảo khiến con người có thể xa rời thực tế mà nhìn nhận sai lệch về những vấn đề của cuộc sống; nhầm tưởng cuộc sống hiện thực giống như thế giới ảo... + Mở rộng với những quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để nhìn vấn đề toàn diện. + Khẳng định lại ý kiến cá nhân và rút ra bài học. 	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được các luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận - Các ý được sắp xếp hợp lý, thuyết phục, sử dụng tốt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt trong quá trình triển khai bài viết - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác đáng, tiêu biểu <p>(Thí sinh có thể thể hiện quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật)</p>	1,5
	<p><i>e. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản</p>	0,25
	<p><i>f. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, diễn đạt mới mẻ, độc đáo</p>	0,5
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,0- 4,0 điểm. - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lí lẽ, bằng chứng phù hợp; 	

	<p><i>diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 2,25- 3,75 điểm</i></p> <p><i>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt vụng về: 1,25- 2,0 điểm</i></p> <p><i>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; chưa thể hiện được quan điểm của người viết, ý lộn xộn; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 0,5- 1,0 điểm</i></p> <p><i>- Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,25-0,5 điểm</i></p> <p><i>- Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm</i></p>	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ SỐ 13

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nữ thần Lúa là một cô gái xinh đẹp, dáng người eo lả và có tính hay hờn dỗi. Nàng là con gái Ngọc Hoàng. Sau những trận lụt lội ghê gớm xảy ra, sinh linh cây cỏ đều bị diệt hết, trời bèn cho những người còn sống sót sinh con đẻ cái trên mặt đất và sai Nữ thần Lúa xuống trần gian, nuôi sống loài người. Nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mẩy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông bỏ vào nồi là lúa sẽ thành cơm. Một hôm, cô con gái nhà kia đang bận việc. Sân chưa quét dọn, cửa kho cũng chưa mở, lúa ở ngoài đã ùn ùn kéo về. Cô gái cuống quýt và đâm cáu. Sẵn tay đang cầm cái chổi, cô đập vào đầu bông lúa mà mắng:

– Người ta chưa dọn dẹp xong đã bò về. Gì mà hấp tấp thế.

Nữ thần Lúa đang dẫn các bông lúa vào sân, thấy sân, đường bẩn thỉu vương đầy rác rưởi đã bực trong lòng, lại bị phang một cán chổi vào đầu, tức lắm. Cả đám lúa đều thót lên:

– Muốn mệt thì ta cho mệt luôn. Từ nay mang hái tre, liềm sắc ra cắt, chờ ta về.

Từ đó, nữ thần Lúa dỗi, nhất định không cho lúa bò về nữa. Người trần gian phải xuống tận ruộng lấy từng bông. Thấy vất vả mệt nhọc quá, người ta mới chế ra liềm hái để cắt lúa cho nhanh. Và lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo. Sự hờn dỗi của nữ thần Lúa còn đôi khi cay nghiệt hơn nữa. Nữ thần vẫn giận sự phũ phàng của con người, nên nhiều lần đã cấm không cho các bông lúa nảy nở. Có kết hạt thì cũng chỉ là lúa lép mà thôi. Vì thế sau này mỗi lần gặt xong là người trần gian phải làm lễ cúng hồn Lúa, cũng là cúng thần Lúa. Có nơi không gọi như thế thì gọi là cúng cơm mới. Cúng hồn Lúa, cơm mới, do các gia đình tổ chức trong nhà mình. Các làng, các bản cũng phải mở những ngày hội chung để cúng thần Lúa. Trong những ngày hội ấy, mở đầu cho các cuộc tế tự và trò vui, thường có một tiết mục hấp dẫn, gọi

là “Rước bông lúa”. Các trò Trám (Vĩnh Phú), trò Triêng (Thanh Hóa), trò thổi tù và cây Hồng (Nghệ An, Hà Tĩnh... đều có rước bông lúa như vậy).

(*Nữ thần Lúa*, trích kho tàng *Thần thoại Việt Nam*, NXB Giáo dục 2008, trang 25)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2. Những dấu hiệu giúp anh/chị nhận ra đoạn trích trên là một truyện thần thoại?

Câu 3. Hãy chỉ ra và nêu vai trò của những yếu tố hoang đường kì ảo trong đoạn trích?

Câu 4. Qua truyện *Nữ thần Lúa*, người xưa bày tỏ ước mơ gì?

Câu 5. Anh/chị rút ra bài học tích cực gì từ văn bản?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tầm quan trọng của những bữa cơm truyền thống gia đình.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích trên.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: Tự sự / Phương thức tự sự (kể chuyện). Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm. - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm.	0,5
	2	- Những dấu hiệu giúp nhận biết đoạn trích trên là một truyện thần thoại: + Cốt truyện là chuỗi sự kiện xoay quanh quá trình hình thành thế giới (Quá trình hình thành cây lúa và những phong tục tập quán liên quan đến cây lúa). + Nhân vật chính kể về các vị thần có sức mạnh siêu nhiên Thời gian không xác định. + Không gian vũ trụ, không xác định nơi chốn cụ thể. Hướng dẫn chấm: + Học sinh trả lời như đáp án hoặc 2 ý trở lên: 0,5 điểm. + Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm. - Hs không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	0,5
	3	- Những yếu tố hoang đường kì ảo là: “Nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mấy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt	1,0

		<p>bông vào nồi là lúa sẽ thành cơm”.</p> <p>- Vai trò có yếu tố hoang đường kì ảo này là:</p> <p>+ Lí giải sự xuất hiện của cây lúa</p> <p>+ Thể hiện người xưa có trí tưởng tượng phong phú</p> <p>+ Cho thấy sức mạnh của các vị thần.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>+ HS nêu được đủ các yếu tố hoang đường kì ảo: 0,5 điểm.</p> <p>+ HS nêu được vai trò của các yếu tố hoang đường kì ảo: 0,5 điểm.</p> <p>+ Hs không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.</p>	
	4	<p>- Qua truyện Nữ thần Lúa, người xưa bày tỏ ước mơ về một cuộc sống hạnh phúc, no đủ, mùa màng bội thu. Đồng thời muốn giảm bớt sức lao động và chinh phục được thế giới tự nhiên.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Hs trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương : 0,5 điểm</p> <p>- Hs không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.</p>	1,0
	5	<p>Bài học rút ra qua câu chuyện trên là:</p> <p>+ Hãy biết trân trọng những thành quả của lao động bởi không có gì dễ dàng tự nhiên có được.</p> <p>+ Chúng ta phải trải bỏ công sức ra để lao động thì mới có được kết quả tốt đẹp.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trình bày như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</p> <p>- HS trình bày được 1 ý trong đáp án : 0,5 điểm.</p> <p>- Hs không trình bày được hoặc trình bày sai không cho điểm.</p>	1,0
		VIẾT	6,0
	1	Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) suy nghĩ của em về tầm quan trọng của những bữa cơm truyền thống gia đình.	2,0
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tầm quan trọng của những bữa cơm truyền thống gia đình.	0,25

	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Sắp xếp các ý hợp lí <p>* Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: <ul style="list-style-type: none"> + Bữa cơm gia đình là gì? (là hoạt động tương chừng là thường ngày nhưng đối với xã hội hiện đại ngày nay thì đó có thể là cả một vấn đề lớn và hiếm có đông đủ thành viên gia đình) Bữa cơm gia đình thường có những gì? Vào những ngày đặc biệt hơn thì bữa cơm gia đình có gì khác biệt? * Phân tích các biểu hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Bữa cơm gia đình là biểu hiện của điều gì? + Là biểu hiện của một gđ ấm êm, hạnh phúc, hòa thuận + Là bữa cơm quây quần, sum họp của các thành viên gia đình sau những bộn bề, vất vả + Bữa cơm gia đình quây quần là nét văn hóa đặc trưng, là nét đẹp trong phong cách con người Việt Nam, là nơi những ngọn lửa yêu thương được bùng cháy và nuôi dưỡng * Vai trò và tầm quan trọng của bữa cơm gia đình: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo môi trường thuận lợi cho các thành viên gđ được hạnh phúc, phát triển + Là nơi khởi nguồn của yêu thương, sự gắn kết và thấu hiểu + Với những đứa con xa nhà, bữa cơm là sự ao ước, mong muốn, là gửi gắm nhung nhớ và yêu thương trong đó * Dẫn chứng: lấy ví dụ về bữa cơm gia đình => tạo nên gđ hạnh phúc (có thể liên hệ đến cá nhân) * Phản đề: phê phán những người không biết trân trọng khoảnh khắc gia đình, thường bỏ bê, nhậu nhẹt. 	1,0
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Trình bày rõ quan điểm hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</i></p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i></p>	0,25

	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. - Liên hệ trách nhiệm của bản thân : cần nâng niu, tôn trọng, biết ơn và gìn giữ những bữa cơm gđ đó, từ đó ý thức về trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc gìn giữ hạnh phúc gđ. 	
2	Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích trên bằng một bài văn khoảng 600 chữ.	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> - Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i>	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> * Giới thiệu vấn đề nghị luận và quan điểm của người viết * Triển khai vấn đề nghị luận: - Đặc điểm về nội dung: + Thông qua hình tượng nhân vật nữ thần Lúa, tác giả dân gian lí giải về sự hình thành của cây lúa và, các đặc điểm, tính chất của cây lúa, cũng như ý nghĩa văn hóa của cây lúa trong đời sống người Việt: . Nàng là con gái Ngọc Hoàng, Sau những trận lụt lội ghê gớm xảy ra, sinh linh cây cỏ đều bị diệt hết, trời bèn cho những người còn sống sót sinh con đẻ cái trên mặt đất và sai Nữ thần Lúa xuống trần gian. . Nuôi sống loài người. . Những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mẩy hạt. . Người trần gian phải xuống tận ruộng lấy từng bông. Thấy vất vả mệt nhọc quá, người ta mới chế ra liềm hái để cắt lúa cho nhanh. . Và lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo. + Câu chuyện kết thúc với lễ hội lúa mới và lễ cúng thần lúa, làm sáng tỏ các phong tục truyền thống ở Việt Nam. + 'Nữ Thần Lúa' là một câu chuyện độc đáo, ý nghĩa, và làm phong phú văn hóa dân gian Việt Nam. =>Đồng thời, truyện thần thoại còn ngợi ca sức mạnh và trí tuệ của con người trong hành trình khám phá và lí giải sự hình thành thế giới tự nhiên. - Đặc điểm về nghệ thuật: + Tác phẩm chứa đựng những đặc trưng của thần thoại:	2,5

	<p>. Sự phong phú của trí tưởng tượng; cốt truyện đơn giản chỉ xoay quanh nhân vật chính “Nữ Thần Lúa”.</p> <p>. Xây dựng nhân vật đa tính cách: Nữ Thần Lúa vừa là một cô gái xinh đẹp, đáng người ảo lả nhưng có tính hay hờn.</p> <p>. Cách xây dựng hình tượng nhân vật theo bút pháp cường điệu, phóng đại; không gian và thời gian mang tính ước lệ, phiếm chỉ,</p> <p>. Thần thoại Nữ thần Lúa sử dụng nhiều hình ảnh gợi hình, những chi tiết huyền ảo vô cùng hấp dẫn. Nhân vật trong truyện khi xây dựng đều có sự thần thánh hóa, trở thành những vị thần có sức mạnh đúng theo mô típ trong truyện thần thoại.</p> <p>- Nêu được bài học/thông điệp có ý nghĩa với bản thân rút ra từ câu chuyện (<i>có thể đưa ra quan điểm như sau</i>): văn bản đặt ra vấn đề thái độ và cách ứng xử của mỗi người với thế giới tự nhiên hiện nay: chúng ta cần phải sống gần bó, trân trọng, hòa hợp và bảo vệ tự nhiên.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ Học sinh phân tích, đánh giá đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm.</p> <p>+ Học sinh phân tích, đánh giá chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm - 1,25 điểm.</p> <p>+ Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,75 điểm - 1,0 điểm.</p> <p>+ Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,25 điểm - 0,5 điểm.</p>	
	<p>d. Sáng tạo:</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
	<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p>e. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Triển khai ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân.</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	

	<p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,5 -4,0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lý lẽ, bằng chứng phù hợp; diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 3,0- 3,5 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt vụng về: 2,25- 3,0 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; chưa thể hiện được quan điểm của người viết, ý lộn xộn; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 1,25- 2,0 điểm</p> <p>- Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,5- 1,0 điểm</p> <p>- Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm</p>	
Tổng điểm		10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 14

I. Phần Đọc- Hiểu (4.0 điểm).

Đọc văn bản sau

Độc đáo Lễ hội Tràng An – Nét văn hóa tín ngưỡng của Ninh Bình

1. Tràng An – Quần thể di sản kép đầu tiên của Đông Nam Á

ràng An còn được mệnh danh là một Quần thể Di sản do tổng hợp được rất nhiều địa điểm tham quan nổi tiếng của Ninh Bình như Tam Cốc – Bích Động, Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính với nhiều kỷ lục nhất châu Á, Thung Nắng – Thung Nham, động Thiên Hà, Hang Múa và Hành cung Vũ Lâm. Chính vì thế nên Tràng An có diện tích cực kỳ ấn tượng lên đến 6.172ha với địa hình chủ yếu là đồng ruộng và làng mạc. Năm 2014, Quần thể danh thắng Tràng An chính thức được UNESCO công nhận là di sản thế giới kép đầu tiên và duy nhất tại khu vực Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó thì nơi này còn là một di tích quốc gia đặc biệt quan trọng. Tính đến năm 2019, quần thể di thắng Tràng An đã thu hút hàng triệu lượt tham quan khám phá, chủ yếu đến từ du khách địa phương, sau đó là khách quốc tế.

2. Độc đáo Lễ hội Tràng An – Nét văn hóa tín ngưỡng của Ninh Bình

2.1 Tổng hợp thông tin về lễ hội tháng 3 Ninh Bình - Tràng An

Lễ hội Tràng An là một chuỗi các hoạt động văn hóa tín ngưỡng kết hợp du lịch gắn liền với các vị thần núi trong Cố đô Hoa Lư. Người dân Việt sống trong quần thể di sản thế giới Tràng An, Ninh Bình rất sùng bái thiên nhiên vì thế hàng năm vào ngày 18/3 âm lịch lễ hội sẽ được diễn ra. Mục đích chính là để tôn vinh các vị thần Quý Minh, thần Cao Sơn, thần Khổng Lồ trấn trạch Hoa Lư tứ trấn, các vua đầu nhà Trần đã lập ra hành cung Vũ Lâm và tướng lĩnh của thời đại triều Đinh đóng quân ở Tràng An. Lễ hội sẽ kéo dài 3 ngày và điểm đặc biệt nhất chính là phần lễ rước được tổ chức ngay trên sông. Du khách sẽ có cơ hội đắm chìm vào không khí sắc màu, sặc sỡ của lễ hội cũng như tham quan các di tích lịch sử và thắng cảnh hang động, rừng núi, sông nước Tràng An.



Lễ hội thường sẽ tập trung ở quanh khu vực chùa Bái Đính với bao quanh là núi non trùng điệp

Những chiếc thuyền sẽ tập trung quanh khu vực hồ để xem nhiều màn biểu diễn độc đáo, màu sắc

2.2 Ý nghĩa lễ hội Tràng An

Lễ hội Tràng An hay được gọi là lễ hội Đức thánh Quý Minh được tổ chức hàng năm nhằm tưởng nhớ công đức của Đức thánh Quý Minh Đại Vương, hay còn gọi là Thần Quý Minh. Theo lời truyền miệng của người dân qua bao thế hệ, Quý Minh Đại Vương là một vị tướng dưới thời vua Hùng thứ 18, có công trấn ải Sơn Nam, bảo vệ bờ cõi đất nước. Bên cạnh đó còn giúp đỡ dân lành xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Vì thế, người dân xưa rất tôn trọng và sùng bái ông. Ghi nhận được công lao quý báu của ông nên vua Đinh Tiên Hoàng đã sắc phong ông làm vị thần trấn giữ cửa ngõ phía Nam của Hoa Lư tứ trấn hay ngày nay còn gọi là Cố đô Hoa Lư. Ngoài Đức thánh Quý Minh Đại Vương, cố đô Hoa Lư có 3 vị thần khác trấn giữ 3 hướng Đông, Tây, Bắc lần lượt là Thần Thiên Tôn, Thần Cao Sơn và Thần Khổng Lồ. Lễ hội Tràng An được coi là nét tín ngưỡng quan trọng của cố đô Ninh Bình vốn được biết đến là vùng đất sinh Vua, sinh Thánh, sinh Thần.

2.3 Hành trình rước hội

Lễ hội Tràng An sẽ bắt đầu bằng lễ khai mạc với màn biểu diễn tái hiện lại những nếp sống và sinh hoạt thường nhật của những con người dân Việt Nam tại kinh đô Hoa Lư xưa tại sân khấu ngoài trời cạnh trung tâm bến thuyền Tràng An. Tiếp đó, du khách sẽ ngồi du thuyền trôi theo dòng chảy của con sông Sào Khê để đi vào vào khu vực trung

tâm của quần thể danh thắng Tràng An để chiêm ngưỡng thêm các màn biểu diễn tái hiện lại một số hoạt động của quân và dân nước Đại Cồ Việt thời xưa với góc nhìn và nội tâm của nhân vật vua Đinh Tiên Hoàng. Tiếp theo đoàn rước và du khách sẽ đi thuyền qua các di tích: đền Trình thờ 2 vị tướng nhà Đinh, hành cung Vũ Lâm, đền Cao Sơn và kết thúc tại đền Suối Tiên.



Màn múa rồng trong lễ rước nước cũng là một tiết mục được chờ đón

Điểm đặc sắc nhất của phần lễ hội Tràng An đó chính là lễ rước nước, rước kiệu và rồng trên dòng sông. Lúc này, du khách sẽ được chiêm ngưỡng các trang phục, dụng cụ trình diễn đầy màu sắc, lại nhẹ nhàng, bay bổng như lụa. Phần tế. Chính vì thế, lễ hội Tràng An cũng là một cơ hội để có thể quảng bá màu sắc văn hóa, tín ngưỡng độc lễ được tổ chức trang trọng và nghiêm chỉnh với nhiều nghi thức truyền thống để tỏ lòng thành và biết ơn đối với các bậc tiền nhân có công giữ yên bờ cõi, bảo vệ giang sơn. Ngoài ra, lễ hội vì được tổ chức trên con sông Sào Khê nên không cố định tại một chỗ mà sẽ đi qua nhiều địa điểm tham quan nổi tiếng của Tràng An như hành cung Vũ Lâm, đền Cao Sơn vào đền Suối Tiên và thực hiện lễ đáo của dân tộc, lại vừa khéo léo khoe ra những danh lam thắng cảnh hùng vĩ, khung cảnh núi non bạt ngàn của đất nước đến với du khách quốc tế.

(Theo Nhật Anh tổng hợp, <https://mia.vn/cam-nang-du-lich/doc-dao-le-hoi-trang-an-net-van-hoa-tin-nguong-cua-ninh-binh-2974>, ngày 22.09.2023)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Xác định các ý chính của văn bản đọc hiểu trên.

Câu 2: Lễ hội Tràng An được tổ chức hàng năm nhằm tưởng nhớ công đức của Đức thánh Quý Minh Đại Vương. Văn bản trên đã cung cấp những thông tin nào về Quý Minh Đại Vương?

Câu 3. Nêu tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 4. Văn bản *Độc đáo Lễ hội Tràng An – Nét văn hóa tín ngưỡng của Ninh Bình* có thể khơi gợi ở người đọc những tình cảm/cảm xúc gì?

Câu 5. Từ văn bản đọc hiểu, hãy cho biết con người nên ứng xử như thế nào với những lễ hội truyền thống của dân tộc trong bối cảnh hiện nay?

II. Phần viết (6.0 điểm).

Câu 1 (2 điểm).

Lười biếng là thói quen xấu mang đến nhiều tác hại cho con người. Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) đề xuất các biện pháp từ bỏ thói lười biếng.

Câu 2 (4.0 điểm).

Viết bài văn nghị luận đánh giá những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ sau

Bến đò ngày xưa

Anh Thơ

*Tre rũ rượi ven bờ chen ướt át,
Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa.
Và dầm mưa dòng sông trôi rào rạt,
Mặc con thuyền cấm lại đậu trơ vơ.*

*Trên bến vắng, đắm mình trong lạnh lẽo?
Vài quán hàng không khách đứng xo ro.
Một bác lái ghé buồm vào hút thuốc,
Mặc bà hàng sù sụ sặc hơi, ho.*

*Ngoài đường lội hoạ hoàn người đến chợ,
Thúng đội đầu như đội cả trời mưa.
Và hoạ hoàn một con thuyền ghé chở,
Rồi âm thầm bến lại lặng trong mưa*

(Bức tranh quê)

(Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh, NXB Văn học, 2003, Tr216)

Ghi chú

Anh Thơ (1921 - 2005) sinh tại thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; quê quán: thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang Anh Thơ, Tên khai sinh là Vương Kiều Ân, bút hiệu Tuyết Anh . Bà xuất thân trong một gia đình công chức nhỏ.

Anh Thơ sáng tác từ sớm, năm 17 tuổi với tập *Bức tranh quê* bà được nhận giải khuyến khích của Tự Lực Văn Đoàn. Sau đó bà tham gia viết bài cho báo *Đông Tây* và một vài báo khác. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Bức Tranh Quê* (1941), *Kể chuyện Vũ Lăng* (Truyện thơ, 1957), *Từ bến sông Thương* (Hồi kí, 1986), *Tuyển tập Anh Thơ* (1986)



Anh Thơ có sở trường viết về cảnh sắc nông thôn Việt Nam. Thơ thiên về tả cảnh bình dị quen thuộc: bờ tre, con đò, bến sông, với những nét vẽ chân thực, tinh tế thấm đượm một chút tình quê đậm thắm pha chút băng khuâng buồn của thơ mới.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC- HIỂU	4.0
	1	<p>Xác định các ý chính của văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tràng An – Quần thể di sản kép đầu tiên của Đông Nam Á - Độc đáo Lễ hội Tràng An – Nét văn hóa tín ngưỡng của Ninh Bình + Tổng hợp thông tin về lễ hội tháng 3 Ninh Bình - Tràng An + Ý nghĩa lễ hội Tràng An + Hành trình rước hội <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Thí sinh trả lời 2-3 ý như đáp án: 0.25 điểm - Thí sinh trả lời không đúng hoặc không làm bài: không cho điểm 	0.5
	2	<p>Lễ hội Tràng An được tổ chức hàng năm nhằm tưởng nhớ công đức của Đức thánh Quý Minh Đại Vương. Văn bản trên đã cung cấp những thông tin về Quý Minh Đại Vương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quý Minh Đại Vương là một vị tướng dưới thời vua Hùng thứ 18, có công trấn ải Sơn Nam, bảo vệ bờ cõi đất nước, giúp đỡ dân lành xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. - Người dân xưa rất tôn trọng và sùng bái ông. - Ghi nhận được công lao quý báu của ông nên vua Đinh Tiên Hoàng đã sắc phong ông làm vị thần trấn giữ cửa ngõ phía Nam của Hoa Lư tứ trấn hay ngày nay còn gọi là Cố đô Hoa Lư <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh trả lời đúng như đáp án hoặc chép đoạn văn có thông tin của đáp án: 0,5 điểm - Thí sinh trả lời 1-2 ý như đáp án: 0.25 điểm - Thí sinh chép toàn bộ đoạn văn, trả lời không đúng hoặc không làm bài: không cho điểm 	0.5
	3	<p>Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản là những hình ảnh về lễ hội Tràng An. - Các hình ảnh giúp người đọc hình dung rõ hơn về khung cảnh 	1.0

		<p>lễ hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh giúp văn bản thông tin có tính trực quan, sinh động, hấp dẫn. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh trả lời đúng như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1.0 điểm - Thí sinh trả lời được 2 ý đầu như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0.5 điểm - Thí sinh trả lời không đúng hoặc không làm bài: không cho điểm 	
	4	<p>Văn bản Độc đáo Lễ hội Tràng An – Nét văn hóa tín ngưỡng của Ninh Bình có thể khơi gợi ở người đọc những tình cảm/cảm xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm yêu mến cảnh quan, di sản của quê hương, đất nước. - Lòng tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên và những giá trị truyền thống - Lòng biết ơn <p>.....V.V.....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh chỉ ra được những tình cảm/ cảm xúc phù hợp với văn bản, diễn đạt thuyết phục: 1.0 điểm. - Thí sinh chỉ ra được những tình cảm/ cảm xúc phù hợp với văn bản, diễn đạt chưa chưa mạch lạc, rõ ràng: 0.5- 0.75 điểm - Thí sinh trả lời không phù hợp hoặc không làm bài: không cho điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được</p>	1.0
	5	<p>Gợi ý cách ứng xử của con người với cách lễ hội truyền thống trong bối cảnh hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn những ý nghĩa tốt đẹp của lễ hội truyền thống - Phát huy giá trị nhân hóa, nhân văn của lễ hội. - Tránh thương mại hóa các lễ hội truyền thống <p>.....</p> <p>Có lí giải thuyết phục</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương 2 ý như đáp án: 0,75- 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được</p>	1.0
II	VIẾT		6.0
	1	<p>Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) đề xuất các biện pháp từ bỏ thói lười biếng.</p>	2.0

	<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn.</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp, móc xích, song hành</p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề nghị luận: các biện pháp từ bỏ thói lười biếng.</p>	0.25
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: - Giải thích: + Lười biếng là trạng thái chán nản, không muốn làm bất cứ một việc gì. + Khi trạng thái này lặp lại nhiều lần sẽ trở thành thói quen xấu của con người - Đề xuất các biện pháp từ bỏ thói lười biếng + Tạo động lực cho bản thân; + Hành động và làm việc thay vì chần chừ, Việc hôm nay không để ngày mai, + Cân bằng trạng thái- cảm xúc bằng những cách thức khác nhau: tĩnh tâm, nghe nhạc, xem những đoạn phim yêu thích, gặp gỡ bạn bè, viết nhật kí.... - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</p>	0.5
	<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. (chỉ ra các biện pháp từ bỏ thói lười biếng) - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0.5
	<p><i>đ. Diễn đạt.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ</p>	0.25
2	Viết bài văn nghị luận đánh giá những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Bến đò xưa</i>	4.0

	<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận về một tác phẩm thơ.</p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề nghị luận: đánh giá những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Chiều Xuân</i>.</p>	0.5
	<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận * Giới thiệu tác giả tác phẩm và vấn đề nghị luận. * Triển khai vấn đề nghị luận. - Nhân vật trữ tình: Không trực tiếp xuất hiện trong bài thơ. Song người đọc có thể cảm nhận được sự gắn bó và yêu mến của nhân vật trữ tình với làng quê qua hệ thống hình ảnh, nhịp điệu và trạng thái cảnh vật. - Hình ảnh: Bài thơ là bức tranh thôn quê bình dị, thân thuộc với những hình ảnh gần gũi, mộc mạc gắn bó với người dân thôn quê: tre, chuối, dòng sông, bến vắng, phiên chợ, bà hàng, quán hàng, bác lái... Thiên nhiên sinh động, con người mộc mạc. - Từ ngữ: tác giả sử dụng nhiều từ ngữ giàu sức gợi hình, rất nhiều từ láy (rũ rượi, ướt át, bờ phờ, rào rạt, chợ vợ, lạnh lẽo, xo ro, sù sụ, họa hoằn, âm thầm) vừa góp phần gợi hình ảnh, vừa góp phần tạo nhạc tính cho bài thơ + Biện pháp tu từ: Biện pháp điệp từ “dầm mưa”, “họa hoằn”; biện pháp nhân hóa và liệt kê, so sánh có tác dụng vừa diễn tả cụ thể, vừa diễn tả sinh động, gợi cái hồn quê nơi bến vắng. + Bài được viết theo thể tự do, gieo vần linh hoạt, chủ yếu là vần chân (“at”, “ơ”, “o”); nhịp thơ chậm rãi, phù hợp với việc miêu tả không gian, nhịp sống nơi làng quê * Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của bài thơ</p>	1.0
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>HS có thể bày tỏ những cảm nhận, ý kiến đánh giá riêng của cá nhân nhưng phải phù hợp với những đặc điểm nghệ thuật của thể loại thơ trữ tình và bài thơ Bến đò ngày xưa.</i></p>	1.5
	<p><i>đ. Diễn đạt.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết</p>	0.25

	câu trong đoạn văn	
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ	0.5
Tổng điểm		10

..... HẾT

ĐỀ SỐ 15

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Trái đất ngày xưa không được đẹp như bây giờ, một nửa đất sống, một nửa đất chết. Lúc ấy bề mặt quả đất thật vắng vẻ, không có người ở, không có loài vật sống và cũng chẳng có cây cối mọc.

Rồi một hôm bỗng ở vùng đất sống nứt ra một vết dài. Từ trong lòng đất chui ra một người. Người đó là Ché Pe Á Lông [...]. Nhưng hết nhìn gần lại nhìn xa, Á Lông chỉ thấy có mỗi mình, bụng Á Lông không vui. Nghĩ ngợi một lát rồi chàng dùng đất nặn thành cây to, cây nhỏ cắm khắp đồi cao, đồi thấp, đồi cây lan ra mãi thành rừng cây. Sống được một ngày, chẳng hiểu sao lá cây rũ xuống không được vui. Bực quá Á Lông giẫm mạnh chân xuống đất, chán nản. Không ngờ đất lún sâu xuống, một con nước từ dưới lòng đất trào lên. Nước ồ ạt òn òn ra mãi, chảy thành suối nhỏ, chảy thành sông to. Nước chảy tới đâu cây hết buồn tới đó. Lá cứ xanh, cứ tươi lung linh ngút ngàn. Có cây, có rừng, mắt Á Lông thấy vui muốn nhìn hơn. Nhưng cây chỉ biết đứng im một chỗ nói chuyện rì rào với gió. Á Lông lại muốn có những con vật biết đi lại, chạy nhảy, bèn lấy đất nặn thành các muông thú, hà hơi rồi thả ra khắp rừng. Từ đấy trên trời mới có cánh chim bay qua, dưới đất mới có thú chạy nhảy.

Lúc ấy trái đất còn tối tăm lắm, chỉ có mỗi Á Lông nhìn được, còn loài thú thì chịu chẳng nhìn thấy gì, chạy qua chạy lại cứ đâm vướng vào Á Lông. Nghe muông thú than phiền vì thiếu ánh sáng. Á Lông bèn nặn ra ba mặt trời, ba mặt trăng. Mặt trời được úp vào trước ngực hà hơi rồi thả lên vì vậy nên nóng. Mặt trăng chưa kịp úp vào đã thả lên nên mát lạnh.

Ba mặt trời ném lửa xuống nhiều quá làm cho cây cối loài vật bị chết la liệt. Thấy vậy Á Lông làm một cái nỏ thật to bắn cho rụng hai mặt trời, một mặt trăng. Còn hai mặt trăng và một mặt trời nữa thì chạy trốn. Á Lông đón rình ở sau một ngọn núi cao nhất bắn trúng một mặt trăng nữa. Nó bị mũi tên xuyên trúng giữa, vỡ vụn ra thành từng mảnh nhỏ bắn tung tóe khắp vòm trời cao vội thành những ngôi sao. Sợ Á Lông bắn rơi, một mặt trời và một mặt trăng còn lại chạy vội lên thật cao chứ không dám ở thấp như trước nữa.

Còn một mặt trời, một mặt trăng, mặt đất trở nên mát mẻ, dịu hòa hơn. Nhưng thấy loài người và vạn vật còn ít quá. Á Lông dùng đất nặn thêm vạn vật và loài người. Năm này qua năm khác mọi thứ được sinh sôi nảy nở ngày một đông đúc. Loài người và muôn vật được sống no đủ, mát mẻ, nên sinh sôi rất nhanh. Lo chặt đất không đủ chỗ sống, Á Lông lại phải lấy đất sống ném sang bên đất chết, trộn lẫn cho đất chết biến thành đất sống. Đất mới trộn chưa khô Á Lông tranh thủ ngủ một giấc để lấy sức san

cho mặt đất bằng phẳng. Trong lúc Á Lông đang ngủ chẳng may có một cây Sò tu ma giống to đổ đè lên người. Á Lông chết xương biến thành đá, thịt thành đất. Đời này tiếp đời khác người ta cứ kể truyền cho nhau rằng: vì Ché Pe Á Lông chưa kịp san xong nên mặt đất có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ nào đã được Á Lông san thì bằng phẳng mà nay ta gọi là đồng bằng.

(Trích *Sự tích mặt đất và muôn loài* – Thần thoại dân tộc Hà Nhì,
Tinh tuyển văn học Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, 2004, tr.546-548)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong văn bản trên.

Câu 2. Theo văn bản, những con suối, con sông được tạo ra như thế nào?

Câu 3. Hãy chỉ ra một số dấu hiệu giúp người đọc nhận biết văn bản trên thuộc nhóm thần thoại suy nguyên.

Câu 4. Theo anh/chị, tác giả dân gian đã gửi gắm khát vọng gì qua việc xây dựng hình ảnh Ché Pe Á Lông?

Câu 5. “Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích yếu tố thời gian, không gian trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong cuộc sống chúng ta không tránh khỏi việc mắc sai lầm vì vậy mỗi người hãy nên học cách “viết những đau buồn, hận thù lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề trên.

..... Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Xác định ngôi kể: người kể chuyện ngôi thứ 3. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Theo văn bản, những con suối, con sông được tạo ra như sau: <i>Á Lông giẫm mạnh chân xuống đất. Không ngờ đất lún sâu xuống, một con nước từ dưới lòng đất trào lên. Nước ồ ạt òng ọc đùn ra mãi, chảy thành suối nhỏ, chảy thành sông</i>	0,5

		to. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời từ 2 ý trở lên chính xác như trong đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời được 1 ý trong đáp án: 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	
	3	Dấu hiệu giúp người đọc nhận biết văn bản trên thuộc nhóm thần thoại suy nguyên: kể về nguồn gốc vũ trụ (mặt trời, mặt trăng, mặt đất, các vì sao...) và muôn loài (cây cối, các loại động vật...) Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	1,0
	4	Tác giả dân gian đã gửi gắm khát vọng khai hoang, lập địa của con người thuở sơ khai. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	5	- Niềm tin vẫn còn sức hấp dẫn đối với con người hiện đại. - Bởi vì: + Các tín ngưỡng của nhân dân ta vẫn còn lưu giữ đến ngày nay. (Ví dụ như thờ sơn thần, thủy thần, thờ cá ông,...) + Người Việt vẫn có một niềm tin vô hình vào những vị thần chế ngự thiên nhiên, đặc biệt đối với những gia đình làm nông nghiệp. Hướng dẫn chấm: - HS nêu quan điểm: 0,25 điểm - HS lí giải thuyết phục, hợp lí: 0,75 điểm - HS lí giải có cơ sở diễn đạt chưa mạch lạc: 0,5 điểm - HS lí giải chưa thuyết phục: 0,25 điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích yếu tố thời gian, không gian trong đoạn trích “Sự tích mặt đất và muôn loài” (Thần thoại dân tộc Hà Nhì).	2.0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của	0,25

		đoạn văn (khoảng 200 chữ). Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp; song hành hoặc móc xích.	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: yếu tố thời gian, không gian.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận Xác định được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Không gian đặc trưng của thần thoại, mang tầm vũ trụ bao gồm nhiều cõi khác nhau. - Thời gian phiếm chỉ mang tính ước lệ, không xác định. => Đặc sắc nghệ thuật góp phần làm nên giá trị, sức hấp dẫn của truyện. Truyện thể hiện nhận thức và lí giải về thế giới của con người thời cổ rất thô sơ; thể hiện lòng tôn kính của họ đối với thần linh đã tạo lập ra thế giới.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng hợp lý.	0,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Trong cuộc sống chúng ta không tránh khỏi việc mắc sai lầm vì vậy mỗi người hãy nên học cách “viết những đau buồn, hận thù lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề trên.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Đảm bảo đúng kiểu bài văn nghị luận xã hội	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: mỗi người hãy nên học cách “viết những đau buồn, hận thù lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận. - Xác định được ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị	1,0

	<p>luận:</p> <p><i>* Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận.</i></p> <p><i>* Triển khai vấn đề cần nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vấn đề cần nghị luận - Bày tỏ quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trong cuộc sống, việc mắc sai lầm là điều chúng ta hoặc người khác sẽ không tránh khỏi, vì thế khoan dung, tha thứ cho lỗi lầm của người khác góp phần làm cho cuộc sống của mình tốt đẹp hơn và ta cảm thấy thanh thản, thoải mái hơn, đồng thời chúng ta cũng được người khác yêu thương, tôn trọng hơn. + Đối với những ơn nghĩa của người khác làm cho mình, ta cần ghi nhớ, có hành động đền ơn đáp nghĩa để lan tỏa được những thông điệp tích cực ra cuộc đời. + Người sẵn sàng tha thứ những hờn giận và khắc ghi những ơn nghĩa là những người có nhân cách cao đẹp đáng được tôn trọng, học tập và noi theo. <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. - Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn. <p><i>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.</i></p>	
	<p>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lựa chọn được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng hợp lý. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1.5
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết bài văn</p>	0.25
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết có suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.5
Tổng điểm		10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 16**I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)****Đọc đoạn trích sau:**

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ả được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộ rịp, thành một đám hội xem hoa tung bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phấn son điểm phớt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cời tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ỏn cả lại thường bị quan trên quở trách rằng:

- Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

- Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong ảng lợi danh. Ấu là một mái chèo vể, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bèn cời trả ản tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đấy để ở. Thường dùng một thắng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hể gặp chỗ nào thích ý thì hí hứng ngả rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trợ, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*, *Truyện kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

Lựa chọn ảp ản đúng:

Câu 1. Thể loại của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì ?

Câu 3. Trong đám hội xem hoa tung bừng tại sao cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại ?

Câu 4. Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách như thế nào ?

Câu 5. Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ản tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Nhan đề phản ảnh khía cạnh nội dung nào của tác phẩm? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ).

CA CẤP CỨU THÀNH CÔNG

Ngày 31 tháng 12 năm 1989.

Đêm khuya. Trong một phòng bệnh tại một bệnh viện.

Giám đốc Chu của Xưởng sản xuất cán nguội đứng ngồi không yên, cứ chốc chốc lại đưa tay lên nhìn đồng hồ, lòng ông như lửa đốt dõi theo một bệnh nhân đang nằm hôn mê trên giường bệnh.

Nửa tháng trước, thành phố có thông báo sau Tết sẽ tổ chức Hội nghị giao lưu kinh nghiệm dây chuyền sản xuất an toàn, biểu dương các đơn vị tiên tiến. Xưởng sản xuất cán nguội của ông Chu được chỉ định có bài phát biểu quan trọng trong cuộc họp ấy.

Giám đốc Chu lập tức cho gọi những nhân viên ưu tú lên, trực tiếp giao nhiệm vụ soạn thảo bài phát biểu và giám sát rất cẩn thận. Mọi người đã làm việc rất nỗ lực và qua mười ngày mười đêm, cuối cùng họ đã thảo xong được một bài phát biểu cả chục ngàn chữ. Trong bài phát biểu giới thiệu rất tỉ mỉ về tư tưởng chỉ đạo cơ bản của xưởng sản xuất, đó là: Trong năm, xưởng không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào. Ngoài ra, bài phát biểu còn đề cập đến những kinh nghiệm để đảm bảo an toàn lao động. Giám đốc Chu sẽ đích thân đọc bài phát biểu này tại hội nghị.

Vậy mà, trong giờ phút hết sức quan trọng ấy, ở xưởng sản xuất của ông lại xảy ra sự cố nghiêm trọng về an toàn lao động đến vậy!

Bệnh nhân vẫn chìm trong tình trạng hôn mê. Các bác sĩ đã tiến hành truyền máu, tiêm, tiếp o-xi... Nhưng, tất cả dường như đều không chút tác dụng!

Giám đốc Chu khẩn cầu bác sĩ: “Bác sĩ à, mong ông hãy nghĩ trăm phương ngàn kế giúp tôi, làm sao để kéo được sự sống cho bệnh nhân này, chỉ cần ông ấy không chết trong năm nay là được. Nếu được như vậy, xưởng chúng tôi sẽ gửi một vạn đồng để cảm ơn bệnh viện”.

Trên giường bệnh, bệnh nhân vẫn nhọc nhằn từng đợt thở thoi thóp. Xung quanh, mười mấy bác sĩ và y tá vẫn túc trực.

Thời gian trôi đi từng giây chậm chạp. Bầu không khí trong phòng bệnh vô cùng căng thẳng.

Và... bệnh nhân đã trút hơi thở cuối cùng. Tiếng khóc của người thân nức nở, vang vát trong đêm tối.

Giám đốc Chu và các bác sĩ, mọi người không hén mà cùng giờ tay lên nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ lúc đó chỉ đúng 0 giờ 1 phút.

“Tốt rồi, tốt quá rồi!”, Giám đốc Chu vô cùng xúc động, ra bắt tay từng vị bác sĩ: “Cảm ơn các bác sĩ, cảm ơn các bác sĩ nhiều lắm!”

(Phản Phát Giá, trích từ *Truyện ngắn Trung Quốc hiện đại*, nhiều tác giả, NXB HNV, 2003, tr.49-50)

Câu 2 (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

Bí ẩn sức mạnh đại bàng – “Chúa tể bầu trời”

....Đại bàng có tuổi thọ trung bình khoảng 70 tuổi, có thể xem là một trong những loài động vật có tuổi thọ cao nhất. Thế nhưng trước khi đạt đến độ tuổi này, đại bàng phải trải qua một khoảng thời gian khắc nghiệt và đầy đau đớn.

Năm 40 tuổi, mỏ đại bàng trở nên yếu đi. Bộ lông trở nên quá dày và nặng, rất khó để có thể bay nhanh và bay cao lên không trung. Đây là lúc mà đại bàng phải đưa ra hai quyết định: Nằm chờ chết hoặc phải tự trải qua một cuộc lột xác đau đớn kéo dài 150 ngày.

Tại tổ đại bàng trên đỉnh núi, nó sẽ đập mỏ vào mỏm đá cho đến khi gãy rời ra. Khi mỏ mới hình thành, nó lại bắt đầu bẻ gãy hết toàn bộ móng vuốt. Khi móng vuốt mới đủ chắc, nó lại tự nhổ đi từng sợi lông cho đến khi nhẵn nhụi và chờ lông mới hình thành.

Một quá trình lột xác đầy đau đớn... mà chắc chắn nếu không có một ý chí kiên cường sẽ không thể nào vượt qua.

(Dẫn theo *kienthuckhoahoc.ogr*)

Thực hiện yêu cầu:

Bài học mà anh (chị) tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể loại của đoạn trích trên là: Truyền kì	0,5
	2	Chức quan của nhân vật Từ Thức là: Tri huyện	0,5
	3	Trong đám hội xem hoa tung bùng cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại vì: Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc	1,0
	4	Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách: Tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh	1,0
	5	Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ấn tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình. HS trình bày theo cảm nhận của mình, có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình và lý giải thuyết phục Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời hợp lý, thuyết phục: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Nhan đề phản ánh khía cạnh nội dung nào của tác phẩm? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ).	2,0

	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Mối quan hệ giữa nhan đề và khía cạnh nội dung của truyện <i>Ca cấp cứu thành công</i>. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: - Ca cấp cứu không thành công trong việc cứu người, mà thành công trong việc cứu căn bệnh thành tích. Nhan đề giễu nhại sâu cay bệnh thành tích, thói dối trá, nhẩn tâm. - Nhan đề <i>Ca cấp cứu thành công</i> vừa gợi mở cách hiểu vừa hàm chứa thái độ đánh giá. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm. - Đánh giá chung: + Nhan đề phù hợp, khó thay thế; góp phần làm nên giá trị, sức dẫn của truyện. + Tài năng nghệ thuật và lòng nhân đạo của tác giả. Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Bài học mà anh (chị) tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên? Anh/ Chị trả lời câu hỏi bằng cách viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ).</p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: dũng cảm, kiên cường vượt qua thử thách</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p> <p>-Ý nghĩa văn bản: Câu chuyện kể về hành trình lột xác đầy đau đớn của loài chim đại bàng gợi suy tưởng về bài học làm người: con người cần phải đương đầu với những khó khăn, thử thách trong cuộc sống một cách dũng cảm, kiên cường và đầy nghị lực.</p> <p>-Bàn luận:</p> <p>+Trong cuộc đời mỗi con người, nhiều lúc phải đương đầu với những thử thách khắc nghiệt buộc chúng ta phải lựa chọn hoặc là cúi đầu chấp nhận hoặc là dũng cảm kiên cường vượt qua.</p> <p>+ Muốn trưởng thành, thành công con người phải đối mặt với khó khăn, thử thách, phải trở nên bản lĩnh mạnh mẽ, chiến thắng nỗi sợ hãi.</p> <p>+ Để đối mặt với khó khăn, thử thách, trở ngại, con người cần có bản lĩnh, nghị lực, kỹ năng, tri thức.</p> <p>Chứng minh qua các tấm gương tiêu biểu.</p> <p>-Mở rộng: Phê phán những kẻ yếu đuối, e dè, thiếu quyết đoán khi đối mặt với khó khăn, thử thách.</p>	2.0
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.</p> <p>- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.</p> <p>- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</p>	
	<p>Bài học nhận thức và hành động</p> <p>-Cuộc đời con người phải biết thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh sống và phải hoàn thiện bản thân.</p> <p>-Dũng cảm đối mặt và vượt qua thử thách, chiến thắng nỗi sợ của bản thân.</p> <p>-Phải nỗ lực hoàn thiện mình về trí tuệ, bản lĩnh, nghị lực</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.</p>	0,5

		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I + II			10

ĐỀ SỐ 17

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Cây Ténéré là một cây keo sống ở sa mạc cùng tên, thuộc ranh giới Sahara phía đông bắc Niger. Dù nổi danh vì là cây cô đơn, trước kia nó nằm trong một cụm cây lớn hơn. Trên thực tế, hàng nghìn năm trước, khu vực này có lẽ từng được bao phủ bằng rừng. Khi khí hậu thay đổi và mưa ít dần, số lượng cây đã giảm xuống và biến mất. Khi được ghi nhận lần đầu trong tư liệu của các nhà thám hiểm phương Tây, đây là cây xanh duy nhất trong bán kính 400 km tính từ cây Ténéré, xung quanh chỉ là cát.

Người ta rất sửng sốt khi biết có thứ sống nổi trong điều kiện khắc nghiệt như vậy. "Người ta phải thấy mới dám tin cây tồn tại. Bí mật của nó là gì? Sao nó có thể tồn tại với sự xuất hiện của những con lạc đà? Sao vô số người Touareg không cắt cành của nó để nhóm lửa pha trà?". Tàn phá cây là điều cấm kỵ với dân du mục. Đó là mệnh lệnh của bộ tộc mà tất cả phải tôn trọng. Cây keo đã trở thành một ngọn hải đăng sống, là dấu mốc cuối cùng trước khi người Touareg rời Agadez đến Bilma, cũng là nơi đầu tiên đón họ trở về. Nó trở thành một biểu tượng, cột mốc của địa phương, được các đoàn du mục và khách du hành sử dụng để định hướng trong những chuyến đi mạo hiểm. Suốt hàng trăm năm, các đoàn lạc đà chở muối, chà là và những loại hàng hóa khác đều dừng chân tại cây.

Chính vì thế, không một cành cây nào bị cắt xuống để nhóm lửa, và lạc đà đã không được phép ăn lá của Ténéré. Vai trò "hải đăng" và điểm gặp gỡ dẫn đến việc một chiếc giếng được đào ở đây năm 1938. Khi khoan xuống lòng đất để tìm nước, họ phát hiện ra cây sống sót suốt nhiều thế kỷ nhờ bộ rễ đâm sâu 35 mét xuống nguồn nước ngầm. Cây keo chỉ cao vài mét, với vài cành còn lá xanh vẫn cố gắng bám chặt lấy sự sống đã trở thành biểu tượng cho sự bền bỉ mà người sống trên sa mạc cần có để sinh tồn.



(An Ngọc, <https://zingnews.vn/cai-chet-cua-cay-keo-300-tuoi-giua-sa-mac-sahara-post1229668.html>)

- Câu 1:** Cây keo *Ténéré* sống ở vùng địa hình nào? Là cây xanh duy nhất trong bán kính 400 km tính từ cây *Ténéré*, vì thế nó còn được biết với tên gọi khác là cây gì?
- Câu 2:** Theo đoạn trích, vì sao cây keo có thể sống được giữa sa mạc?
- Câu 3:** Người viết đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ nào trong bài viết? anh/ chị hãy nêu tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ đó.
- Câu 4:** Tác giả ví von cây keo với hình ảnh nào? Anh/ chị hãy chỉ ra vai trò của cây keo từ sự ví von đó?
- Câu 5:** anh/chị hãy rút ra 1 thông điệp có ý nghĩa từ hình ảnh cây keo giữa sa mạc.

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: ***“Cuộc sống của ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều rất tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác hẳn còn tệ hơn nhiều.”*** (Lắng nghe lời thì thâm của trái tim- Phạm Lữ Ân)

Từ ý kiến trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/ chị về tác hại của định kiến đối với cuộc sống con người.

(Lưu ý: “Định kiến” được hiểu với nghĩa sau: *“Định kiến” (định: cố định, kiến: ý kiến) là ý kiến riêng đã có sẵn, khó có thể thay đổi được, xuất phát từ cách nhìn sai lệch hoặc dựa trên cảm tính)*

Câu 2 : (4 điểm)

**Kẻ mưu ma, người chước quỷ
(Trích Lóp 14, vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)**

ĐỀ HẦU: (Số là) Thương mụ Hến, mặt mày rất đẹp
 (Mà) Việc Huyện Trìa, giận chằng hay nguôi
 (Vả người là quan lớn, tôi là viên thuộc, dầu tôi có làm chi đi nữa)
 Đã rằng trên có đã đành
 Mà sứa nhảy qua đặng sao phải
 Bây giờ nghĩ lại,
 Dung thử chước này:

Nói chung bà huyện ra tay,
 Thế mới bắt ông rồi căng
 ĐỀ HẦU: (Vào mách bà Huyện)
 (Dạ bẩm bà) Ông đã đi đâu vắng
 Bà ngồi chỉ một mình?
 Bên Thanh Hà (quan) đi viếng ân tình
 (Vi hôm nọ) Con mụ Hên tới đây hầu kiện.
 BÀ HUYỆN: Nghe thôi ghen hòng,
 Thấy nói căm gan
 (Là họ) Dối đặc điền mưu khéo lật lờng,
 (Nên ta) Ngồi tịnh thất dường như ủ dột
 Mụ phen này quyết phá tan hoang
 Ông đã đành bạc ngãi bạc tình,
 Mụ cũng quyết lột trần lột trụi
 (Hạ)
 ĐỀ HẦU: Mưu thâm diệu! Mưu thâm diệu
 Ngã chí hoan! Ngã chí hoan
 Vênh râu Trìa trụi lụi chớ van
 Cúi óc chỉ tro tro mà chịu
 (Hạ)

...

(In trong **Nghê, Sò, Ốc, Hên** – Khuyết danh, tr.538 – 539)

Cảm nhận về nhân vật Đề Hâu trong đoạn trích “*Kẻ mưu ma, người chước quỷ*” ở trên
 (Trích vở tuồng *Nghê, Sò, Ốc, Hên*)

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.		ĐỌC – HIỂU	4.0
	1	- Địa hình: sa mạc. - Tên gọi khác: cây cô đơn Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh trả lời đúng 1 ý trong đáp án: 0.25 điểm.</i> <i>Học sinh trả lời đúng 2 ý trong đáp án: 0.25 điểm.</i> <i>Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.</i>	0.25 0.25
	2	Cây keo có thể sống được giữa sa mạc là vì: + Bộ rễ đâm sâu 35 mét xuống nguồn nước ngầm dù cây chỉ cao vài mét, với vài cành còn lá xanh. + Tàn phá cây là điều cấm kỵ với dân du mục, vì thế, không một	0.25

		cành cây nào bị cắt xuống để nhóm lửa, và lạc đà đã không được phép ăn lá của cây. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời đúng ½ đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời khác: không cho điểm.	0.25
	3	- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh. - Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ này: Bổ trợ cho phương tiện ngôn ngữ, cụ thể là: + Tăng tính trực quan cho thông tin (cụ thể hóa thông tin, giúp người đọc tiếp nhận thông tin dễ dàng, đầy đủ) + Tăng tính hấp dẫn cho bài viết Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng, đầy đủ đáp án: 1.0 điểm. - Phần tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ, học sinh trả lời đúng 1 trong 2 ý của đáp án vẫn cho tối đa: 0.25 điểm. - Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng phù hợp, GV vẫn cho điểm.	0.75 0.25
	4	- Cây keo được ví với hình ảnh: Ngọn hải đăng sống. - Vai trò của cây keo: là nơi gặp gỡ, dấu hiệu chỉ đường, soi lối cho người đi qua sa mạc, trở thành một biểu tượng, cột mốc của địa phương; được các đoàn du mục và khách du hành sử dụng để định hướng trong những chuyến đi Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng đáp án: 1.0 - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0.5 điểm - Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng phù hợp, GV vẫn cho điểm.	0.5 0.5
	5	HS đưa ra 1 thông điệp trong số các thông điệp sau thì GV cho điểm tối đa: - Sống lạc quan, yêu đời, sống hết mình và giao hòa cùng thiên nhiên để cảm nhận sức sống kì diệu. - Sống tích cực để đem lại những giá trị ý nghĩa cho người và cho đời.. - Dũng cảm, bản lĩnh đương đầu với khó khăn, thử thách - Biết khẳng định giá trị của bản thân trong mọi hoàn cảnh - Bảo vệ môi trường xanh Hướng dẫn chấm: Học sinh có cách diễn đạt khác nhưng phù hợp, GV vẫn cho điểm.	1.0
I	Câu 1	VIẾT: Có ý kiến cho rằng: “Cuộc sống của ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều rất tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác hẳn còn tệ hơn	2.0

	<p><i>nhiều.” (Lắng nghe lời thì thầm của trái tim- Phạm Lữ Ân)</i></p> <p>Từ ý kiến trên, em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/ chị về tác hại của định kiến đối với cuộc sống con người.</p>	
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tác hại của định kiến đối với cuộc sống con người	0.25
	<p>c. Triển khai được vấn đề nghị luận:</p> <p>Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, vận dụng kết hợp các thao tác lập luận, phối hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Giải thích: Định kiến là ý nghĩ riêng đã có sẵn, thường là không hay, khó có thể thay đổi được về một đối tượng nào đó. Định kiến thường xuất phát từ cách nhìn sai lệch hoặc dựa trên cảm tính.</p> <p>- Tác hại của định kiến</p> <p>+ “Cuộc sống của ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều rất tệ”:</p> <p>- Định kiến có thể khiến con người mất đi khả năng nhìn nhận thực tế đủ chính xác.</p> <p>- Khi ta có định kiến về chính bản thân mình, chúng ta sẽ tự giới hạn mình lại, không dám vượt qua “vùng an toàn”- những thói quen mòn cũ, để khám phá cuộc sống và khám phá năng lực của mình.</p> <p>- Nếu ta có định kiến về người khác, ta có thể không thấy được những điều tốt đẹp của họ và điều đó có thể sẽ khiến ta không có cách cư xử tốt và đúng mực. Người phải nhận về mình những định kiến của ta sẽ phải chịu những tổn thương nhất định (tự ti, stress, trầm cảm, tự sát...)</p> <p>+ “nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác hẳn còn tệ hơn nhiều”</p> <p>- Nhắm mắt tin theo những định kiến của người khác rất dễ khiến ta mất đi cách nhìn nhận của riêng mình, khó có thể đưa ra ý kiến đúng đắn, có thể làm nảy sinh các mâu thuẫn không đáng có với những người xung quanh.</p> <p>- Bị định kiến của người khác chi phối ta sẽ không dám sống thật với bản thân mình.</p> <p>Chú ý: học sinh cần có dẫn chứng kèm theo</p> <p>- Dự đoán lập luận của những người có định kiến (Ví dụ: tôi có quyền tự do suy luận và phát ngôn; đây là cách nhìn, cách nghĩ vốn có từ lâu đời của ông cha ta..). Từ đó, người viết có thể phản biện lại: Những cái nhìn, quan niệm đã lạc hậu thì phải từ bỏ để phù hợp với thời đại...</p>	0.75

		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; có ý tưởng riêng phù hợp với vấn đề nghị luận; có cách lập luận, diễn đạt mới mẻ, sâu sắc.	0,5
	Câu 2	Cảm nhận về nhân vật Đề Hầu trong đoạn trích “ Kẻ mưu ma, người chước quỷ ” (Trích vở tuồng <i>Nghêu, Sò, Ốc, Hén</i> - Lớp 14)	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài - Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: - Nhận diện đúng yêu cầu của đề bài: Cảm nhận về nhân vật Đề Hầu trong đoạn trích.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết I. MỞ BÀI: - Giới thiệu chèo “Nghêu, Sò, Ốc, Hén”, đoạn trích và nhân vật II. THÂN BÀI: 1. Khái quát - Giới thiệu Tuồng và tuồng hài - Giới thiệu tính huống Nghêu đến nhà Huyện Trìa để tố cáo với Bà Huyện 2. Chân dung nhân vật Đề Hầu - Giới thiệu: Đề Hầu làm việc dưới trướng của Huyện Trìa và trong việc âm mưu bóc lột dân lành chúng rất tâm đầu ý hợp - Háo sắc: Trong khi xử Kiện thấy Thị Hén là người phụ nữ trẻ, góa chồng, lại có nhan sắc nên cả Đề Hầu và Huyện Trìa đều muốn trêu hoa ghẹo nguyệt. Tâm tư của Đề Hầu trong đoạn trích thể hiện rất rõ điều đó: “Thương mụ Hén, mặt mày rất đẹp”. - Lật mặt, lừa thầy, phản bạn: Vì Huyện Trìa cũng háo sắc và say mê Thị Hén và nguy cơ Đề Hầu sẽ không chiếm được người đẹp nên hắn lập mưu tố cáo Huyện Trìa với mục đích là Huyện Trìa phải từ bỏ Thị Hén. - Tâm trạng khi mưu kế thành công: Khi thấy Bà Huyện tức giận đòi phá tan hoang kẻ phụ tình phụ nghĩa để trừng trị quan huyện thì Đề Hầu biết mưu kế của y đã thành công nên hắn tự khen mưu kế của mình là thâm diệu. Tưởng tượng ra cảnh Huyện Trìa râu bị vật trụi, chỉ có tơ tơ mà chịu trận đòn ghen của bà Huyện, tâm trạng vui sướng tột đỉnh của hắn được thể hiện rõ qua câu “Ngã chí hoan! Ngã chí hoan”. 3. Đánh giá chung	1,0

	<p>a. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích có không gian cụ thể: Ở nhà Huyện Trìa cho thấy nhân vật thuộc tầng lớp trên của xã hội, môi trường của nhân vật là ở chốn quan trường. Không gian này thích hợp với việc thể hiện bản chất của bề lũ quan lại phong kiến - Trích đoạn trong một vở tuồng đồ, có tình huống và hành động, ngôn ngữ gây cười có ý nghĩa châm biếm, mỉa mai sâu sắc. - Một số chi tiết dẫn dắt sâu sắc thể hiện rõ đặc điểm kịch bản Tuồng. - Ngôn ngữ giản dị, thông thường nhưng có kết hợp một số từ Hán Việt để phù hợp với khung cảnh chung <p>b. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả dân gian đã lột trần bộ mặt bọn quan lại phong kiến với bản chất xấu xa, nhơ bẩn, giả dối, với những dục vọng tầm thường. Tất cả góp phần khắc họa đầy đủ diện mạo bức tranh làng quê phong kiến buổi suy tàn. <p>III. KẾT BÀI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vấn đề - Liên hệ 	
	<p>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật</p>	1,5
	<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0.25
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ SỐ 18

I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Thị Phương: (Quay ra)

- Mẹ thức hay ngủ mẹ ơi!

Mụ:

- Con vào đây có được tí gì không?

Thị Phương:

- Thừa mẹ, con vào đó, quỷ đông đòi ăn thịt!

Mụ:

- Ăn cơm với thịt đông à?

Thị Phương:

- Quỷ đông đòi ăn thịt con, mẹ ạ.

Quỷ cái ra can rồi lại cho vàng.

Mụ: (Cầm vàng, hát sấp)

- Ở hiền rồi lại gặp lành

Mẹ lại ngại thân con (Hát vãn)

Như dao cắt ruột mẹ ra (Nói)

- Con ơi, trời còn sớm hay đã tối mà con cứ dắt mẹ đi mãi thế này?

Gặp vợ chú quỷ cho thanh tre già

(Nói sử) Ôi con ơi,

Mẹ cảm thương thân mẹ

Trăm sầu, nghìn thảm chất đầ lên con!

Thị Phương:

- Trình lạy mẹ,

Vàng ô đã lặn

Vắng vẻ cửa nhà

Mẹ con ta vào gốc cây đa

Nằm nghỉ tạm qua đêm sẽ liệu (ngồi nghỉ)

Thần rừng (Hô): (Ra)

- Ra oai hùm gầm kêu ba tiếng

Phóng hào quang chuyển động phong lôi

Xa chẳng tỏ, nhảy lại ngó coi

Giống chi chi như thể hình người

Đi đâu đó?

- Kìa con, nọ mẹ

Muốn sống thời ai chịu cho ai

Vào nọp mệnh cho ta nhai một.

Thị Phương:

- Trăm lạy ông,

Nhẽ ngày hôm qua một tặn không còn

Tôi kêu trời khấn đất đã vang

Qua nạn ấy, nạn này lại phải

Ông ăn thịt một, còn một ông tha

Ông để mẹ già, tôi xin thế mạng.

Ơn ông vạn bội!

Mụ: Con tôi còn trẻ

(Nói sử) Trình lạy ông

Công sinh thành, ông để tôi đền
Ông ăn thịt tôi, ông tha cháu nó!

Thị Phương:

- Thừa mẹ, mẹ để con chịu cho!

Mụ: Ồi con ơi, con còn trẻ người non dạ, để mẹ chịu cho.

Thần rừng (Hổ):

- Nhẽ ra thời ăn thịt cả không tha

Thấy mẹ con tiết nghĩa thay là

Tha cho đó an toàn tính mệnh.”

(Trích vở chèo “Trương Viên”, Hà Văn Cầu, Tuyển tập chèo cổ, NXB Sân khấu, 1999)

Tóm tắt vở chèo “Trương Viên”

Trương Viên quê ở Vũ Lăng, nhà nghèo, bố mất sớm, mẹ nuôi cho ăn học. Vì mền tài chàng nên Thừa tướng (đã về hưu) có gả con gái là Thị Phương cho Trương Viên. Thị Phương hết lòng chăm lo cho gia đình, hiếu thảo với mẹ chồng. Khi nước loạn, vua sai xá về bắt lính, Trương Viên phải bỏ thi, từ biệt mẹ và vợ để đi lính. Giặc kéo đến, nhà Trương Viên bị đốt, Thị Phương dắt mẹ chồng chạy vào rừng sâu, trải qua nhiều gian truân như: gặp Quỷ, gặp Hổ... Thị Phương sống trong cảnh mù lòa, cùng mẹ chồng đi ăn xin khắp nơi. Thượng đế đã cảm động tấm lòng hiếu nghĩa của Thị Phương nên sai tiên xuống dạy đàn hát cho nàng để nàng có nghề sinh sống. Qua 18 năm, Trương Viên đánh giặc thắng lợi, triều đình ban cho chàng chức Thái tử. Khi vinh quy bái tổ thì thấy gia đình mất tích. Chàng buồn rầu bỏ ra đi, nhân nghe người hát rong làm khuây, gặp lại vợ qua bài hát tự tình. Mẹ con, vợ chồng gặp nhau, mắt Thị Phương đương mù được sáng lại. Gia đình sum họp như xưa.

Cước chú:

Mụ: mẹ

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm): Nêu những chỉ dẫn sân khấu trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm) : Nhân vật Thị Phương trong đoạn trích là vai chín hay vai lệch ?

Câu 3 (1,0 điểm): Hãy tìm một thành ngữ và một câu tục ngữ được sử dụng trong đoạn trích và giải thích ngắn gọn ý nghĩa của thành ngữ, tục ngữ đã tìm được.

Câu 4 (1,0 điểm): Em hiểu lời nói sử của người mẹ trong đoạn trích dưới đây có ý nghĩa như thế nào?

“Mẹ cảm thương thân mẹ

Trăm sầu, nghìn thảm chất đà lên con!”

Câu 5 (1,0 điểm): Em hãy rút ra một thông điệp từ văn bản trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm) : Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về đẹp tâm hồn của nhân vật Thị Phương thể hiện trong đoạn trích trên.

Câu 2 (4,0 điểm): Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về giá trị của bản thân.

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Những chỉ dẫn sân khấu trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quay ra - Cầm vàng, hát sấp - Hát vãn - Nói - Nói sử - Ngồi nghỉ - Ra <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết từ 5 đáp án trở lên: 0,5 điểm - HS viết 1-4 đáp án: 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm 	0,5
	2	<p>Nhân vật Thị Phương trong đoạn trích là vai chín.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm 	0,5
	3	<p>- Thành ngữ: trẻ người non dạ + ý nghĩa: chỉ sự ngây thơ, dại dột, chưa biết suy nghĩ chín chắn...</p> <p>- Tục ngữ: ở hiền gặp lành (“ở hiền rồi lại gặp lành”) + ý nghĩa: sống lương thiện thì sẽ gặp được may mắn, tốt đẹp trong đời...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm - HS trả lời được một nửa số ý: 0,5 điểm - HS trả lời được một ý: 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời : 0 điểm 	1,0
	4	<p>Lời nói sử của người mẹ trong đoạn trích dưới đây có ý nghĩa :</p> <p style="text-align: center;"><i>“Mẹ cảm thương thân mẹ Trăm sầu, nghìn thảm chất òa lên con!”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự thấu hiểu của người mẹ về những vất vả của người con (Thị Phương)... - Tình thương sâu sắc, sự trân trọng của người mẹ dành cho Thị Phương... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm 	1,0

		<p>- HS trả lời được một ý: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm</p>	
	5	<p>HS rút ra được một thông điệp và có lí giải hợp lí về thông điệp đó.</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở hiền gặp lành - Con cái phải có lòng hiếu thảo với cha mẹ - Trong cuộc sống phải biết yêu thương, đùm bọc nhau <p>HS có lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật).</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS rút ra được thông điệp: 0,5 điểm - HS lí giải được thông điệp đó: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm 	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Thị Phuong trong đoạn trích	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.</i></p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Thị Phuong</p>	0,25
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Lễ phép, hiếu kính với mẹ - Chăm sóc mẹ - Sẵn sàng hi sinh tính mạng để bảo vệ mẹ 	0,5
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: ý nghĩa nhan đề truyện. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	0,5
		<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về giá trị của bản thân	4.0

<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội</p>	0.25
<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Giá trị của bản thân</i></p>	0.5
<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vấn đề nghị luận: Giá trị của bản thân là ưu điểm, điểm mạnh vượt trội của mỗi người so với những người khác khiến mình có một cá tính riêng, dấu ấn riêng không trộn lẫn với đám đông. - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để hạn chế, như vậy sẽ đạt nhiều thành công trong cuộc sống. + Có những người vốn có nội lực nhưng không tự nhận thức được giá trị của mình, thiếu tự tin về bản thân, sống không có quan điểm riêng, nên đánh mất nhiều cơ hội. + Mỗi người đều có giá trị của riêng mình, nhiều người trong xã hội cùng hòa vào sẽ tạo ra giá trị cuộc sống, xã hội ngày càng phát triển. + Cần chăm chỉ học tập, rèn luyện, phấn đấu để trau dồi giá trị bản thân + Tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện: + Giá trị bản thân mỗi người không phụ thuộc vào địa vị hay tiền bạc họ có trong tay mà phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người trong cuộc sống. + Giá trị của bản thân không đơn thuần là điểm mạnh của bản thân mà còn là sự đóng góp, là vai trò của mỗi người với mọi người xung quanh. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. 	1.0
<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. 	1.5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		đ. Diễn đạt đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0.25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5

ĐỀ SỐ 19

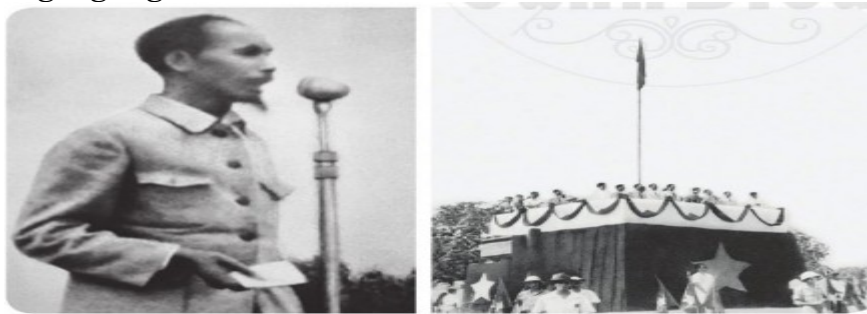
I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HỒ CHÍ MINH VÀ BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(1) Ngày 4-5-1945, Hồ Chí Minh rời Pắc Pó về Tân Trào. Giữa tháng 5, Người yêu cầu Trung úy Giôn, báo vụ của OSS (cơ quan phục vụ chiến lược Mỹ), điện về Côn Minh, đề nghị thả tù cho Người cuốn “Tuyên ngôn Độc lập” của Hoa Kỳ.

(2) Ngày 22-8-1945, Bác rời Tân Trào về Hà Nội. Tối 25-8, Người vào nội thành, ở tầng 2 nhà 48 Hàng Ngang.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945. (Ảnh tư liệu)

Sáng 26-8-1945, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì cuộc họp Thường vụ Trung ương Đảng, bàn các vấn đề như chủ trương đối nội, đối ngoại trong tình hình mới; sớm công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời; chuẩn bị ra “Tuyên ngôn Độc lập, tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân. Ngày ra mắt Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam công bố quyền độc lập và thiết lập chính thể Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 27-8-1945, Người tiếp các bộ trưởng mới tham gia Chính phủ và đề nghị đầu tháng 9, Chính phủ ra mắt quốc dân và đọc “Tuyên ngôn Độc lập” mà người đã chuẩn bị.

Người đưa bản thảo để các thành viên Chính phủ xét duyệt, đề nghị duyệt kĩ, vì ta sẽ đọc không phải chỉ để đồng bào cả nước ta nghe, mà còn cho cả Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp, cho cả các nước đồng minh nghe. [...]

Ngày 28 và 29-8, ban ngày, Bác đến làm việc tại 12 Ngô Quyền, trụ sở của Chính phủ lâm thời. Người dành phần lớn thì giờ soạn “Tuyên ngôn Độc lập”. Buổi tối, tại 48 Hàng Ngang, một căn buồng vừa là phòng ăn, vừa là phòng tiếp khách, Bác tự đánh máy “Tuyên ngôn Độc lập” ở một cái bàn tròn.

Ngày 30-8, Bác mời một số đồng chí đến trao đổi, góp ý cho bản thảo “Tuyên ngôn Độc lập”. Người đọc cho mọi người nghe và hỏi ý kiến. Ngày 31-8, Bác bổ sung một số điểm vào bản thảo “Tuyên ngôn Độc lập”.

14 giờ ngày 2-9-1945, trong cuộc mít tinh tại vườn hoa Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào, trên diễn đàn cao và trang nghiêm, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập” do người khởi thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(Bùi Đình Phong, theo báo Danang.vn, đăng ngày

02/09/1998)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2. Mục đích của tác giả khi viết văn bản trên là gì?

Câu 3. Em có nhận xét gì về quá trình chuẩn bị và soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập”?

Câu 4. Theo em, bản “Tuyên ngôn Độc lập” có vai trò như thế nào đối với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa? Lí giải?

Câu 5. Em rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1(2.0 điểm).

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản sau:

Truyện kể rằng Mặt Trời và Mặt Trăng là hai chị em, con của Trời. Công việc được giao phó hàng ngày là phải thay phiên nhau đi xem xét thế gian. Gặp phải bọn khiên kiệu già đi chậm, cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra.

Đến lượt bọn trẻ khiên kiệu đi mau, cô Mặt trời được chóng công việc về sớm thì ngày lại ngắn. Cô em Mặt Trăng tính tình nóng nảy không kém gì chị, đến đêm con người cũng phải khó chịu vì cô em. Loài người than thở đến tai nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó, tính tình của cô thay đổi hết sức dịu dàng nên được người dưới trần ai cũng thích. Mỗi khi cô ngoảnh mặt nhìn xuống là lúc đó trăng rằm, ngoảnh lưng lại là ba mươi, ngoảnh sang phải, sang trái là trăng thượng huyền hay hạ huyền. Hôm nào trăng quầng là lúc vết tro trát mặt hiện ra.

Người ta nghe nói rằng chồng của hai nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một con gấu. Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực, lúc đó người dưới trần làm âm ỉ lên đánh trống, kua chiêng, gõ mõ, để cho gấu xa ra, vì gấu đi lại với vợ, che lấp Mặt Trời, Mặt Trăng làm hại cho mùa màng.

(Trích Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng, theo <https://thegioicotich.vn/nu-than-mat-troi-va-mat-trang/>)

Câu 2(4.0 điểm).

Hàng năm, Ban tổ chức lễ hội Tràng An tỉnh Ninh Bình cần tuyển những tình nguyện viên đủ sức khỏe, năng lực và nhiệt huyết để phục vụ lễ hội.

Viết bài luận về bản thân (khoảng 600 chữ) để thuyết phục Ban tổ chức lễ hội Tràng An tỉnh Ninh Bình đồng ý cho anh (chị) trở thành tình nguyện viên của lễ hội.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản thông tin. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0.5
	2	Mục đích của tác giả khi viết văn bản trên là gì? - Cung cấp thông tin về sự ra đời của bản Tuyên ngôn Độc lập. - Thể hiện lòng kính yêu, tưởng nhớ đối với chủ tịch Hồ Chí Minh. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0.25 điểm.	0.5
	3	Nhận xét về quá trình chuẩn bị và soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập”: Quá trình soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập” được tiến hành trong một thời gian dài, với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đầu tư công phu, thẩm định cẩn thận. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời chưa đủ ý: 0.5 điểm.	1.0
	4	- Bản “Tuyên ngôn Độc lập” có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. - Lí do: Bản Tuyên ngôn là văn kiện lịch sử đánh dấu sự ra đời chính thức của một chế độ, một chính phủ mới. Bản Tuyên ngôn còn là bản luận tội danh thép đối với kẻ thù, ngăn chặn và đập tan mọi âm mưu quay trở lại xâm chiếm nước ta của thực dân Pháp và các thế lực thù địch. Bản Tuyên ngôn cũng vinh danh nhân dân ta đã anh dũng đấu tranh để có được độc lập như ngày hôm nay. Đồng thời, nó cũng công bố rộng rãi cho nhân dân thế giới biết về sự ra đời của nước Việt Nam mới, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân hòa bình thế giới. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời như Đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời chưa đủ ý: 0.5 điểm.	1.0
	5	Học sinh tự do rút ra bài học, miễn là có ý nghĩa và liên quan đến nội dung văn bản đã cho ở phần Đọc hiểu. Tham khảo: Để có được đất nước như hôm nay, chúng ta cần phải ghi nhớ công ơn của các thế hệ đi trước. <i>Hướng dẫn chấm:</i>	1.0

		<p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 1.0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời chưa đủ ý: 0.5 điểm.</p>	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật thần thoại trong văn bản	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích, song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i></p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại được thể hiện trong văn bản.</p>	0,25
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <p>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Nhân vật có những hành động phi thường, kì lạ. Công việc của nhân vật là tạo ra ngày và đêm, nguyệt thực, nhật thực,... Nhân dân sáng tạo ra nhân vật và các chi tiết kì ảo nhằm dựng lên câu chuyện thần kì, giải thích những sự kiện, sự việc chưa thể giải thích theo cách thông thường</p> <p>- Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</p>	0,5
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Đặc điểm của nhân vật thần thoại được thể hiện trong văn bản trên.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p>	0,5
		<p><i>e. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
		<p><i>a. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	2	<p>Hàng năm, Ban tổ chức lễ hội Tràng An tỉnh Ninh Bình cần những tình nguyện viên đủ sức khỏe, năng lực và nhiệt huyết để phục vụ lễ hội.</p> <p>Viết bài luận về bản thân (khoảng 600 chữ) để thuyết phục</p>	4,0

	Ban tổ chức lễ hội Tràng An tỉnh Ninh Bình đồng ý cho Anh (Chị) trở thành tình nguyện viên của lễ hội.	
	<i>a. Xác định yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Bài luận về bản thân	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> giới thiệu về bản thân để thuyết phục Ban tổ chức lễ hội Tràng An – Ninh Bình đồng ý cho mình trở thành tình nguyện viên của lễ hội Tràng An.	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục 3 phần của bài luận. *Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: Một số gợi ý: - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Nêu mục đích của bài luận. + Điều kiện để trở thành thành viên tình nguyện viên của lễ hội (Sức khỏe, trình độ, ngoại ngữ...) + Năng lực bản thân trong việc đáp ứng các điều kiện của một tình nguyện viên của lễ hội Tràng An (Sức khỏe, trình độ, nhiệt huyết...) + Nguyên vọng của bản thân (Được công hiến, được tạo điều kiện làm việc, được tham gia các hoạt động...) + Cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của Ban tổ chức lễ hội. * Khẳng định lại mong muốn, nguyện vọng của bản thân và cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của Ban tổ chức lễ hội.	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: giới thiệu về bản thân để thuyết phục Ban tổ chức lễ hội Tràng An – Ninh Bình đồng ý cho mình trở thành tình nguyện viên của lễ hội Tràng An. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i>	0,5

	<p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,5 - 4,0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lý lẽ, bằng chứng phù hợp; diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 2,75 - 3,25 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt vụng về: 2,0 - 2,5 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; chưa thể hiện được quan điểm của người viết, ý lộn xộn; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 1 - 1,75 điểm</p> <p>- Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,25 - 0,75 điểm</p> <p>- Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm</p>	
Tổng điểm		10.0

ĐỀ SỐ 20

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

(1) Trong đời sống, ta thường thấy một hiện tượng xấu là lòng đố kị. Thấy ai có chút thành tích, kẻ đố kị cảm thấy khó chịu, đau khổ như mình bị mất mát điều gì, tiếp đó nảy sinh những phản ứng bệnh hoạn.

(2) Trong lớp, một học sinh có thành tích học tập giỏi, người có tính đố kị sẽ nói bóng gió là bạn ấy khéo làm thân với các thầy, các cô. Thấy bạn có bộ đồ mới hợp thời trang, người đố kị tìm cách dìm, bảo: “Báu gì, hàng thùng ấy mà!”. Thấy một đôi vợ chồng đẹp đôi, hạnh phúc, kẻ đố kị liền nói độc miệng: “Rồi xem, được bao lâu!”.

(3) Hiện tượng đố kị trong cuộc sống đã có từ xưa. Thời Tam quốc có danh tướng Đông Ngô là Chu Du, nổi tiếng thao lược nhưng lại có tính đố kị. Thấy Gia Cát Lượng tài ba, Du đã nhiều lần tìm cách chứng tỏ mình là người tài “đệ nhất thiên hạ”, nhưng lần nào cũng bị thua. Lòng đố kị còn khiến Chu Du tìm kế sách hãm hại Gia Cát Lượng, nhưng lần nào Lượng cũng đoán biết và thoát hiểm. Khi nhận ra tài trí của mình không bằng Gia Cát Lượng, Du đã ngửa mặt lên trời mà than: “Trời đã sinh Du, sao còn sinh

Lượng!”. Câu nói đó đã bộc lộ chân tướng của người đó kị: không chấp nhận thực tế người khác hơn mình.

(4) Lòng đố kị có thể gắn với sự hiếu thắng, một tâm lý muốn chứng tỏ mình không thua chúng kém bạn, thậm chí hơn người. Tính hiếu thắng có thể có tác dụng kích thích người ta phấn đấu, cạnh tranh vượt lên người khác, có ý nghĩa tiến bộ nhất định. Tâm lý đố kị ngược lại, chỉ là sự biến dạng của lòng hiếu thắng. Đố kị là tâm lý của kẻ thất bại. Động cơ kích thích phấn đấu giảm sút, mà ý muốn hạ thấp, hãm hại người khác để thỏa lòng ích kỷ tăng lên. Phân tích lòng đố kị, nhà triết học Hi Lạp cổ đại A-ri-xtốt đã nói: “Người đố kị sở dĩ cảm thấy dằn vặt đau đớn không chỉ vì cảm thấy mình thua kém mà còn vì phải nhìn thấy người khác thành công”. Nhà triết học đã chỉ ra thực chất kẻ đố kị là kẻ không muốn nhìn thấy người khác thành công.

(Phỏng theo Băng Sơn, dẫn theo *Ngữ văn 11 Nâng cao*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, trang 96 – 97)

Câu 1. Xác định luận điểm của đoạn (4).

Câu 2. Trong đoạn (3), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3. Theo anh/ chị, việc tác giả trích dẫn câu nói của nhà triết học Hi Lạp cổ đại A-ri-xtốt có tác dụng gì?

Câu 4: Tại sao tác giả cho rằng “đố kị là tâm lý của kẻ thất bại”?

Câu 5. Thông điệp nào trong văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về hậu quả của thói đố kị trong cuộc sống.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nét đặc sắc của đoạn trích sau:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;*

(Trích *Vội vàng* – Xuân Diệu, thivien.net)

Ghi chú:

Xuân Diệu (1916 - 1985) là nhà thơ “ mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh). Ông đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy tính sáng tạo. Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu, của mùa xuân và tuổi trẻ với giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thẩm thiết.

Bài thơ *Vội vàng* là bài thơ tiêu biểu của Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám, in trong tập “Thơ thơ” (năm 1938).

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Luận điểm của đoạn (4): đặc điểm của lòng đố kị (<i>Lòng đố kị có thể gắn với sự hiếu thắng, một tâm lí muốn chứng tỏ mình không thua chúng kém bạn, thậm chí hơn người.</i>)</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm 	0,5
	2	<p>Trong đoạn (3), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: chứng minh</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	0,5
	3	<p>Việc tác giả trích dẫn câu nói của nhà triết học Hi Lạp cổ đại A-ri-xtốt có tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự chặt chẽ, tăng sức thuyết phục, độ tin cậy cho lập luận, thể hiện sự hiểu biết của người viết về vấn đề nghị luận; - Nhấn mạnh nguyên nhân mà người đố kị cảm thấy đau đớn (vì bản thân thua kém và người khác thành công). Từ đó, khẳng định đặc điểm của người đố kị . <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS chỉ trả lời được 01 ý như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	1,0
	4	<p>Tác giả cho rằng “đố kị là tâm lí của kẻ thất bại” vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đố kị là luôn ganh ghét với người khác, cho rằng họ không bằng mình. - Trên thực tế, vì bản thân mình thua kém hoặc có tâm lí mình không bằng người khác nên mới đố kị, tìm cách hạ bệ họ. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời đủ 02 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 01 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: 0 điểm 	1,0
	5	HS có thể lựa chọn thông điệp có ý nghĩa nhất với	

		<p>bản thân nhưng cần đảm bảo các yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông điệp phải có trong đoạn trích; + Nêu được ý nghĩa của thông điệp đó với bản thân; + Giải thích lí do mạch lạc, hợp lí. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được thông điệp: 0,5 điểm - HS lí giải thuyết phục, hợp lí: 0,5 điểm 	1,0
II	Câu 1	VIẾT	
		<p>a. Xác định được yêu cầu của hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <p>Xác định được yêu cầu của hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ). Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, tổng – phân – hợp, móc xích, song hành.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Hậu quả của thói đồ kị trong cuộc sống</p>	0,25
		<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> — Sự đồ kị có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe thể chất và tinh thần: <ul style="list-style-type: none"> + Người có tính ganh ghét, đồ kị bao giờ cũng căng thẳng về tinh thần, tổn hại về sức khỏe. + Sự đồ kị có thể kéo theo các hành động mất kiểm soát, gây ra thù oán và các hành động phạm pháp. - Sự đồ kị phá hoại mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người. Vì ganh ghét, đồ kị mà hòa khí bị rạn nứt, sức mạnh đoàn kết của tập thể bị tổn thương. 	0,5
		<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý; - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,5
		<p>đ. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
		e. Sáng tạo:	0,25

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
Câu 2	<i>a. Xác định được yêu cầu kiểu bài:</i>	Nghị luận văn học	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i>	Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc của đoạn thơ.	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i>	<p>- Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, đoạn thơ.</p> <p>- Triển khai vấn đề</p> <p>+ Thiên nhiên hiện lên là một vườn xuân căng đầy nhựa sống, khu vườn ấy đang dâng sắc, tỏa hương, trao mật ngọt, tình tứ, quyến rũ.</p> <p>+ Tâm hồn thi nhân-chủ thể trữ tình như đang sung sướng, ngất ngây, hạnh phúc, như đang lạc bước xuống vườn đời, vườn tình yêu, vườn hạnh phúc.</p> <p>+ Nghệ thuật: Thể thơ tự do, giọng điệu vui tươi, hóm hỉnh, sử dụng nhiều điệp ngữ, điệp từ, so sánh mới mẻ, ẩn dụ, ...</p> <p>=> Đánh giá: Đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Diệu, thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha của nhà thơ</p>	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	<p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý;</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<i>đ. Diễn đạt</i>	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i>	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

..... Hết.....

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

“Lược phần đầu: Người nhà Dung đi nước ngoài, Dung sang ở với ông ngoại. Ban đầu Dung không hòa nhập được với cuộc sống mới, than thở với mẹ và người mẹ khuyên cố gắng chăm ông thay mẹ...”

Dung anh ách lái xe về nhà ngoại, cậu đi để lại chiếc Chaly màu xanh, Dung dùng đi học. Hồi sáng này, ông ngoại dắt xe ra đến cửa Dung hỏi:

- Ngoại định đi đâu
- Ông lên quận một chút.

Dung ngăn:

- Thôi, ngoại già rồi, không nên lái xe, có đi, con chở ông đi.

Ông tỏ vẻ giận, quảy quả vào nhà. Ôi, người già sao mà khổ đến vậy.

Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà. Thế giới của ông là mấy ông bạn già, là mấy chông nhọt báo, là cái radio đâu hồi còn đánh nhau, là trầm tư suy ngẫm, là mảnh sân hoa trái. Thế giới của Dung là tiếng nhạc gào thét xập sinh, là sắc màu xanh đỏ, là quả đất như nằm gọn trong bàn tay. Sáng nó dậy thật sớm để nấu cơm, sau đó đi học, chiều lại học, buổi tối nó vù xe đến bạn chơi hoặc về nhà nghe mấy đĩa em cãi nhau ôm tòi. Hai thế giới vừa giành giật vừa hoà tan nhau.

Mặc dầu Dung đang ở trong thế giới của ông, mà không biết mình đang chìm dần vào đấy...

Có những sự thay đổi Dung không thể ngờ được. Bây giờ mỗi đêm Dung trở mình nghe ông ngoại ho khúc khúc. Nghe cây mai nhỏ nứt mình, nảy chồi Dung nghiện hương trầm tối tối ông thấp lên bàn thờ bà ngoại. Lắm khi lũ em Dung sang, chúng nó phá phách quảy tung cả lên, Dung mắng, chúng nó trề môi "Chị hai khó như một bà già", Dung giật mình. Có lẽ quen với cái tĩnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, cái khoảng không xanh lục lồng trong khói bụi, đâu đó, trên tàng me già, dăm chú chim hót líu lo Dung quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạo lên phờng lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu. Chủ nhật Dung cầm củi lau chùi bên dàn karaoke phủ bụi, ông đứng lên nheo mắt:

- Sao con không hát, con hát rất hay mà.- Dung thoáng ngờ ngàng, nó hỏi:
- Ngoại có thích nghe không?

Rồi mở máy. Hôm ấy Dung rất vui, lần đầu tiên nó hát cho riêng ông nghe và quan trọng nhất là ông đã ngồi lại đấy, gật gù.

...

Hết mùa me dốt, ông cháu Dung nhật là mai đón Tết. Cậu gửi thư và quà về. Ông ôm chầm lấy thư bảo Dung.

- Con đọc ngoại nghe.

Dung đọc một lèo, lúc ngược lên đã thấy mắt ông đỏ rung. Ông đến bàn thờ bà, đốt nén hương, mùi trầm ngào ngạt, Dung hỏi:

- Ngoại thương cậu như vậy, sao không theo cậu?

Ông trều mếu:

- Ngoại muốn mỗi năm cùng con đón giao thừa và nghe con hát”.

(Ông ngoại, Nguyễn Ngọc Tư, Nhà xuất bản trẻ 2001.)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5(Trình bày ngắn gọn)

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong văn bản trên?

Câu 2. Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung?

Câu 3. Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 4. Dung là một cô bé như thế nào qua các chi tiết: *quen với cái tỉnh lặng trong sân mà mỗi chiều Dung giúp ông tưới cây, quen dáng ông ngoại với mái tóc bạc, với đôi mắt hờm, cái cằm vuông, quen mỗi tháng một lần cộc cạch lên phùng lương hưu. Có một điều Dung ngày càng nhận ra tiếng ho của ông ngày càng khô và rời rạc như lời kêu cứu.*

Câu 5.

Trong đoạn trích có một câu văn gợi suy ngẫm: " Thế nghĩa là có hai thế giới ở trong ngôi nhà". Trình bày một cách mà anh /chị cho là quan trọng nhất để gắn kết gia đình và rút ngắn " khoảng cách thế hệ " và lí giải vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả trong văn bản phần Đọc hiểu.

Câu 2.(4.0 điểm)

Viết bài luận về bản thân đề thuyết phục trường Đại học ở nước ngoài cấp học bổng du học cho anh/chị.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Người kể chuyện ở ngôi thứ 3 Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0.5
	2	Người kể chuyện chủ yếu đặt điểm nhìn ở Dung và điểm nhìn bên trong khi miêu tả sự thay đổi trong cảm xúc và nhận thức của Dung. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0.5
	3	Chủ đề của truyện:	1.0

	<p>- Qua quá trình rút ngắn khoảng cách thế hệ để thấu hiểu, yêu thương giữa Dung và ông ngoại, tác phẩm hướng tới đề cao những giá trị nhân văn truyền thống: Tình cảm gia đình, tinh thần trách nhiệm, biết sẻ chia, hi sinh</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Hs trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1.0 điểm</p> <p>- HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm</p> <p>- Hs không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.</p>	
4	<p>-Chi tiết trên cho thấy Dung là một người nhạy cảm, tinh tế</p> <p>- Đồng thời trưởng thành khi biết thấu hiểu, thương ông hơn; đã biết lo lắng, quan tâm đến sức khỏe của ông.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS trả lời đủ ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1.0 điểm</p> <p>- HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	1.0
5	<p>Học sinh có thể lựa chọn một trong những yếu tố sau và có lí giải phù hợp:</p> <p>- Thường xuyên trò chuyện, tâm sự, chia sẻ với nhau: Cha mẹ và con cái có thể dành thời gian trò chuyện, tâm sự với nhau vào mỗi bữa cơm, buổi tối trước khi đi ngủ.. Cha mẹ hãy lắng nghe con cái, chia sẻ với con về những niềm vui, nỗi buồn, những khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống. Con cái cũng hãy chia sẻ với cha mẹ về những sở thích, ước mơ, những suy nghĩ, tâm tư của mình.</p> <p>-Cùng nhau tham gia các hoạt động chung: Các thành viên trong gia đình có thể cùng nhau tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, đi du lịch.. Đây là cơ hội để các thành viên gắn kết, hiểu nhau hơn</p> <p>.-Tôn trọng lẫn nhau: Cha mẹ và con cái cần tôn trọng ý kiến, sở thích của nhau. Cha mẹ hãy tôn trọng những suy nghĩ, lựa chọn của con cái, dù con cái có thể chưa hoàn toàn đúng. Con cái cũng hãy tôn trọng những kinh nghiệm, lời khuyên của cha mẹ. Gia đình là tổ ấm, là nơi mỗi người cảm thấy bình yên và hạnh phúc nhất. Hãy cùng nhau nỗ lực để gắn kết gia đình, xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững</p> <p>.....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p>	1.0

		<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu quan điểm: phù hợp :0.5điểm - HS lí giải thuyết phục, hợp lí: 0,5 điểm - HS lí giải chưa thuyết phục: 0,25 điểm 	
II		VIẾT	6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm trong cách kể chuyện của văn bản	2.0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i></p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i></p> <p>Xác định đúng vấn đề nghị luận: đặc điểm trong cách kể chuyện của đoạn trích.</p>	0,25
		<p><i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Ngọc Tư được thể hiện qua những phương diện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Cốt truyện: Có cấu trúc điển hình của một truyện ngắn với cốt truyện đơn giản, thời gian ngắn, không gian nhỏ hẹp, xoay quanh cuộc sống đời thường, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. + Cách đặt nhan đề: mộc mạc hướng đến nhân vật, đề tài, góp phần thể hiện chủ đề. + Ngôi kể và điểm nhìn trong việc khắc họa nhân vật: <ul style="list-style-type: none"> ++ Ngôi kể thứ ba, người kể chuyện toàn tri cho phép người kể chuyện quan sát được tất cả các nhân vật. ++ Người kể chuyện nương theo điểm nhìn của nhân vật Dung, cả điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, qua ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm để khắc họa chân dung một bạn trẻ với tính cách, tâm lí, hành vi,... đúng với lứa tuổi mới lớn; khắc họa sự biến đổi từng ngày trong cảm xúc và nhận thức cho thấy quá trình trưởng thành của nhân vật Dung; song song đó là nhân vật người ông yêu thương cháu, quan tâm chăm sóc cháu, cố gắng hòa hợp với cháu. 	0,5
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. 	0,5

		- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Viết bài luận về bản thân để thuyết phục trường Đại học ở nước ngoài cấp học bổng du học cho anh/chị.	4.0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> - Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> giới thiệu về bản thân.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Mở bài: - Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết: - Mong muốn được nhận học bổng du học tại trường đại học nước ngoài. * Thân bài: - Giới thiệu khái quát về bản thân (tên, tuổi, lớp,...). - Bày tỏ nguyện vọng của bản thân: - Nêu ra những điểm mạnh của bản thân để có thể thuyết phục trường đại học nước ngoài - Cam kết thực hiện tốt và nghiêm chỉnh nội quy, yêu cầu của trường đại học đối với du học sinh. * Kết bài: - Khẳng định nguyện vọng, cam đoan về năng lực, trách nhiệm của bản thân trong quá trình học tập tại trường đại học. - Gửi lời cảm ơn tới trường đại học. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,0
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân.	1,5

	<p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Lưu ý: HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,0- 4,0 điểm.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lí lẽ, bằng chứng phù hợp; diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 2,25- 3,75 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lí lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt vụng về: 1,25- 2,0 điểm</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận; chưa thể hiện được quan điểm của người viết, ý lộn xộn; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lí lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 0,5- 1,0 điểm</p> <p>- Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,25-0,5 điểm</p> <p>- Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm</p>	
Tổng điểm		10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 21

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Có lần thần Đi-ô-ni-dốt hiện ra, cho vua Mi-đát được ước một điều. Mi-đát vốn tham lam nên nói ngay:

- Xin Thần cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng!

Thần Đi-ô-ni-dốt mỉm cười ưng thuận.

Vua Mi-đát thử bẻ một cành sồi, cành đó liền biến thành vàng. Vua ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng nốt. Tưởng không có ai trên đời sung sướng hơn thế nữa!

Bọn đầy tớ dọn thức ăn cho Mi-đát. Nhà vua sung sướng ngồi vào bàn. Và lúc đó ông mới biết mình đã xin một điều ước khủng khiếp. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng. Mi-đát bụng đói còn cào, chịu không nổi, liền chấp tay cầu khẩn:

- Xin Thần tha tội cho tôi! Xin Người lấy lại điều ước để cho tôi được sống!

Thần Đi-ô-ni-dốt liền hiện ra và phán:

- Nhà ngươi hãy đến sông Pác-tôn, nhúng mình vào dòng nước, phép màu sẽ biến mất và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham.

Mi-đát làm theo lời dạy của thần, quả nhiên thoát khỏi cái quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước. Lúc ấy, nhà vua mới hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.

(Điều ước của vua Mi-đát, trích Thần thoại Hi Lạp, Nhữ Thành dịch)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Nhân vật thần thoại trong văn bản trên là ai?

Câu 2. Vua Mi-đát đã xin thần Đi-ô-ni-dốt điều gì?

Câu 3. Tìm ít nhất 2 chi tiết thể hiện nhân vật thần thoại có năng lực siêu nhiên. Theo anh/chị, tác dụng của chi tiết này đối với văn bản là gì?

Câu 4. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm của người dân Hi Lạp xưa: “Hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam” không? Vì sao?

Câu 5. Từ văn bản thần thoại trên, theo anh chị làm thế nào để chế ngự được lòng tham?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Đăm Săn rung khiên múa. Một lần xốc tới chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây. Còn Mtao Mxây thì bước thấp bước cao, chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hắn vung dao chém phập một cái, nhưng chỉ vừa trúng một cái chảo cột trâu.

Đăm Săn – Sao ngươi lại chém cái chảo cột trâu? Còn khoeo chân ta, ngươi dành làm gì?

Đến lúc này, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trâu. Nhưng Đăm Săn đã đón được miếng trâu. Chàng nhai trâu, sức chàng tăng lên gấp bội.

Đăm Săn – Bớ diêng, bây giờ ngươi lại chạy, ta đuổi coi!

Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lằn lốc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kên. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Cây giáo thần, cây giáo dính đầy những oan hồn của chàng nhằm đuổi Mtao Mxây phóng tới, trúng nhưng không thủng. Chàng đâm vào người Mtao Mxây cũng không thủng.

Đến lúc này Đăm Săn đã thấm mệt. Chàng vừa chạy vừa ngủ, mộng thấy ông Trời.

Đăm Săn - Ôi chao, chết mất thôi ông ơi! Cháu đâm mãi mà không thủng hần!

Ông Trời - Thế ư, cháu? Vậy thì cháu hãy lấy một cái chày mòn ném vào vành tai hần là được.

Đăm Săn bừng tỉnh, chop ngay một cái chày mòn, ném trúng vành tai kẻ địch. Cái giáp của Mtao Mxây tức thì rơi loảng xoảng.

(Trích *Đăm Săn*- sử thi Ê-đê, NGUYỄN HỮU THÁU dịch, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích đoạn trích trên để làm rõ nét nghệ thuật tiêu biểu thường sử dụng để miêu tả người anh hùng trong sử thi.

Câu 2: (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý kiến sau: “*Lao động là đôi cánh của ước mơ, là cội nguồn của niềm vui và sáng tạo*”.

----Hết----ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Hướng dẫn chấm: Nhân vật thần thoại trong văn bản trên là: thần Đi-ô-ni-dốt - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Vua Mi-đát xin thần Đi-ô-ni-dốt làm cho mọi vật mình chạm vào đều biến thành vàng. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	3	- Nêu 2 chi tiết thể hiện nhân vật thần thoại có năng lực siêu nhiên: + Thần Đi-ô-ni-dốt ban cho vua Mi-đát điều ước + Cành sồi biến thành vàng; quả táo biến thành vàng + Thức ăn, thức uống biến thành vàng + Dòng nước sông Pác-tôn - Tác dụng của chi tiết đối với văn bản: Thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện; tạo nên sự li kì hấp dẫn cho câu chuyện; đây chính là "sức mạnh" của các vị thần, chi tiết còn thể hiện trí tưởng tượng kì diệu của người cổ đại. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời 1 chi tiết thần kì và tác dụng của chi tiết thần kì : 0,75 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt	1,0

		<p><i>chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,5 điểm.</i></p> <p><i>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</i></p>	
	4	<p>HS trình bày quan điểm cá nhân. Sau đây là gợi ý: Quan điểm: “Hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam” Đồng tình. Vì: + Hạnh phúc là phạm trù tinh thần, vàng bạc là phạm trù vật chất. Dù cuộc sống tinh thần của con người có được một phần nhờ vào sự đầy đủ của vật chất nhưng tham lam vô độ chỉ khiến con người rơi vào bi kịch. + Ước muốn cao đẹp, sống hết mình vì đam mê chính đáng mới đem lại hạnh phúc. + Tham lam vô độ không thể đạt được hạnh phúc. Hướng dẫn chấm: <i>- Học sinh nêu quan điểm: 0.25 điểm.</i> <i>- Học sinh có lý giải hợp lý, thuyết phục: 0.75</i> <i>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt hoặc còn thiếu ý: 0,5 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</i></p>	1,0
	5	<p>HS trình bày giải pháp - Gợi ý: Khắc phục ham muốn của mình bằng việc làm tích cực trong lao động; nâng cao nhận thức của bản thân để biết thế nào là đủ... Hướng dẫn chấm: <i>- Học sinh trả lời đúng 02 giải pháp trở lên: 0.5 điểm.</i> <i>- Học sinh trả lời 01 giải pháp : 0.25</i></p>	1,0
II		VIẾT	6.0
		Câu 1: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích đoạn trích trên để làm rõ nét nghệ thuật tiêu biểu thường sử dụng để miêu tả người anh hùng trong sử thi.	
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân- hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nghệ thuật tiêu biểu thường sử dụng để miêu tả người anh hùng trong sử thi thể hiện qua đoạn trích sử thi <i>Đăm Săn</i> .	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận <i>- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận,</i>	0,5

	<p>sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ: <ul style="list-style-type: none"> + Phép so sánh: Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc; + Phóng đại: Một lần xóc tới chàng vượt một đôi tranh. Một lần xóc tới, chàng vượt một đôi lò ô; chồi lăm đổ lẩn lóc, cây cối chết rụi quả núi ba lần rạn nứt, ba đôi tranh bật rẽ bay tung. + Phép điệp câu trúc: <i>Một lần xóc tới, ...; Khi chàng múa....</i> - Tác dụng của các phép tu từ: <ul style="list-style-type: none"> + Nhấn mạnh, ca ngợi sức mạnh và tài năng phi thường của Đăm Săn trong cuộc đấu với kẻ thù để đem lại hạnh phúc gia đình và dân làng. + Thể hiện cái nhìn ngưỡng mộ, sự ca ngợi của tác giả dân gian với người anh hùng Đăm Săn. + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, tạo giọng điệu hào hùng cho đoạn trích sử thi. 	
	<p>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau : Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: nghệ thuật tiêu biểu thường sử dụng để miêu tả người anh hùng trong sử thi thể hiện qua đoạn trích sử thi <i>Đăm Săn</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	0,5
	<p>đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
	<p>Câu 2: Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý kiến sau: <i>“Lao động là đôi cánh của ước mơ, là cội nguồn của niềm vui và sáng tạo”</i>.</p>	4.0
	<p>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</p> <p>Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ý nghĩa của việc lao động cần cù, chăm chỉ: <i>“Lao động là đôi cánh của ước mơ, là cội nguồn của niềm vui và sáng tạo”</i>.</p>	0,5
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</p> <p>Xác định được các ý chính của bài viết</p>	1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: - Lao động: quá trình làm việc tạo ra của cải vật chất phục vụ cuộc sống của mỗi con người và góp phần làm cho xã hội thêm giàu đẹp hơn. Câu nói mang ý nghĩa khuyên nhủ con người hãy tích cực lao động, làm việc chăm chỉ để thực hiện những ước mơ, mục tiêu mà bản thân mình đề ra. Có lao động, con người ta mới có niềm vui, thúc đẩy sự sáng tạo → đề cao vai trò, tầm quan trọng của lao động. - Con người không thể sống mà cứ ngồi im một chỗ và không làm gì. Chỉ khi chúng ta làm việc, lao động mới tạo ra tiền của phục vụ đời sống và những nhu cầu của bản thân. - Lao động còn giúp cho xã hội này phát triển hơn, hiện đại hơn và đời sống của con người trở nên dễ dàng và nhàn hạ hơn. - Khi lao động, con người sẽ rút ra được những bài học cho riêng bản thân mình từ đó sẽ có sự sáng tạo, tư duy mới mẻ hơn, mở mang tầm hiểu biết. - Việc tích cực lao động sẽ tạo ra thành quả riêng cho mỗi con người đồng thời cũng là thước đo đánh giá con người vô cùng chính xác. 	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách</p>	0,5

	diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, bằng chứng thuyết phục; diễn đạt mới mẻ: 3,5 -4,0 điểm . - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý tương đối hợp lý; lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa chặt chẽ, có lý lẽ, bằng chứng phù hợp; diễn đạt đảm bảo yêu cầu: 2,25- 3,0 điểm - Xác định đúng vấn đề nghị luận; thể hiện được quan điểm của người viết, sắp xếp các ý chưa hợp lý; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt vụng về: 1,25- 2,0 điểm - Xác định đúng vấn đề nghị luận; chưa thể hiện được quan điểm của người viết, ý lộn xộn; chưa vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề; lập luận chưa rõ ràng, lý lẽ vụng về, bằng chứng chưa phù hợp; diễn đạt yếu: 0,5- 1,0 điểm - Bài viết lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,25-0,75 điểm - Không làm bài/làm lạc đề: không cho điểm	
Tổng điểm		10,0

..... Hết.....

ĐỀ SỐ 22

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

THƯ CHO VƯƠNG THÔNG (1)

Thư bảo cho tổng binh người biết. Cổ nhân có nói: “Giặc đến lúc cùng, chó nên đuổi bức” (2). Nay ta định đem ba bốn mươi vạn quân vây bốn thành của người, chỉ e chim cùng thì mổ, thú cùng thì vồ, cho nên ta không đem quân toàn thắng cùng quân tất tử để tranh thắng với bọn trẻ con vậy. Tuy nhiên, dù tiểu địch giữ vững, vẫn bị đại địch bắt được (3). Kể lấy sức nặng ngàn cân đè lên trứng chim, thì chưa hề có trứng nào không vỡ nát. Cái chuyện đánh thành hãy gác một bên. Hoặc giả buông lỏng cho bè lũ người, không để ý đến, ta hãy cời giáp nghỉ binh, vỗ nuôi sĩ tốt, vờ đón hiền giả, thu dụng nhân tài, sửa sang khí giới, luyện tập binh tượng, dạy cho những phương pháp ngồi, dậy, tiến lui, lại lấy nhân nghĩa mà hun đúc, khiến ai ai cũng hết lòng thành, thân

với kẻ trên, chết cho người trưởng, lấy đấy mà ứng phó với kẻ địch, kẻ nào theo ta sẽ sống, kẻ nào trái ta sẽ chết, phàm ta trông cậy là thế mà thôi.

Một ngày kia việc nước người hơi thư, lòng tham lại mồng, hoặc lại đem ba bốn vạn quân sang, thì ta đối phó thực ung dung lắm. Đến như bọn người, không đánh mà bị bắt thì chẳng phải nói nữa! Trong hai chước đó, ý ta chưa quyết chước nào. Không biết các ông có cho việc ta không để ý đến là thượng sách chăng? Xin các ông lui mà chỉ giáo cho, thực là may lắm.

(Theo Nguyễn Trãi toàn tập, Phần Quân trung từ mệnh tập, NXB Khoa học xã hội; Hà Nội; 1976, tr.73)

Chú thích:

(1) *Vương Thông*: Vương Thông (?-1452), người Hồ Bắc, Trung Quốc. Từng làm tướng nhà Minh, là tổng binh quân Minh tại Đại Việt.

(2) *Sách Tôn Tử* có câu “Cùng khẩu vật truy” (giặc đã đến lúc cùng, thì chó nên đuổi theo). Ý nói e chúng quay lại đánh liều.

(3) Câu này ở thiên “Mưu công” của *Tôn Tử* là: “Tiểu địch chi kiên, đại địch chi cảm”, ý nói kẻ yếu nhỏ không lượng sức mà địch với kẻ mạnh lớn, dù cố giữ vững thế nào, kết cục sau vẫn bị kẻ mạnh lớn đánh bắt được.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2: Thái độ của Nguyễn Trãi với quân Minh được thể hiện qua văn bản như thế nào?

Câu 3: Mục đích của Nguyễn Trãi khi viết văn bản trên là gì?

Câu 4: Văn bản trên thể hiện những nét đặc trưng về nghệ thuật của văn nghị luận Nguyễn Trãi như thế nào?

Câu 5: Theo anh/chị, văn bản trên có những nét đặc sắc nào về nghệ thuật?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

Câu 2. (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

ĐÁ TRỎ BÔNG

[...]Nắng hệt một chảo mật nấu sôi, và những con người bé nhỏ ngụp lặn trong ấy chín như, mặt mày đỏ lựng. Thỉnh thoảng Khờ dừng lại để chờ tôi lúc này hồng hộc thở, bước từng bậc đá bằng đôi chân không biết của ai. Dù nó đã lên xuống núi mười bảy lần trong ngày, gánh nước uống cho chục ngoài hộ dân sống trên ấy. Hỡi Khờ sắp tới nơi chưa, nó kêu xiu nữa. Chữ “xiu” không làm tôi mừng, vì biết mình còn trèo nhiều dốc đá mới chạm chân đỉnh núi trọc bon không cây cối.

“Đám đá này moi một trở bông”, Khờ nói.

Năm Khờ chín tuổi, mẹ dắt nó lên ngọn núi Trời này, bảo ngồi đó đợi đá trở bông mẹ lên đón. Rồi bà mẹ trẻ xuống núi, biệt dạng. Chị chủ quán nước ngay bên sườn núi vẫn còn nhớ gương mặt cô gái đó, “trẻ măng, đem con đi bỏ mà mặt tỉnh bơ, trững giờn với mấy thằng kiếm củi”. Chắc là sớm làm mẹ đơn thân, không mang vác nỗi thằng nhỏ khờ cắm đặt đâu ngồi đó. Chắc là ngủ quên trên cỏ rồi để Khờ, như những bà mẹ Việt cổ xưa vẫn cần bầu nhờ uống nước trong gáo dừa, uớm chân vào dẫu chân lạ.

Thằng nhỏ từng có cái tên tử tế, nhưng người xóm núi quên mất rồi. Nói cho cùng, làm gì có tên nào hợp với nó, bằng tên Khờ. Trong thân xác thằng con trai sắp ba mươi, là một trí khôn của trẻ con năm bảy tuổi. Thời gian không làm mai một cái niềm tin rồi đá trở bông, mẹ đón về.

Sống nhờ chén cơm của cư dân triền núi, nhưng Khờ chưa bao giờ làm họ tiếc vì đã nuôi dưỡng mình. Nhờ chi thằng nhỏ cũng làm, và nặng nhọc cỡ nào cũng không than vãn. Mưa nó đi cọ rửa những bậc đá đóng rêu, che giúp mái nhà ai đó, công bà Chín Sầu Đâu đi hốt thuốc nam chữa đau khớp, đón thằng Đen kẹt ở trường trong giông gió. Hạn qua nó kiếm củi phơi khô chất đầy miếu hoang, cả xóm xài mứt mùa không hết. Mùa khô nào họ cũng uống nước mưa một tay Khờ gánh, từ ngôi chùa gần chân núi Xanh.

Suốt ba chục năm, duy nhất một lần Khờ rời núi chừng tuần lễ. Nó bị sét đánh. Cái đầu trọc của núi mà nó đang chặn giữ, không hiểu sao hay bị sét xuống thăm, đến cây cối không mọc nổi. Bữa đó giông khô, Khờ lom khom gom mớ thuốc nam chùa gửi phơi, thì bị sét quật lặn ra, tóc cháy xém. Câu đầu tiên nó nói khi tỉnh dậy, “đá trở bông chưa?”

Tới ông trời còn không búng thằng Khờ ra khỏi mớ đá đó, người núi Xanh nói. Đúng lúc Khờ lại thêm một lượt gánh nữa ngang qua chỗ quán nước tôi ngồi cùng mấy bà trong xóm, nhe răng cười. [...]

Hỏi mẹ Khờ có từng quay lại không, người núi Xanh nói biết đâu, giờ nhiều du khách lên đây, mặt mũi ai cũng dáo dác như ai, nhớ sao nỗi người phụ nữ mấy chục năm về trước. Thằng nhỏ hay bị du khách ghẹo, họ xưng mẹ nè con, mau về với mẹ. “Mẹ tui nói chừng đá trở bông mới lên đón, giờ có trở xiu nào đâu”, Khờ nói. Chỉ một lời dối ầu ơ, nhưng với bộ não ngờ nghệch của Khờ, đã thành một thứ dây trói bền dai, buộc nó mãi trên đỉnh núi.

Mẹ Khờ có ở đây, chắc gì lay chuyển được nó, đá chưa nở bông nào.

Dân núi Xanh có lần hối tiếc, khi xúm nhau thuyết phục Khờ, rằng đám đá đó đâu thể trở bông được, sét đánh quá chừng mà, nhìn thì biết, tới cỏ còn không mọc nổi. Khờ nói luôn, vậy mấy cục đá không bị trời đánh thế nào cũng có bông. Từ bữa đó nó leo trèo khắp núi. Lo bông đá đang trở ở hang hốc nào đó, nơi nó chưa mò tới. Còn cả xóm thì pháp phủng sợ nó trượt chân [...]

(Trích *Đá trở bông* in trong tập *Hành lý hư vô*; Nguyễn Ngọc Tư; Nhà xuất bản Trẻ; 2019)

Giới thiệu: Nguyễn Ngọc Tư là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Âm thầm đến với văn chương và bừng sáng khi được nhận giải Nhất cuộc thi Văn học tuổi 20 của NXB Trẻ, Nguyễn Ngọc Tư đã trở thành tâm điểm của sự hy vọng vào một nền

văn trẻ đương đại. Các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư luôn cuốn hút độc giả bằng lối kể chuyện đậm màu sắc phương Nam, giản dị, gần gũi, nơi người ta tìm thấy cái nhìn sâu sắc, bao dung hơn cho những phận người.

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nét đặc sắc về chủ đề và nhân vật trong tác phẩm trên.

-----Hết -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Thể loại: Văn nghị luận</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	0,5
	2	<p>Thái độ của Nguyễn Trãi với quân Minh được thể hiện qua văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Khéo léo phân tích lẽ thiệt hơn cho quân giặc - Kiên quyết khi chỉ ra kết cục thất bại của chúng khi xâm phạm đất nước ta. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	0,5
	3	<p>Mục đích của Nguyễn Trãi khi viết văn bản trên: Nhằm mở đường cho kẻ thù đầu hàng, rút quân về nước, chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình độc lập cho dân tộc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,5 điểm - Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	1,0
	4	<p>Văn bản trên thể hiện rõ nhất những nét đặc trưng về nghệ thuật của văn nghị luận Nguyễn Trãi: Sự kết hợp tài tình giữa tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa vì dân với nghệ thuật viết văn luận chiến bậc thầy.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,5 điểm - Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm 	1,0
	5	<p>Nét đặc sắc về nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, logic, giàu sức thuyết phục. 	1,0

		<p>- Cập nhật tình hình thời sự, chiến sự (khi giặc đang cố thủ ở thành Đông Quan, bị quân ta bao vây, sắp thất thủ),</p> <p>- Sự kết hợp giữa lí lẽ sắc bén với dẫn chứng xác đáng, cách lập luận và bố cục chặt chẽ; ngôn ngữ hàm súc, kết hợp nhiều phong cách ngôn ngữ và nhiều phương thức biểu đạt, giọng điệu truyền cảm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm</p> <p>- HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	
II		VIẾT	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.	2,0
		<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.</i></p>	0,25
		<p><i>c. Triển khai phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> Gợi ý: Hòa bình có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi thế giới sống trong hòa bình thì sẽ ra sao? + Tinh thần yên ổn, sống thoải mái... + Mọi người an cư lạc nghiệp, đất nước ngày càng phát triển về mọi mặt. - Khi thế giới không có hòa bình thì sẽ như thế nào? + Tiếng bom đạn sẽ vang lên khắp mọi nơi khiến cho loài người sẽ đến bên bờ vực của sự chết chóc, mất mát và đau thương. + Con người sẽ không thể an cư lạc nghiệp, phát triển kinh tế xã hội. Từ đó dẫn đến đất nước sẽ không thể phát triển. + Những tệ nạn xã hội sẽ diễn ra khắp mọi nơi, nạn cướp bóc hoành hành. <p>.....</p>	0,5
		<p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ các đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng 	0,5
		<p><i>e. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết</p>	0,25

		câu trong đoạn văn.	
		<i>f. Sáng tạo</i> <i>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ</i>	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá nét đặc sắc về chủ đề và nhân vật trong tác phẩm Đá trở bông của Nguyễn Ngọc Tư.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận văn học.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> giới thiệu những nét đặc sắc về chủ đề và nhân vật trong tác phẩm Đá trở bông của Nguyễn Ngọc Tư.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * <i>Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn văn</i> - Nguyễn Ngọc Tư là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Âm thầm đến với văn chương và bừng sáng khi được nhận giải Nhất cuộc thi Văn học tuổi 20 của NXB Trẻ, Nguyễn Ngọc Tư đã trở thành tâm điểm của sự hy vọng vào một nền văn trẻ đương đại. Chị đã tiếp tục có những cú nhảy ngoạn mục trên chặng đường văn cùng những tác phẩm được giới chuyên môn đánh giá cao với lối kể chuyện đậm màu sắc phương Nam, giản dị, gần gũi, nơi người ta tìm thấy cái nhìn sâu sắc, bao dung hơn cho những phận người. - Truyện ngắn <i>Đá trở bông</i> trích trong tập truyện <i>Hành lý hư vô</i> là một câu chuyện ngắn gọn, dung dị nhưng chứa đựng ý nghĩa sâu sắc. Câu chuyện thật sự hấp dẫn bởi chủ đề tư tưởng và nhân vật chàng Khờ. * <i>Đặc sắc về chủ đề:</i> Truyện ngắn <i>Đá trở bông</i> tập trung vào câu chuyện cuộc đời, số phận của chàng trai tên Khờ bị mẹ bỏ rơi ở nơi xóm núi. Khờ lớn lên trong sự cưu mang, đùm bọc của người dân nơi đây và luôn tin rằng khi nào đá trở bông thì mẹ sẽ về đón mình. Trong cuộc sống dù Khờ ngờ ngợ nghịch nhưng cậu luôn biết ơn với những người dân đã từng cứu giúp mình bằng rất nhiều việc làm có ý nghĩa. Từ nội dung câu chuyện, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư muốn chuyển tải đến người đọc chủ đề: Khao khát tình thân và bài học về lòng biết ơn với những người đã trợ giúp mình trong cuộc sống. * <i>Đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật:</i> - Phân tích nhân vật tiêu biểu và mối quan hệ giữa các nhân vật + Nhân vật chính: Chàng Khờ (Cuộc đời: bất hạnh, đáng thương;	1,0

	<p>Tính cách: ngờ nghệch, ngốc nghếch; Vẻ đẹp tâm hồn: tốt bụng, nhiệt tình..)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khờ trong mối quan hệ với người mẹ: là đứa con ngây ngô, tin vào lời nói dối của mẹ, chưa khi nào Khờ oán trách mẹ. - Với những người dân vùng xóm núi: Khờ luôn quan tâm, nhiệt tình làm mọi việc giúp họ - Vai trò của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của truyện <p>+ Nhân vật chàng Khờ trong câu chuyện đã ngời sáng lên niềm khát khao tình thân: Khờ luôn khao khát đá trở bông để hi vọng mẹ sẽ trở về, để được một lần sống trong tình yêu thương của mẹ. Dù Khờ ngốc nghếch không biết việc đá sẽ không thể trở bông nhưng chỉ cần nghĩ đến việc đó trong Khờ vẫn tràn đầy niềm hi vọng. Có thể nhận thấy rằng đó chính là động lực là niềm tin để Khờ hi vọng, chờ đợi. Khát khao tình mẹ sẽ giúp Khờ có thể sống tốt, sống mạnh mẽ hơn.</p> <p>+ Cách ứng xử của Khờ với những người dân đã từng cướp mang, yêu thương mình đã thể hiện được chủ đề của truyện: Hãy luôn biết ơn, tri ân với những người đã trợ giúp cho mình trong cuộc sống khó khăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chủ đề và ý nghĩa của nhân vật - Đánh giá chủ đề: <p>+ Câu chuyện ngắn gọn, giản dị nhưng mang lại dư vị ngọt ngào về sức mạnh của niềm tin và cách ứng xử của Khờ - chàng trai ngốc nghếch, bất hạnh.</p> <p>+ Truyện ngắn gieo vào lòng người đọc bài học về việc trân quý những gì đang có trong hiện tại để biết sống, biết yêu, biết hướng đến những điều tốt đẹp.</p>	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>e. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>f. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....
ĐỀ SỐ 23

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Giới thiệu: *Lưu Bình Dương Lễ* là vở chèo nổi tiếng có nội dung như sau: Dương Lễ và Lưu Bình là hai người bạn thân từ thuở thiếu thời. Hai người cùng dùi mài kinh sử và cùng đi thi, nhưng chỉ Dương Lễ đỗ đạt. Lưu Bình sinh ra buồn chán. Dương Lễ muốn giúp bạn thi lại, nên đã dùng kế khích tướng, ngoài mặt tỏ ra khinh bỉ Lưu Bình, nhưng bên trong bí mật sai vợ của mình là Châu Long đi theo giúp Lưu Bình để chàng có thời gian và tiền bạc để ôn thi. Năm đó Lưu Bình đỗ làm quan. Dương Lễ cho mời Lưu Bình đến chơi. Trong buổi gặp mặt này, Lưu Bình mới biết Châu Long là vợ của Dương Lễ. Lưu Bình vô cùng cảm động và kính phục trước tấm lòng của hai người dành cho mình.

(Cảnh tại tư dinh của Dương Lễ)

Dương Lễ chia tay, nhắc nhở người vợ là Châu Long trước khi nàng đi làm một nhiệm vụ cao cả là nuôi bạn mình ăn học)

DƯƠNG LỄ (nói thơ):

Châu Long nàng ơi !

Tạm biệt nàng ta có vật này trao tặng

Đây là tấm gương tư mã của Từ Thân,

Để ngày ngày nàng vẫn tóc soi gương

Tưởng như ta vẫn soi chung với nàng

CHÂU LONG: *Thiếp xin giữ lòng thiếp, như tấm gương này sáng mãi không mờ chút bụi.*

DƯƠNG LỄ: *Em ơi! Cháp kinh em phải biết tòng quyền*

CHÂU LONG:

Chàng ơi! Em bước chân đi nguyện có Hoàng Thiên

Quyết em chẳng dám thay lòng đổi dạ

Tưởng những lúc mặn nồng hương lửa

Má kẻ gồi tựa nay phút bỗng phải biệt li

DƯƠNG LỄ:

Anh nay thương bạn sẽ chia no đôi

Em bước chân đi

Chớ ngại cát lăm

Đừng than khóc ruột tằm anh nay thêm rối

Sầu tình ngán nỗi chia đôi lối đành lòng sao

Chẳng đoái đến bạn hiền

CHÂU LONG:

Em chẳng dám quên

Những phiên đôi lứa tưởng những lúc

Chiều đông tựa cửa ngao ngán thay

Cảnh vợ xa chồng

Hết hạ sang Đông

Lẻ loi cô phòng
 Tuổi xuân mòn mỏi
 Rày ngóng mai trông
 Trăm năm chút nghĩa đèo bông
 Xa xôi ai có thấu lòng chẳng ai.

DƯƠNG LỄ:

Chia tay đôi ngả xa nhau đôi nơi
 Xa tiếng xa người
 Lệ sầu đầy vơi
 Dứt áo ly biệt, anh đây chúc nàng hòa vui
 Kể sao xiết nỗi ngậm ngùi
 Khuyên nàng ghi nhớ lấy lời chấp kinh

CHÂU LONG:

Dặm trường thân gái một mình
 Mối sầu sè nửa, gánh tình chia hai

DƯƠNG LỄ:

Ngõ trúc quanh hình bóng ai đã khuất
 Luống băng khuâng như mắt lạng vàng

(Trích vở chèo *Lưu Bình Dương Lễ*, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1976, Tr. 107)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

Câu 2. Đề tài chính mà đoạn trích trên đề cập đến là gì?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói của Dương Lễ đối với Châu Long: *Kể sao xiết nỗi ngậm ngùi/ Khuyên nàng ghi nhớ lấy lời chấp kinh* ?

Câu 4. Qua việc Dương Lễ để vợ mình là Châu Long đi nuôi bạn ăn học, anh/chị có nhận xét gì về con người của Dương Lễ?

Câu 5. Anh/chị có đồng tình với hành động của Dương Lễ khi để vợ mình là Châu Long đi nuôi bạn ăn học không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận nét đặc sắc nghệ thuật của trích đoạn chèo *Lưu Bình Dương Lễ* ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự cần thiết phải có khả năng thích nghi trước sự thay đổi của hoàn cảnh.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật chính trong đoạn trích là Dương Lễ và Châu Long	0,5

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	
	2	Đề tài chính được đề cập trong đoạn trích: đạo đức, tình yêu Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	3	Câu nói của Dương Lễ đối với Châu Long: <i>Kể sao xiết nỗi ngậm ngùi/ Khuyên nàng ghi nhớ lấy lời chấp kinh có thể hiểu: Dương Lễ muốn nhắc nhở Châu Long hãy luôn giữ trọn tấm lòng chung thủy, giữ trọn đạo vợ chồng, không thay lòng đổi dạ.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,5 điểm - Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	4	Qua việc Dương Lễ để vợ mình là Châu Long đi nuôi bạn ăn học, ta thấy Dương Lễ là một con người cao thượng, rất quý trọng và yêu thương bạn của mình; đồng thời cũng là con người thấu hiểu, có niềm tin vào vợ của mình là Châu Long. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được $\frac{1}{2}$ đáp án : 0,5 điểm - Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	5	- Hs nêu quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình. - Hs lí giải hợp lí, thuyết phục bảo vệ ý kiến của bản thân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được quan điểm của bản thân: 0,25 điểm - Lí giải hợp lý, thuyết phục bảo vệ ý kiến của bản thân: 0,75 điểm - Học sinh trả lời phân lý giải còn chung chung: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sơ sài : 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
II		VIẾT	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận nét đặc sắc nghệ thuật của trích đoạn chèo <i>Lưu Bình Dương Lễ</i> ở phần Đọc hiểu.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn	0,25

	Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân -hợp, móc xích hoặc song hành.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nét đặc sắc nghệ thuật của trích đoạn chèo Lưu Bình Dương Lễ</i>	0,25
	<i>c. Triển khai phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> <i>Gợi ý:</i> - Xây dựng tình huống: Tình huống chính của đoạn trích là cảnh chia tay giữa Dương Lễ và Châu Long. Tình huống này đã giúp thể hiện được tình cảm gắn bó mặn nồng của đôi vợ chồng trẻ đồng thời thể hiện phẩm chất cao đẹp của nhân vật. - Xây dựng nhân vật: Các nhân vật trong đoạn trích mang đặc trưng của nhân vật chèo, có tính cách nhất quán, không thay đổi: + Dương Lễ là một con người cao thượng, sống có tình nghĩa với bạn bè. Dương Lễ cũng là một người chồng hết lòng yêu thương vợ, điều này được thể hiện ở sự quyến luyến của chàng trong cuộc chia tay với Châu Long. + Châu Long là một người phụ nữ yêu thương chồng hết mực: Vì chồng, nàng không quản ngại khó khăn, sẵn sàng nhận trách nhiệm đi nuôi bạn chồng ăn học. - Lời thoại: Lời thoại của đoạn trích mang đặc trưng của lời thoại chèo, có kết hợp giữa nói và hát, lời thoại có vần điệu như thơ. Lời thoại trong đoạn trích đã góp phần bộc lộ nội tâm và tính cách nhân vật, giúp chúng ta hiểu được tình cảm vợ chồng sâu nặng, cũng như nhân cách cao đẹp của đôi vợ chồng Lưu Bình và Dương Lễ.	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ các đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng	0,5
	<i>e. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>f. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về sự cần	4,0

	thiết phải có khả năng thích nghi trước sự thay đổi của hoàn cảnh.	
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> sự cần thiết phải có khả năng thích nghi trước hoàn cảnh.	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích vấn đề nghị luận: Thích nghi là quen dần, phù hợp với điều kiện mới nhờ sự biến đổi, điều chỉnh nhất định. - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Khả năng thích nghi giúp con người bắt kịp với những đổi thay nhanh chóng của thời đại, không trở nên lạc hậu, nhất là trong thời đại ngày nay. + Khả năng thích nghi giúp chúng ta trở nên chủ động điều chỉnh bản thân, làm chủ cuộc sống, không bị lệ thuộc vào người khác. + Thích nghi giúp con người không sợ hãi trước khó khăn thử thách, luôn thích ứng xử lý tốt trước mọi tình huống + Người thích nghi là người luôn sẵn sàng học hỏi cái mới, biết nắm bắt những cơ hội để phát triển bản thân. - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. * Khẳng định lại quan điểm đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	1,0
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	<i>e. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết	0,25

	văn bản.	
	f. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....

ĐỀ SỐ 24

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Văng vẳng tai nghe tiếng chích choè,
Lặng đi kéo động khách lòng quê.
Nước non có tớ càng vui vẻ,
Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê?
Quyên đã gọi hè quang quác quác,
Gà từng gáy sáng tẻ tẻ te.
Lại còn giục giã về hay ở?
Đôi gót phong trần vẫn khoẻ khoe.*

(Trích: *Về hay ở*, Nguyễn Khuyến, in trong *Nguyễn Khuyến – Tác phẩm*, Nguyễn Văn Huyền tuyển chọn, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2002)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra các chữ có tác dụng hiệp vần trong văn bản?

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của từ láy tượng thanh được sử dụng trong văn bản?

Câu 4. Văn bản thể hiện tâm sự gì của nhân vật trữ tình?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Đăm Di trong văn bản sau:

(Tóm tắt: Bố mẹ Đăm Di sinh được 5 người con, bốn trai một gái, Đăm Di là con trưởng. Bốn người con trai đều tài giỏi, người con gái thì xinh đẹp vô cùng. Một hôm, Đăm Di kêu gọi thanh niên trai tráng trong làng cùng vào rừng sâu săn bắn. Mọi người đều đồng tình. Họ ra đi, để lại buôn làng cho người già, phụ nữ trông coi. Hơ Lát Giang là em trai út của Đăm Di, vì còn nhỏ nên không được đi theo. Trong lúc họ đi vắng, Y Hủ và Y Jú – hai anh em xấu bụng và gian xảo, lười biếng đã xúi giục tên tù trưởng Ca Rơ Bú đến cướp làng của Đăm Di. Hơ Lát Giang tuy còn nhỏ nhưng đã anh dũng chống cự, giết được em trai của Ca Rơ Bú là Ca Rơ Mừng. Tuy vậy, cuối cùng, liệu không địch nổi kẻ thù, chàng đành bỏ trốn. Ca Rơ Bú bắt hết dân làng Đăm Di về làm nô lệ, cướp của, đốt nhà. Hơ Lát Giang trốn vào rừng sâu, tìm được Đăm Di và mọi người, kể lại

hết sự tình. Đăm Di liền dẫn mọi người liền trở về làng. Họ bắt tay vào việc khôi phục lại buôn làng, chuẩn bị lực lượng để chiến đấu với Ca Rơ Bú. Khi thấy lực đã đủ mạnh, lại nhân dịp Ca Rơ Bú làm lễ bỏ mả cho em trai là Ca Rơ Mưng, Đăm Di đã cùng các em bàn bạc cẩn thận, sau đó kéo sang làng Ca Rơ Bú để trả thù. Kết quả là họ đã giết được anh em nhà Ca Rơ Bú, giải cứu cho mọi người. Cuộc sống trở lại cảnh no ấm, yên vui).

ĐĂM DI: – Hồi tất cả trai làng! Ta có việc gấp cần bàn, cần làm. Hãy về ngôi đủ nơi sàn nhà ta, nghe ta nói điều bụng ta đang nghĩ, đang muốn. Mai ta muốn đi hỏi tội kẻ ác Ca Rơ Bú, cứu mẹ, cứu cha cùng vợ con, anh em các người.

TRAI LÀNG: – O ông Đăm Di! Chúng tôi đến ngay đó!

Thuốc hút chưa hết một điếu, chưa tàn một tẩu, mọi người đã đến đông, đến đủ...

ĐĂM DI: Hồi tất cả trai làng tốt bụng của ta! Tối nay ta thắp đèn mờ, đốt lửa chai để bàn cho trúng, cho suốt việc đi đánh bọn ác Ca Rơ Bú. Ta muốn đi ngay sáng mai. (...) Bụng các anh nghĩ làm sao?

Đăm Di miệng nói chưa hết lời, dứt tiếng, trai làng người này người nọ đã âm âm như sấm dậy, giờ giáo mác như bông lau ngọn lách, muốn được đi đánh kẻ ác Ca Rơ Bú ngay.

TRAI LÀNG: O ông Đăm Di! Đi ngay chứ! Chuyện đó chúng tôi đã muốn từ lâu, từ trước. Dao chúng tôi đã mài, mác chúng tôi đã sắc, khiên chúng tôi đã sắp, đã sửa. Chỉ còn chờ người gọi đi, chờ ông dẫn đường đó thôi. Thù Ca Rơ Bú đã đầy một bụng, giận Ca Rơ Bú đầy một ngực. Chúng tôi chỉ muốn đi hỏi nợ nó ngay tức khắc!

ĐĂM DI: – Hồi trai làng, vậy sáng mai ta sẽ ăn thịt, uống rượu ở đây thật sớm để lên đường. Thôi các anh về nghỉ cho được khỏe chân, mạnh tay, mai cầm khiên cho chắc, vung dao cho khỏe, cuốc cho tan, đánh cho vỡ bọn cộc ác Ca Rơ Bú.

Đăm Di vừa dứt lời, trai làng người này một câu, người kia một tiếng. **NGƯỜI NỌ:** – O chú Đăm Di, chuyện đó đừng lo, chúng tôi đã có nhiều sức.

NGƯỜI KIA: – O ông Đăm Di, chuyện đó đừng ngại, chúng tôi đã dư nhiều lực. Tay chúng tôi sẽ làm theo lời ông, chân chúng tôi chẳng đi ngược chân ông. Phải cuốc được vỡ, đánh được tan bọn Ca Rơ Bú hung ác hơn con hổ, con cộc kia bụng chúng tôi mới hả, mới nguôi.

ĐĂM DI: – Hồi trai làng, hãy về nhà nghỉ đi! Mai đến đây thật sớm ăn cơm uống rượu rồi lên đường cho khỏe chân, mạnh tay.

TRAI LÀNG: – O bác, o ông Đăm Di! Chúng tôi về đây!

Khi trai làng đã về hết, Đăm Di lại tiếp tục bàn bạc với các em.

ĐĂM DI: – O bạn Đăm Gorooăn, em Xing Mun, Xing Mơ Nga, Hơ Lát Dang! Việc nhỏ, việc lớn ta hãy bàn cho kĩ. Muốn đánh chổng được tan, cuốc được vỡ, giết nhanh được bọn Ca Rơ Bú, ta phải làm thế nào? Bụng bạn và các em nghĩ sao?

HƠ LÁT DANG: – Các anh như cây konia mọc trước, cây đa mọc đầu, các anh nói bụng các anh trước đi! Em là út xin được nói sau.

ĐĂM GOROOĂN: – O bạn Đăm Di! Sớm mai, khi chim borobúc kêu, ta bắt nôi, dựng kiềng, chim ató gọi, ta vo gạo nấu cơm, chim diều hót, ta gói cơm, chim chào mào giục, ta mở cổng, chim mơlang báo thức người đi làm thì ta lên đường.

ĐẨM DI: – Đó là ý bạn Đăm Gorooăn. Còn bụng các em tính làm sao?

XING MUN: – O anh Đăm Di! Bụng em nghĩ là sáng mai ta cơm nước thật sớm rồi đi ngay. Đến gần làng Ca Rơ Bú, ta sẽ chia người nào vây quanh làng, người nào nấp chờ ở bên nước ăn. Đến trưa, khi bọn Ca Rơ Bú đi làm lễ nhà mả về, kẻ mệt, thẳng say, lúc đó ta ập vào đánh. Dẫu chúng có mười tay cũng không kịp trở, mười chân cũng không kịp chạy. Ta sẽ bắt chúng như bắt gà trong lồng, bắt lợn trong cũi!

XING MƠ NGA: – Bụng em nghĩ rằng, chờ đến chiều ngày mai, khi bọn Ca Rơ Bú đang ăn nhà mả, chúng ta sẽ ập vào đánh. Đúng lúc chúng đang mãi tranh thịt, mê rượu, không còn nhớ, không còn nghĩ gì đến việc khiên đao, lúc đó chúng chỉ còn cách nằm im cho ta bắt, nằm gục cho ta trói. Bụng chúng hết giỏi, tay chúng hết mạnh!

Đăm Di quay mặt về phía Hơ Lát Dang hỏi.

ĐẨM DI: – O em Hơ Lát Dang! Bụng em nghĩ sao, miệng em chưa thấy nói?

HƠ LÁT DANG: – O anh Đăm Di, o các anh! Bụng em cũng như bụng các anh thôi.

Đánh sáng sớm, đánh buổi trưa, hay buổi chiều đều được cả. Nhưng em nghĩ đánh buổi chiều tốt hơn. Đánh

buổi chiều, ta sẽ chóng cuộc được tan, đánh được vỡ bọn Ca Rơ Bú, ta mới chắc chắn cứu được mẹ, được cha, được chị Bra Lơ Tang, chị Hơ Bia Rơ Sun. Đánh sớm quá, bụng chúng chưa no thịt, đầu chúng chưa say rượu, chân chúng còn nhanh, mắt chúng còn tinh, chúng sẽ giết mất mẹ cha ta, cùng chị Bra Lơ Tang, chị Hơ Bia Rơ Sun...

ĐẨM DI: – Em Hơ Lát Dang nói trúng đấy! Bụng anh cũng nghĩ thế đó! O bạn Đăm Gorooăn, o các em, mai ta cứ làm thế thôi. Bây giờ ta đi nghỉ cho khỏe chân, mạnh tay! Đêm hôm ấy, Đăm Di mắt không muốn nhắm, đầu không muốn ngủ. Chàng thở lên “đứt ngọn dây dưa, thở xuống đứt ngọn dây mọkao”. Chàng vừa ngồi xuống chưa yên chỗ, đã lại muốn đứng lên, vừa ngả lưng chưa ấm chỗ, đã bật ngồi dậy. Bụng chàng đang thương em gái Bra Lơ Tang, lòng chàng đang nhớ Hơ Bia Rơ Sun (vợ của Đăm Di) bấy lâu bị bọn ác Ca Rơ Bú bắt trói, đánh đập. Chàng nghĩ thương mẹ, thương cha, thương dân làng. Tai chàng hết nghiêng bên này, nghe bên nọ xem đã có tiếng gà rừng gọi sáng, tiếng gà làng gọi dậy, tiếng chim borơ búk gọi nấu cơm, nghiêng bên kia xem đã có tiếng chim ató, tiếng chim mơlang gọi mở cổng, kêu mở cửa để lên đường đi đánh kẻ ác Ca Rơ Bú.

(Trích: **Đăm Di đi săn**, sử thi Ê đê, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.165-166)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. Hướng dẫn chấm:	0,5

		<p>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.</p>	
	2	<p>Các chữ có tác dụng hiệp vần trong văn bản: chòe, quê, mê, te, khoe.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời từ 02 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời được 01 chi tiết: 0,25 điểm</p>	0,5
	3	<p>Tác dụng của tác từ lấy tượng thanh được sử dụng trong văn bản:</p> <p>– Các từ lấy tượng thanh: quang quác quác, tè tè te.</p> <p>– Tác dụng:</p> <p>+ Mô phỏng âm thanh của các loài vật</p> <p>+ Là tiếng gọi của thời gian, của quê hương, cũng là sự giục giã của lòng người, khiến người xa quê muốn từ bỏ chốn quan trường để quay về quê cũ. Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh chỉ nêu được chủ đề về lòng hiếu thảo của anh Hết: 0,5 điểm.</p>	1,0
	4	<p>Tâm sự của nhân vật trữ tình:</p> <p>– Nỗi nhớ mong quê hương tha thiết.</p> <p>– Nỗi phân vân, lòng mong mỏi muốn rời xa chốn quan trường xô bồ, thị phi để trở về với quê hương, với thiên nhiên yên bình nhằm “lánh đục tìm trong”. Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm</p> <p>- Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm</p>	0,25 0,75
	5	<p>Suy nghĩ về vai trò của quê hương đối với mỗi con người:</p> <p>– Quê hương là nơi ta sinh ra, là nơi gắn liền với những năm tháng ấu thơ tươi đẹp, nơi bồi dưỡng tâm hồn và nhân cách của ta trong những thời khắc đầu đời.</p> <p>– Quê hương là nơi có gia đình, có hàng xóm láng giềng, có hơi ấm của sự chở che, tình yêu thương.</p> <p>– Quê hương là bến đỗ của con người sau những giông bão của cuộc đời.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <p>- Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm.</p>	
II		LÀM VĂN	
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Đăm Di trong văn bản “Đăm	2.0

		Di đi sẵn”.	
		a) <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> <i>Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> (khoảng 200 chữ). Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Đăm Di trong văn bản “Đăm Di đi sẵn”.	0,25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> * <i>Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận.</i> Sau đây là một số gợi ý: – <i>Đăm Di là người anh hùng luôn đứng ra gánh vác trọng trách của cộng đồng: anh đã tập hợp mọi người lại để cùng bàn bạc, lên kế hoạch, nhằm kéo sang làng Ca Rơ Bú để trả mối thù chung.</i> – <i>Đăm Di là người anh hùng có uy tín, có khả năng hiệu triệu dân làng. Khi anh đưa ra mệnh lệnh, dân làng đều nghe theo.</i> – <i>Đăm Di là người được vị nể, nhưng anh luôn dân chủ trong mọi vấn đề: lắng nghe ý kiến của mọi người, và làm theo những ý kiến hợp lí.</i> – <i>Đăm Di luôn trăn trở, lo lắng cho dân làng. Đêm trước khi kéo sang làng Ca Rơ Bú, anh đã trăn trở không ngủ được vì thương cha mẹ, thương dân làng, thương em, thương vợ bị bọn nhà Ca Rơ Bú bắt làm nô lệ.</i> => <i>Đăm Di là hiện thân cho vẻ đẹp của một con người hết lòng lo lắng và chiến đấu cho cộng đồng.</i> * <i>Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</i>	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e) <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về vấn đề: thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay.	5.0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay.</p>	0,5
	<p>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề nghị luận. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: <p>1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu vấn đề nghị luận: thực trạng đọc sách của giới trẻ hiện nay. – Đây là một vấn đề mang tính thời sự, cần thiết phải đưa ra bàn luận. <p>2. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>2.1. Thực trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Một bộ phận giới trẻ ngày nay vẫn còn niềm đam mê với sách. – Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một bộ phận không nhỏ giới trẻ đã bỏ quên hoặc chưa có thói quen đọc sách; thay vào đó, họ tìm đến các thú giải trí khác như mạng xã hội, tik tok, intagram, hay các cuộc tụ tập cà phê, trà sữa, nhậu nhẹt,... <p>2.2. Lợi ích của việc đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giúp con người suy tư sâu hơn về cuộc sống cũng như về bản thân mình. – Giúp trau dồi kiến thức và khả năng ngôn ngữ. – Giúp chúng ta tránh được những tiêu cực do mạng xã hội hay các cuộc tụ tập bạn bè có thể gây ra, như sa vào các nguồn tin fake, các trang web không lành mạnh, thói nói xấu người khác,... <p>2.3. Tác hại của việc không có thói quen đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Người không đọc sách sẽ khiến bản thân trở nên hời hợt, nông cạn, không có được sự điềm tĩnh trong việc nhìn nhận cuộc đời và bản thân. – Không đọc sách khiến tâm hồn ngày càng trở nên chai sạn, thậm chí dẫn đến vô cảm. – Không đọc sách mà chỉ lướt face, xem ảnh khiến cho con người dần trở nên lười biếng, không có được sự kiên trì, tập trung cần thiết cho việc học tập. <p>2.4. Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần ý thức được tầm quan trọng của sách, nhất là sách giấy đối với cuộc sống con người. – Cần tuyên truyền và nhân rộng văn hóa đọc sách trong nhà trường và xã hội. 	1.0

	<p>– Cần xây dựng các tủ sách cá nhân, tủ sách gia đình, tủ sách dòng họ, tủ sách trường học,... Từ đó hình thành từ sớm cho con cái thói quen đọc sách.</p> <p>3. Rút ra bài học cho bản thân:</p> <p>– Cần dành ra mỗi ngày một khoảng thời gian nhất định để đọc sách.</p> <p>– Cần tìm đến những cuốn sách bổ ích, phù hợp với bản thân để đọc.</p> <p>– Cần có cách đọc sách khoa học để mang lại hiệu quả cao nhất.</p> <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.</p>	
	<p>đ. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Học sinh lựa chọn ít nhất được 2 luận điểm để bày tỏ được quan điểm của cá nhân.</p> <p>- Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt hợp lý để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống ý.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, hợp lý, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10.0

----- ĐỀ SỐ 25

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Ở bầu thì dáng ắt nên tròn.
 Xấu tốt đều thì rập khuôn.
 Lân cận nhà giàu no bữa cám;
 Bạn bè kẻ trộm phải đau đòn¹.
 Chơi cùng bày đại nên bày đại;
 Kết mấy người khôn học nét khôn.
 Ở đáng thấp thì nên đáng thấp.
 Đen gần mực đỏ gần son.

(Bảo kính cảnh giới – bài 21 - Theo Nguyễn Trãi toàn tập - Đào Duy Anh dịch chú)

¹ Hai câu thơ này là do câu tục ngữ “Ở gần nhà giàu đau răng ăn cám/ Ở gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn”. Câu này được hiểu là “Gần nhà giàu khổ như đau răng lại nhai cám, gần kẻ trộm khổ như đang ốm lại phải đánh đòn”. Láng giềng giàu thường ít thích giao tiếp với hàng xóm nghèo nên khi tối lửa tắt đèn ít nhờ vả được nhau. Gần kẻ trộm thì dễ mất trộm hoặc có khi bị đòn oan.

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5:**Câu 1.** Xác định thể thơ của văn bản trên?**Câu 2.** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai cặp câu thực?**Câu 3.** Nhan đề *Bảo kính cảnh giới* có ý nghĩa là gì?**Câu 4.** Anh chị hiểu như thế nào về nội dung chính của hai câu thơ sau:*Chơi cùng bầy dại nên bầy dại**Kết mấy người khôn học nét khôn.***Câu 5.** Thông điệp nào từ đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh chị? Vì sao?**PHẦN II – VIẾT (6,0 điểm)****Câu 1. (2,0 điểm).** Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của tác giả Nguyễn Trãi được thể hiện qua văn bản *Bảo kính cảnh giới* – bài 21.**Câu 2. (4,0 điểm).**

Hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của tình cảm gia đình đối với mỗi con người trong cuộc sống.

..... HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Thất ngôn xen lục ngôn Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai cặp câu thực: ẩn dụ (nhà giàu - cám, kẻ trộm - đầu đòn) Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS chỉ trả lời được tên biện pháp tu từ: 0,25 điểm - HS chỉ trả lời các từ ngữ chứa biện pháp, không gọi tên chính xác biện pháp: 0,25 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	3	Nhan đề <i>Bảo kính cảnh giới</i> có ý nghĩa là gương soi, lời răn về cách xử thế của con người trong xã hội (gương báu răn mình) Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS có giải thích nhưng chưa thật chính xác ý nghĩa nhan đề: 0,5 điểm - HS không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	1,0

	4	<p>- Câu thơ 1 có nghĩa là: Chơi cùng những người đại chúng mấy lúc cũng trở thành kẻ đại</p> <p>- Câu thơ thứ hai có nghĩa là: Nên kết bạn với những người giỏi giang, khôn ngoan để mình học hỏi được nhiều hơn ở họ.</p> <p>- Hai câu thơ là những bài học quý giá về cách sống mà con người nên lựa chọn để hoàn thiện nhân cách.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đủ 2 ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,75 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời đúng ý nghĩa khái quát của hai câu thơ, không giải thích từng câu: 0,5 điểm</p> <p>- HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm</p>	1,0
	5	<p>HS rút ra được một thông điệp đối với bản thân, có lí giải hợp lí, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội.</p> <p>Gợi ý thông điệp tích cực rút ra từ văn bản:</p> <p>- Chọn bạn mà chơi.</p> <p>- Cần linh hoạt trong cuộc sống.</p> <p>- Đừng kết thân với kẻ xấu.</p> <p>- Nên chơi với người giỏi để học hỏi....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS nêu thông điệp: 0,25 điểm</p> <p>- HS lí giải thuyết phục, hợp lí: 0,75 điểm</p> <p>- HS lí giải có cơ sở diễn đạt chưa mạch lạc: 0,5 điểm</p> <p>- HS lí giải chưa thuyết phục: 0,25 điểm</p>	1,0
II		VIẾT	6.0
	1	Viết đoạn nghị luận 200 chữ trình bày suy nghĩ về vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của tác giả Nguyễn Trãi được thể hiện qua văn bản <i>Bảo kính cảnh giới – bài 21</i>.	2,0
		<p>f. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn:</p> <p>Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. TS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch – qui nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
		<p>g. Xác định vấn đề nghị luận.</p> <p>Xác định đúng vấn đề nghị luận: về đẹp tâm hồn, nhân cách của tác giả Nguyễn Trãi được thể hiện qua văn bản <i>Bảo kính cảnh giới – bài 21</i>.</p>	0,25
		<p>h. Đề xuất hệ thống ý phù hợp.</p> <p>+ Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận,</p>	0,5

	<p>sau đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ là lời tâm sự chân thành, là những đúc kết, những trải nghiệm của Nguyễn Trãi về cuộc sống. - Mỗi dòng thơ là một bài học quý về cách ứng xử linh hoạt trước hoàn cảnh, môi trường sống để ngày càng phát triển và hoàn thiện nhân cách. - Đằng sau bài thơ là một tấm lòng chứa chan tình yêu thương, luôn trăn trở, băn khoăn, lo lắng cho con người, cho cuộc đời. <p>...</p> <p>+ Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn kiểu đoạn văn.</p>	
	<p><i>i. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật thần thoại được thể hiện trong văn bản. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. 	0,5
	<p><i>đ. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ ngữ pháp., liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>j. Sáng tạo:</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Viết bài văn (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của tình cảm gia đình đối với mỗi con người trong cuộc sống.	4,0
	<i>a. Xác định yêu cầu kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội.	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> vai trò của tình cảm gia đình đối với mỗi con người trong cuộc sống.	0,5
	<p><i>c. Đề xuất hệ thống ý phù hợp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định được các ý chính của bài viết. + Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: <p><i>*Giới thiệu vấn đề nghị luận (tình cảm gia đình)</i></p> <p><i>*Triển khai vấn đề nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Tình cảm gia đình là tình yêu, sự gắn bó giữa những người có chung huyết thống. Đó có thể là tình yêu thương, sự chăm lo, che chở của cha mẹ với con cái; sự quan tâm, chăm sóc của con cái với ông bà cha mẹ; sự 	1,0

	<p>đùm bọc, thương yêu của anh chị em trong gia đình.</p> <p>- Thể hiện quan điểm: Tình cảm gia đình có vai trò quan trọng đối với mỗi con người:</p> <p>+ Nuôi dưỡng đời sống tâm hồn, tình cảm con người trở nên phong phú.</p> <p>+ Giúp con người có động lực, sức mạnh để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.</p> <p>+ Tạo nên chỗ dựa vững vững chắc trong mọi hoàn cảnh, là nơi ta tìm về sau những vấp ngã, mệt mỏi.</p> <p>+ Tình cảm gia đình là tình cảm tốt đẹp nhất để con người rèn luyện, hình thành những phẩm chất tốt đẹp, là nền tảng hình thành nhân cách.</p> <p>(Chứng minh vai trò của tình cảm gia đình bằng một số dẫn chứng thực tế)</p> <p>- Mở rộng trao đổi: Trong cuộc sống vẫn có những người chưa biết trân trọng tình cảm gia đình, sống thờ ơ, lạnh nhạt. Lại có những người vô trách nhiệm, bất hiếu với ông bà cha mẹ... Những hành vi, lối sống đó cần phải được lên án.</p> <p>* Kết thúc vấn đề: khái quát lại vấn đề nghị luận, rút ra bài học.</p>	
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân.</p> <p>- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.</p> <p>- Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	1,5
	<p><i>e. Diễn đạt:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>g. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc; cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.</p>	0,5